

Số: 111.01.../2025/QĐ-TGD

Hải Phòng, ngày 11 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN VINHOMES

(v/v phê duyệt điều chỉnh giá nhà ở xã hội Dự án xây dựng Nhà ở xã hội (giai đoạn 1) tại phường Tràng Cát, quận Hải An thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng)

TỔNG GIÁM ĐỐC

- Căn cứ Quyết định số 111.01/2025/QĐ-TGD ngày 13/08/2025 về việc phê duyệt giá Nhà ở xã hội (giai đoạn 1) tại phường Tràng Cát, quận Hải An thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng (“Quyết Định Phê Giá Bán Số 111.01”).
- Căn cứ Quyết định số 473.0.1/2025/QĐ-TGD ngày 11/11/2025 về việc phê duyệt việc điều chỉnh Phương án để xác định giá Nhà ở xã hội (giai đoạn 1) tại phường Tràng Cát, quận Hải An thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng.
- Căn cứ Bản điều chỉnh Báo cáo kết quả thẩm tra số 3995/VKT/BDS ngày 11/11/2025 về việc thẩm tra giá bán Nhà ở xã hội (giai đoạn 1) tại phường Tràng Cát, quận Hải An thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt việc điều chỉnh giá bán nhà ở xã hội

Phê duyệt việc điều chỉnh giá bán nhà ở xã hội tại Dự án xây dựng Nhà ở xã hội (giai đoạn 1) tại phường Tràng Cát, quận Hải An thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng (“**Dự Án**”).

Theo đó, Giá bán nhà ở xã hội tại Dự Án (sau khi điều chỉnh) được quy định chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm Quyết định này.

Điều 2: Hiệu lực

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Giá bán nhà ở xã hội tại Dự Án được quy định chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm Quyết định này sẽ thay thế toàn văn giá bán nhà ở xã hội được đính kèm theo Quyết Định Phê Duyệt Giá Bán số 111.01.

Các Phòng, Ban liên quan của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu VP.

TM. CÔNG TY CỔ PHẦN VINHOMES



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THU HẰNG

Phụ lục 01
Hệ số điều chỉnh theo vị trí và giá bán các căn hộ nhà ở xã hội tại các tòa nhà của dự án

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2) Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)	Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số KI	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
	NXH1.17A.1	123		988,8	5.430,7	6.419,5	21.967.238	1,000	21.967.238
1	NXH1.17A.1	CH-01	1	69,9	-	69,9	21.967.238	0,984	21.605.520
2	NXH1.17A.1	CH-02	1	67,2	-	67,2	21.967.238	0,974	21.400.728
3	NXH1.17A.1	CH-03	1	45,9	-	45,9	21.967.238	0,988	21.707.915
4	NXH1.17A.1	CH-04	1	67,3	-	67,3	21.967.238	1,012	22.238.326
5	NXH1.17A.1	CH-05	1	62,4	-	62,4	21.967.238	1,048	23.018.582
6	NXH1.17A.1	CH-06	1	65,0	-	65,0	21.967.238	1,010	22.178.937
7	NXH1.17A.1	CH-07	1	54,7	-	54,7	21.967.238	0,998	21.912.708
8	NXH1.17A.1	CH-08	1	54,7	-	54,7	21.967.238	1,010	22.178.937
9	NXH1.17A.1	CH-09	1	69,0	-	69,0	21.967.238	0,995	21.851.270
10	NXH1.17A.1	CH-10	1	47,5	-	47,5	21.967.238	1,007	22.117.499
11	NXH1.17A.1	CH-11	1	37,1	-	37,1	21.967.238	1,025	22.527.082
12	NXH1.17A.1	CH-12	1	29,3	-	29,3	21.967.238	1,025	22.527.082
13	NXH1.17A.1	CH-13	1	70,0	-	70,0	21.967.238	1,024	22.486.124
14	NXH1.17A.1	CH-14	1	53,9	-	53,9	21.967.238	0,997	21.902.468
15	NXH1.17A.1	CH-15	1	67,2	-	67,2	21.967.238	0,974	21.400.728
16	NXH1.17A.1	CH-16	1	67,2	-	67,2	21.967.238	0,977	21.462.165
17	NXH1.17A.1	CH-17	1	60,5	-	60,5	21.967.238	0,979	21.503.124
18	NXH1.17A.1	CH-01	2	-	55,4	55,4			0,961
19	NXH1.17A.1	CH-02	2	-	53,3	53,3			0,951
20	NXH1.17A.1	CH-03	2	-	32,5	32,5			0,961
21	NXH1.17A.1	CH-04	2	-	61,3	61,3			1,006
22	NXH1.17A.1	CH-05	2	-	61,3	61,3			1,054
23	NXH1.17A.1	CH-06	2	-	56,1	56,1			0,999
24	NXH1.17A.1	CH-07	2	-	53,6	53,6			0,986
25	NXH1.17A.1	CH-08	2	-	53,6	53,6			0,999
26	NXH1.17A.1	CH-09	2	-	53,6	53,6			0,983
27	NXH1.17A.1	CH-12	2	-	28,8	28,8			1,015
28	NXH1.17A.1	CH-13	2	-	28,9	28,9			0,996
29	NXH1.17A.1	CH-14	2	-	68,9	68,9			1,038
30	NXH1.17A.1	CH-15	2	-	68,9	68,9			1,020
31	NXH1.17A.1	CH-16	2	-	32,4	32,4			0,969
32	NXH1.17A.1	CH-17	2	-	53,5	53,5			0,946
33	NXH1.17A.1	CH-18	2	-	53,6	53,6			0,949
34	NXH1.17A.1	CH-01	3	-	55,4	55,4			0,966
35	NXH1.17A.1	CH-02	3	-	53,3	53,3			0,956
36	NXH1.17A.1	CH-03	3	-	32,5	32,5			0,966
37	NXH1.17A.1	CH-04	3	-	61,3	61,3			1,011
38	NXH1.17A.1	CH-05	3	-	61,3	61,3			1,059
39	NXH1.17A.1	CH-06	3	-	56,1	56,1			1,003
40	NXH1.17A.1	CH-07	3	-	53,6	53,6			0,991
41	NXH1.17A.1	CH-08	3	-	53,6	53,6			1,003
42	NXH1.17A.1	CH-09	3	-	53,6	53,6			0,988
43	NXH1.17A.1	CH-10	3	-	53,6	53,6			1,001
44	NXH1.17A.1	CH-11	3	-	53,7	53,7			1,001
45	NXH1.17A.1	CH-12	3	-	28,8	28,8			1,020
46	NXH1.17A.1	CH-13	3	-	28,9	28,9			1,001
47	NXH1.17A.1	CH-14	3	-	68,9	68,9			1,043
48	NXH1.17A.1	CH-15	3	-	68,9	68,9			1,025
49	NXH1.17A.1	CH-16	3	-	32,4	32,4			0,974
50	NXH1.17A.1	CH-17	3	-	53,5	53,5			0,951
51	NXH1.17A.1	CH-18	3	-	53,6	53,6			0,954
52	NXH1.17A.1	CH-01	4	-	55,4	55,4			0,956
53	NXH1.17A.1	CH-02	4	-	53,3	53,3			0,946
54	NXH1.17A.1	CH-03	4	-	32,5	32,5			0,956
55	NXH1.17A.1	CH-04	4	-	61,3	61,3			1,001
56	NXH1.17A.1	CH-05	4	-	61,3	61,3			1,049
57	NXH1.17A.1	CH-06	4	-	56,1	56,1			0,994
58	NXH1.17A.1	CH-07	4	-	53,6	53,6			0,981
59	NXH1.17A.1	CH-08	4	-	53,6	53,6			0,994
60	NXH1.17A.1	CH-09	4	-	53,6	53,6			0,978
61	NXH1.17A.1	CH-10	4	-	53,6	53,6			0,991
62	NXH1.17A.1	CH-11	4	-	53,7	53,7			0,991
63	NXH1.17A.1	CH-12	4	-	28,8	28,8			1,010
64	NXH1.17A.1	CH-13	4	-	28,9	28,9			0,991
65	NXH1.17A.1	CH-14	4	-	68,9	68,9			1,033
66	NXH1.17A.1	CH-15	4	-	68,9	68,9			1,015
67	NXH1.17A.1	CH-16	4	-	32,4	32,4			0,964
68	NXH1.17A.1	CH-17	4	-	53,5	53,5			0,941
69	NXH1.17A.1	CH-18	4	-	53,6	53,6			0,944
70	NXH1.17A.1	CH-01	5	-	55,4	55,4			0,976
71	NXH1.17A.1	CH-02	5	-	53,3	53,3			0,966
72	NXH1.17A.1	CH-03	5	-	32,5	32,5			0,976
73	NXH1.17A.1	CH-04	5	-	61,3	61,3			1,021
74	NXH1.17A.1	CH-05	5	-	61,3	61,3			1,069
75	NXH1.17A.1	CH-06	5	-	56,1	56,1			1,013
76	NXH1.17A.1	CH-07	5	-	53,6	53,6			1,001

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số K1	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
				Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)				
77	NXH1.17A.1	CH-08	5	-	53,6	53,6		1,013	
78	NXH1.17A.1	CH-09	5	-	53,6	53,6		0,998	
79	NXH1.17A.1	CH-10	5	-	53,6	53,6		1,010	
80	NXH1.17A.1	CH-11	5	-	53,7	53,7		1,010	
81	NXH1.17A.1	CH-12	5	-	28,8	28,8		1,030	
82	NXH1.17A.1	CH-13	5	-	28,9	28,9		1,010	
83	NXH1.17A.1	CH-14	5	-	68,9	68,9		1,053	
84	NXH1.17A.1	CH-15	5	-	68,9	68,9		1,035	
85	NXH1.17A.1	CH-16	5	-	32,4	32,4		0,984	
86	NXH1.17A.1	CH-17	5	-	53,5	53,5		0,961	
87	NXH1.17A.1	CH-18	5	-	53,6	53,6		0,964	
88	NXH1.17A.1	CH-01	6	-	55,4	55,4		0,991	
89	NXH1.17A.1	CH-02	6	-	53,3	53,3		0,981	
90	NXH1.17A.1	CH-03	6	-	32,5	32,5		0,991	
91	NXH1.17A.1	CH-04	6	-	61,3	61,3		1,036	
92	NXH1.17A.1	CH-05	6	-	61,3	61,3		1,073	
93	NXH1.17A.1	CH-06	6	-	56,1	56,1		1,018	
94	NXH1.17A.1	CH-07	6	-	53,6	53,6		1,005	
95	NXH1.17A.1	CH-08	6	-	53,6	53,6		1,018	
96	NXH1.17A.1	CH-09	6	-	53,6	53,6		1,002	
97	NXH1.17A.1	CH-10	6	-	53,6	53,6		1,015	
98	NXH1.17A.1	CH-11	6	-	53,7	53,7		1,015	
99	NXH1.17A.1	CH-12	6	-	28,8	28,8		1,035	
100	NXH1.17A.1	CH-13	6	-	28,9	28,9		1,015	
101	NXH1.17A.1	CH-14	6	-	68,9	68,9		1,068	
102	NXH1.17A.1	CH-15	6	-	68,9	68,9		1,049	
103	NXH1.17A.1	CH-16	6	-	32,4	32,4		0,999	
104	NXH1.17A.1	CH-17	6	-	53,5	53,5		0,976	
105	NXH1.17A.1	CH-18	6	-	53,6	53,6		0,979	
106	NXH1.17A.1	CH-01	7	-	55,4	55,4		0,971	
107	NXH1.17A.1	CH-02	7	-	53,3	53,3		0,961	
108	NXH1.17A.1	CH-03	7	-	32,5	32,5		0,971	
109	NXH1.17A.1	CH-04	7	-	61,3	61,3		1,016	
110	NXH1.17A.1	CH-05	7	-	61,3	61,3		1,054	
111	NXH1.17A.1	CH-06	7	-	56,1	56,1		0,999	
112	NXH1.17A.1	CH-07	7	-	53,6	53,6		0,986	
113	NXH1.17A.1	CH-08	7	-	53,6	53,6		0,999	
114	NXH1.17A.1	CH-09	7	-	53,6	53,6		0,983	
115	NXH1.17A.1	CH-10	7	-	53,6	53,6		0,996	
116	NXH1.17A.1	CH-11	7	-	53,7	53,7		0,996	
117	NXH1.17A.1	CH-12	7	-	28,8	28,8		1,015	
118	NXH1.17A.1	CH-13	7	-	28,9	28,9		0,996	
119	NXH1.17A.1	CH-14	7	-	68,9	68,9		1,048	
120	NXH1.17A.1	CH-15	7	-	68,9	68,9		1,030	
121	NXH1.17A.1	CH-16	7	-	32,4	32,4		0,979	
122	NXH1.17A.1	CH-17	7	-	53,5	53,5		0,956	
123	NXH1.17A.1	CH-18	7	-	53,6	53,6		0,959	

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số K1	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
				Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)				
	NXH1.17A.2	123		988,8	5,430,7	6,419,5	21.830.940	1,000	21.830.940
1	NXH1.17A.2	CH-01	1	69,9	-	69,9	21.830.940	0,980	21.399.362
2	NXH1.17A.2	CH-02	1	67,2	-	67,2	21.830.940	0,971	21.196.524
3	NXH1.17A.2	CH-03	1	45,9	-	45,9	21.830.940	0,985	21.500.780
4	NXH1.17A.2	CH-04	1	67,3	-	67,3	21.830.940	1,012	22.099.151
5	NXH1.17A.2	CH-05	1	62,4	-	62,4	21.830.940	1,048	22.880.076
6	NXH1.17A.2	CH-06	1	65,0	-	65,0	21.830.940	1,006	21.967.307
7	NXH1.17A.2	CH-07	1	54,7	-	54,7	21.830.940	0,994	21.703.618
8	NXH1.17A.2	CH-08	1	54,7	-	54,7	21.830.940	1,006	21.967.307
9	NXH1.17A.2	CH-09	1	69,0	-	69,0	21.830.940	0,991	21.642.766
10	NXH1.17A.2	CH-10	1	47,5	-	47,5	21.830.940	1,003	21.906.456
11	NXH1.17A.2	CH-11	1	37,1	-	37,1	21.830.940	1,022	22.312.130
12	NXH1.17A.2	CH-12	1	29,3	-	29,3	21.830.940	1,022	22.312.130
13	NXH1.17A.2	CH-13	1	70,0	-	70,0	21.830.940	1,035	22.596.103
14	NXH1.17A.2	CH-14	1	53,9	-	53,9	21.830.940	1,028	22.431.804
15	NXH1.17A.2	CH-15	1	67,2	-	67,2	21.830.940	0,971	21.196.524
16	NXH1.17A.2	CH-16	1	67,2	-	67,2	21.830.940	0,974	21.257.375
17	NXH1.17A.2	CH-17	1	60,5	-	60,5	21.830.940	0,976	21.297.943
18	NXH1.17A.2	CH-01	2	-	55,4	55,4		0,956	
19	NXH1.17A.2	CH-02	2	-	53,3	53,3		0,946	
20	NXH1.17A.2	CH-03	2	-	32,5	32,5		0,956	
21	NXH1.17A.2	CH-04	2	-	61,3	61,3		1,004	
22	NXH1.17A.2	CH-05	2	-	61,3	61,3		1,052	
23	NXH1.17A.2	CH-06	2	-	56,1	56,1		0,993	
24	NXH1.17A.2	CH-07	2	-	53,6	53,6		0,980	
25	NXH1.17A.2	CH-08	2	-	53,6	53,6		0,993	
26	NXH1.17A.2	CH-09	2	-	53,6	53,6		0,977	
27	NXH1.17A.2	CH-12	2	-	28,8	28,8		1,010	

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số KI	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
				Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)				
28	NXH1.17A.2	CH-13	2	-	28,9	28,9		0,990	
29	NXH1.17A.2	CH-14	2	-	68,9	68,9		1,058	
30	NXH1.17A.2	CH-15	2	-	68,9	68,9		1,060	
31	NXH1.17A.2	CH-16	2	-	32,4	32,4		0,964	
32	NXH1.17A.2	CH-17	2	-	53,5	53,5		0,941	
33	NXH1.17A.2	CH-18	2	-	53,6	53,6		0,944	
34	NXH1.17A.2	CH-01	3	-	55,4	55,4		0,961	
35	NXH1.17A.2	CH-02	3	-	53,3	53,3		0,951	
36	NXH1.17A.2	CH-03	3	-	32,5	32,5		0,961	
37	NXH1.17A.2	CH-04	3	-	61,3	61,3		1,009	
38	NXH1.17A.2	CH-05	3	-	61,3	61,3		1,057	
39	NXH1.17A.2	CH-06	3	-	56,1	56,1		0,998	
40	NXH1.17A.2	CH-07	3	-	53,6	53,6		0,985	
41	NXH1.17A.2	CH-08	3	-	53,6	53,6		0,998	
42	NXH1.17A.2	CH-09	3	-	53,6	53,6		0,982	
43	NXH1.17A.2	CH-10	3	-	53,6	53,6		0,995	
44	NXH1.17A.2	CH-11	3	-	53,7	53,7		0,995	
45	NXH1.17A.2	CH-12	3	-	28,8	28,8		1,015	
46	NXH1.17A.2	CH-13	3	-	28,9	28,9		0,995	
47	NXH1.17A.2	CH-14	3	-	68,9	68,9		1,063	
48	NXH1.17A.2	CH-15	3	-	68,9	68,9		1,065	
49	NXH1.17A.2	CH-16	3	-	32,4	32,4		0,969	
50	NXH1.17A.2	CH-17	3	-	53,5	53,5		0,946	
51	NXH1.17A.2	CH-18	3	-	53,6	53,6		0,949	
52	NXH1.17A.2	CH-01	4	-	55,4	55,4		0,951	
53	NXH1.17A.2	CH-02	4	-	53,3	53,3		0,941	
54	NXH1.17A.2	CH-03	4	-	32,5	32,5		0,951	
55	NXH1.17A.2	CH-04	4	-	61,3	61,3		0,999	
56	NXH1.17A.2	CH-05	4	-	61,3	61,3		1,047	
57	NXH1.17A.2	CH-06	4	-	56,1	56,1		0,988	
58	NXH1.17A.2	CH-07	4	-	53,6	53,6		0,975	
59	NXH1.17A.2	CH-08	4	-	53,6	53,6		0,988	
60	NXH1.17A.2	CH-09	4	-	53,6	53,6		0,972	
61	NXH1.17A.2	CH-10	4	-	53,6	53,6		0,985	
62	NXH1.17A.2	CH-11	4	-	53,7	53,7		0,985	
63	NXH1.17A.2	CH-12	4	-	28,8	28,8		1,005	
64	NXH1.17A.2	CH-13	4	-	28,9	28,9		0,985	
65	NXH1.17A.2	CH-14	4	-	68,9	68,9		1,053	
66	NXH1.17A.2	CH-15	4	-	68,9	68,9		1,055	
67	NXH1.17A.2	CH-16	4	-	32,4	32,4		0,959	
68	NXH1.17A.2	CH-17	4	-	53,5	53,5		0,936	
69	NXH1.17A.2	CH-18	4	-	53,6	53,6		0,939	
70	NXH1.17A.2	CH-01	5	-	55,4	55,4		0,971	
71	NXH1.17A.2	CH-02	5	-	53,3	53,3		0,961	
72	NXH1.17A.2	CH-03	5	-	32,5	32,5		0,971	
73	NXH1.17A.2	CH-04	5	-	61,3	61,3		1,019	
74	NXH1.17A.2	CH-05	5	-	61,3	61,3		1,067	
75	NXH1.17A.2	CH-06	5	-	56,1	56,1		1,008	
76	NXH1.17A.2	CH-07	5	-	53,6	53,6		0,995	
77	NXH1.17A.2	CH-08	5	-	53,6	53,6		1,008	
78	NXH1.17A.2	CH-09	5	-	53,6	53,6		0,992	
79	NXH1.17A.2	CH-10	5	-	53,6	53,6		1,005	
80	NXH1.17A.2	CH-11	5	-	53,7	53,7		1,005	
81	NXH1.17A.2	CH-12	5	-	28,8	28,8		1,024	
82	NXH1.17A.2	CH-13	5	-	28,9	28,9		1,005	
83	NXH1.17A.2	CH-14	5	-	68,9	68,9		1,072	
84	NXH1.17A.2	CH-15	5	-	68,9	68,9		1,074	
85	NXH1.17A.2	CH-16	5	-	32,4	32,4		0,978	
86	NXH1.17A.2	CH-17	5	-	53,5	53,5		0,956	
87	NXH1.17A.2	CH-18	5	-	53,6	53,6		0,959	
88	NXH1.17A.2	CH-01	6	-	55,4	55,4		0,985	
89	NXH1.17A.2	CH-02	6	-	53,3	53,3		0,975	
90	NXH1.17A.2	CH-03	6	-	32,5	32,5		0,985	
91	NXH1.17A.2	CH-04	6	-	61,3	61,3		1,034	
92	NXH1.17A.2	CH-05	6	-	61,3	61,3		1,072	
93	NXH1.17A.2	CH-06	6	-	56,1	56,1		1,013	
94	NXH1.17A.2	CH-07	6	-	53,6	53,6		1,000	
95	NXH1.17A.2	CH-08	6	-	53,6	53,6		1,013	
96	NXH1.17A.2	CH-09	6	-	53,6	53,6		0,997	
97	NXH1.17A.2	CH-10	6	-	53,6	53,6		1,010	
98	NXH1.17A.2	CH-11	6	-	53,7	53,7		1,010	
99	NXH1.17A.2	CH-12	6	-	28,8	28,8		1,029	
100	NXH1.17A.2	CH-13	6	-	28,9	28,9		1,010	
101	NXH1.17A.2	CH-14	6	-	68,9	68,9		1,077	
102	NXH1.17A.2	CH-15	6	-	68,9	68,9		1,089	
103	NXH1.17A.2	CH-16	6	-	32,4	32,4		0,993	
104	NXH1.17A.2	CH-17	6	-	53,5	53,5		0,971	
105	NXH1.17A.2	CH-18	6	-	53,6	53,6		0,973	
106	NXH1.17A.2	CH-01	7	-	55,4	55,4		0,966	
107	NXH1.17A.2	CH-02	7	-	53,3	53,3		0,956	

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2) Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)	Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số KI	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
108	NXH1.17A.2	CH-03	7	-	32,5	32,5		0,966	
109	NXH1.17A.2	CH-04	7	-	61,3	61,3		1,014	
110	NXH1.17A.2	CH-05	7	-	61,3	61,3		1,052	
111	NXH1.17A.2	CH-06	7	-	56,1	56,1		0,993	
112	NXH1.17A.2	CH-07	7	-	53,6	53,6		0,980	
113	NXH1.17A.2	CH-08	7	-	53,6	53,6		0,993	
114	NXH1.17A.2	CH-09	7	-	53,6	53,6		0,977	
115	NXH1.17A.2	CH-10	7	-	53,6	53,6		0,990	
116	NXH1.17A.2	CH-11	7	-	53,7	53,7		0,990	
117	NXH1.17A.2	CH-12	7	-	28,8	28,8		1,010	
118	NXH1.17A.2	CH-13	7	-	28,9	28,9		0,990	
119	NXH1.17A.2	CH-14	7	-	68,9	68,9		1,058	
120	NXH1.17A.2	CH-15	7	-	68,9	68,9		1,069	
121	NXH1.17A.2	CH-16	7	-	32,4	32,4		0,973	
122	NXH1.17A.2	CH-17	7	-	53,5	53,5		0,951	
123	NXH1.17A.2	CH-18	7	-	53,6	53,6		0,954	

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số KI	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)	
				Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)	diện tích (m2)				
NXH1.17A.3				123	988,8	5.430,7	6.419,5	21.633.470	1,000	21.633.470
1	NXH1.17A.3	CH-01	1	69,9	-	69,9	21.633.470	1,026	22.200.166	
2	NXH1.17A.3	CH-02	1	67,2	-	67,2	21.633.470	1,017	22.000.164	
3	NXH1.17A.3	CH-03	1	45,9	-	45,9	21.633.470	1,031	22.300.167	
4	NXH1.17A.3	CH-04	1	67,3	-	67,3	21.633.470	1,021	22.080.166	
5	NXH1.17A.3	CH-05	1	62,4	-	62,4	21.633.470	1,013	21.918.164	
6	NXH1.17A.3	CH-06	1	65,0	-	65,0	21.633.470	0,969	20.960.157	
7	NXH1.17A.3	CH-07	1	54,7	-	54,7	21.633.470	0,957	20.700.155	
8	NXH1.17A.3	CH-08	1	54,7	-	54,7	21.633.470	0,969	20.960.157	
9	NXH1.17A.3	CH-09	1	69,0	-	69,0	21.633.470	0,954	20.640.154	
10	NXH1.17A.3	CH-10	1	47,5	-	47,5	21.633.470	0,966	20.900.156	
11	NXH1.17A.3	CH-11	1	37,1	-	37,1	21.633.470	0,985	21.300.159	
12	NXH1.17A.3	CH-12	1	29,3	-	29,3	21.633.470	0,985	21.300.159	
13	NXH1.17A.3	CH-13	1	70,0	-	70,0	21.633.470	0,989	21.390.160	
14	NXH1.17A.3	CH-14	1	53,9	-	53,9	21.633.470	1,043	22.560.169	
15	NXH1.17A.3	CH-15	1	67,2	-	67,2	21.633.470	1,017	22.000.164	
16	NXH1.17A.3	CH-16	1	67,2	-	67,2	21.633.470	1,020	22.060.165	
17	NXH1.17A.3	CH-17	1	60,5	-	60,5	21.633.470	1,022	22.100.165	
18	NXH1.17A.3	CH-01	2	-	55,4	55,4		1,000		
19	NXH1.17A.3	CH-02	2	-	53,3	53,3		0,990		
20	NXH1.17A.3	CH-03	2	-	32,5	32,5		1,000		
21	NXH1.17A.3	CH-04	2	-	61,3	61,3		1,029		
22	NXH1.17A.3	CH-05	2	-	61,3	61,3		1,031		
23	NXH1.17A.3	CH-06	2	-	56,1	56,1		0,968		
24	NXH1.17A.3	CH-07	2	-	53,6	53,6		0,955		
25	NXH1.17A.3	CH-08	2	-	53,6	53,6		0,968		
26	NXH1.17A.3	CH-09	2	-	53,6	53,6		0,952		
27	NXH1.17A.3	CH-12	2	-	28,8	28,8		0,985		
28	NXH1.17A.3	CH-13	2	-	28,9	28,9		0,965		
29	NXH1.17A.3	CH-14	2	-	68,9	68,9		1,014		
30	NXH1.17A.3	CH-15	2	-	68,9	68,9		1,062		
31	NXH1.17A.3	CH-16	2	-	32,4	32,4		1,008		
32	NXH1.17A.3	CH-17	2	-	53,5	53,5		0,985		
33	NXH1.17A.3	CH-18	2	-	53,6	53,6		0,988		
34	NXH1.17A.3	CH-01	3	-	55,4	55,4		1,005		
35	NXH1.17A.3	CH-02	3	-	53,3	53,3		0,995		
36	NXH1.17A.3	CH-03	3	-	32,5	32,5		1,005		
37	NXH1.17A.3	CH-04	3	-	61,3	61,3		1,034		
38	NXH1.17A.3	CH-05	3	-	61,3	61,3		1,035		
39	NXH1.17A.3	CH-06	3	-	56,1	56,1		0,973		
40	NXH1.17A.3	CH-07	3	-	53,6	53,6		0,960		
41	NXH1.17A.3	CH-08	3	-	53,6	53,6		0,973		
42	NXH1.17A.3	CH-09	3	-	53,6	53,6		0,957		
43	NXH1.17A.3	CH-10	3	-	53,6	53,6		0,970		
44	NXH1.17A.3	CH-11	3	-	53,7	53,7		0,970		
45	NXH1.17A.3	CH-12	3	-	28,8	28,8		0,990		
46	NXH1.17A.3	CH-13	3	-	28,9	28,9		0,970		
47	NXH1.17A.3	CH-14	3	-	68,9	68,9		1,019		
48	NXH1.17A.3	CH-15	3	-	68,9	68,9		1,067		
49	NXH1.17A.3	CH-16	3	-	32,4	32,4		1,013		
50	NXH1.17A.3	CH-17	3	-	53,5	53,5		0,990		
51	NXH1.17A.3	CH-18	3	-	53,6	53,6		0,993		
52	NXH1.17A.3	CH-01	4	-	55,4	55,4		0,995		
53	NXH1.17A.3	CH-02	4	-	53,3	53,3		0,985		
54	NXH1.17A.3	CH-03	4	-	32,5	32,5		0,995		
55	NXH1.17A.3	CH-04	4	-	61,3	61,3		1,024		
56	NXH1.17A.3	CH-05	4	-	61,3	61,3		1,026		
57	NXH1.17A.3	CH-06	4	-	56,1	56,1		0,963		
58	NXH1.17A.3	CH-07	4	-	53,6	53,6		0,950		

STT	Tên	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số K1	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
				Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)	(m2)			
59	NXH1.17A.3	CH-08	4	-	53,6	53,6		0,963	
60	NXH1.17A.3	CH-09	4	-	53,6	53,6		0,947	
61	NXH1.17A.3	CH-10	4	-	53,6	53,6		0,960	
62	NXH1.17A.3	CH-11	4	-	53,7	53,7		0,960	
63	NXH1.17A.3	CH-12	4	-	28,8	28,8		0,980	
64	NXH1.17A.3	CH-13	4	-	28,9	28,9		0,960	
65	NXH1.17A.3	CH-14	4	-	68,9	68,9		1,009	
66	NXH1.17A.3	CH-15	4	-	68,9	68,9		1,057	
67	NXH1.17A.3	CH-16	4	-	32,4	32,4		1,003	
68	NXH1.17A.3	CH-17	4	-	53,5	53,5		0,980	
69	NXH1.17A.3	CH-18	4	-	53,6	53,6		0,983	
70	NXH1.17A.3	CH-01	5	-	55,4	55,4		1,015	
71	NXH1.17A.3	CH-02	5	-	53,3	53,3		1,005	
72	NXH1.17A.3	CH-03	5	-	32,5	32,5		1,015	
73	NXH1.17A.3	CH-04	5	-	61,3	61,3		1,043	
74	NXH1.17A.3	CH-05	5	-	61,3	61,3		1,045	
75	NXH1.17A.3	CH-06	5	-	56,1	56,1		0,983	
76	NXH1.17A.3	CH-07	5	-	53,6	53,6		0,970	
77	NXH1.17A.3	CH-08	5	-	53,6	53,6		0,983	
78	NXH1.17A.3	CH-09	5	-	53,6	53,6		0,967	
79	NXH1.17A.3	CH-10	5	-	53,6	53,6		0,980	
80	NXH1.17A.3	CH-11	5	-	53,7	53,7		0,980	
81	NXH1.17A.3	CH-12	5	-	28,8	28,8		1,000	
82	NXH1.17A.3	CH-13	5	-	28,9	28,9		0,980	
83	NXH1.17A.3	CH-14	5	-	68,9	68,9		1,029	
84	NXH1.17A.3	CH-15	5	-	68,9	68,9		1,077	
85	NXH1.17A.3	CH-16	5	-	32,4	32,4		1,023	
86	NXH1.17A.3	CH-17	5	-	53,5	53,5		1,000	
87	NXH1.17A.3	CH-18	5	-	53,6	53,6		1,003	
88	NXH1.17A.3	CH-01	6	-	55,4	55,4		1,020	
89	NXH1.17A.3	CH-02	6	-	53,3	53,3		1,010	
90	NXH1.17A.3	CH-03	6	-	32,5	32,5		1,020	
91	NXH1.17A.3	CH-04	6	-	61,3	61,3		1,048	
92	NXH1.17A.3	CH-05	6	-	61,3	61,3		1,050	
93	NXH1.17A.3	CH-06	6	-	56,1	56,1		0,988	
94	NXH1.17A.3	CH-07	6	-	53,6	53,6		0,975	
95	NXH1.17A.3	CH-08	6	-	53,6	53,6		0,988	
96	NXH1.17A.3	CH-09	6	-	53,6	53,6		0,972	
97	NXH1.17A.3	CH-10	6	-	53,6	53,6		0,985	
98	NXH1.17A.3	CH-11	6	-	53,7	53,7		0,985	
99	NXH1.17A.3	CH-12	6	-	28,8	28,8		1,005	
100	NXH1.17A.3	CH-13	6	-	28,9	28,9		0,985	
101	NXH1.17A.3	CH-14	6	-	68,9	68,9		1,044	
102	NXH1.17A.3	CH-15	6	-	68,9	68,9		1,092	
103	NXH1.17A.3	CH-16	6	-	32,4	32,4		1,028	
104	NXH1.17A.3	CH-17	6	-	53,5	53,5		1,005	
105	NXH1.17A.3	CH-18	6	-	53,6	53,6		1,008	
106	NXH1.17A.3	CH-01	7	-	55,4	55,4		1,000	
107	NXH1.17A.3	CH-02	7	-	53,3	53,3		0,990	
108	NXH1.17A.3	CH-03	7	-	32,5	32,5		1,000	
109	NXH1.17A.3	CH-04	7	-	61,3	61,3		1,029	
110	NXH1.17A.3	CH-05	7	-	61,3	61,3		1,031	
111	NXH1.17A.3	CH-06	7	-	56,1	56,1		0,968	
112	NXH1.17A.3	CH-07	7	-	53,6	53,6		0,955	
113	NXH1.17A.3	CH-08	7	-	53,6	53,6		0,968	
114	NXH1.17A.3	CH-09	7	-	53,6	53,6		0,952	
115	NXH1.17A.3	CH-10	7	-	53,6	53,6		0,965	
116	NXH1.17A.3	CH-11	7	-	53,7	53,7		0,965	
117	NXH1.17A.3	CH-12	7	-	28,8	28,8		0,985	
118	NXH1.17A.3	CH-13	7	-	28,9	28,9		0,965	
119	NXH1.17A.3	CH-14	7	-	68,9	68,9		1,024	
120	NXH1.17A.3	CH-15	7	-	68,9	68,9		1,072	
121	NXH1.17A.3	CH-16	7	-	32,4	32,4		1,008	
122	NXH1.17A.3	CH-17	7	-	53,5	53,5		0,985	
123	NXH1.17A.3	CH-18	7	-	53,6	53,6		0,988	

STT	Tên	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số K1	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
				Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)	(m2)			
	NXH1.17A.4		123	988,8	5.430,7	6.419,5	21.590.631	1,000	21.590.631
1	NXH1.17A.4	CH-01	1	69,9	-	69,9	21.590.631	1,025	22.137.840
2	NXH1.17A.4	CH-02	1	67,2	-	67,2	21.590.631	1,016	21.938.400
3	NXH1.17A.4	CH-03	1	45,9	-	45,9	21.590.631	1,030	22.237.560
4	NXH1.17A.4	CH-04	1	67,3	-	67,3	21.590.631	1,023	22.097.952
5	NXH1.17A.4	CH-05	1	62,4	-	62,4	21.590.631	1,016	21.928.428
6	NXH1.17A.4	CH-06	1	65,0	-	65,0	21.590.631	0,968	20.901.312
7	NXH1.17A.4	CH-07	1	54,7	-	54,7	21.590.631	0,956	20.642.040
8	NXH1.17A.4	CH-08	1	54,7	-	54,7	21.590.631	0,968	20.901.312
9	NXH1.17A.4	CH-09	1	69,0	-	69,0	21.590.631	0,953	20.582.208

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số KI	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
				Diện tích bán	Diện tích cho thuê				
10	NXH1.17A.4	CH-10	1	47,5	-	47,5	21.590.631	0,965	20.841.480
11	NXH1.17A.4	CH-11	1	37,1	-	37,1	21.590.631	0,984	21.240.360
12	NXH1.17A.4	CH-12	1	29,3	-	29,3	21.590.631	0,984	21.240.360
13	NXH1.17A.4	CH-13	1	70,0	-	70,0	21.590.631	1,003	21.657.190
14	NXH1.17A.4	CH-14	1	53,9	-	53,9	21.590.631	1,029	22.217.616
15	NXH1.17A.4	CH-15	1	67,2	-	67,2	21.590.631	1,016	21.938.400
16	NXH1.17A.4	CH-16	1	67,2	-	67,2	21.590.631	1,019	21.998.232
17	NXH1.17A.4	CH-17	1	60,5	-	60,5	21.590.631	1,021	22.038.120
18	NXH1.17A.4	CH-01	2	-	55,4	55,4		0,997	
19	NXH1.17A.4	CH-02	2	-	53,3	53,3		0,987	
20	NXH1.17A.4	CH-03	2	-	32,5	32,5		0,997	
21	NXH1.17A.4	CH-04	2	-	61,3	61,3		1,029	
22	NXH1.17A.4	CH-05	2	-	61,3	61,3		1,031	
23	NXH1.17A.4	CH-06	2	-	56,1	56,1		0,965	
24	NXH1.17A.4	CH-07	2	-	53,6	53,6		0,952	
25	NXH1.17A.4	CH-08	2	-	53,6	53,6		0,965	
26	NXH1.17A.4	CH-09	2	-	53,6	53,6		0,949	
27	NXH1.17A.4	CH-12	2	-	28,8	28,8		0,982	
28	NXH1.17A.4	CH-13	2	-	28,9	28,9		0,962	
29	NXH1.17A.4	CH-14	2	-	68,9	68,9		1,037	
30	NXH1.17A.4	CH-15	2	-	68,9	68,9		1,075	
31	NXH1.17A.4	CH-16	2	-	32,4	32,4		1,005	
32	NXH1.17A.4	CH-17	2	-	53,5	53,5		0,982	
33	NXH1.17A.4	CH-18	2	-	53,6	53,6		0,985	
34	NXH1.17A.4	CH-01	3	-	55,4	55,4		1,002	
35	NXH1.17A.4	CH-02	3	-	53,3	53,3		0,992	
36	NXH1.17A.4	CH-03	3	-	32,5	32,5		1,002	
37	NXH1.17A.4	CH-04	3	-	61,3	61,3		1,034	
38	NXH1.17A.4	CH-05	3	-	61,3	61,3		1,036	
39	NXH1.17A.4	CH-06	3	-	56,1	56,1		0,970	
40	NXH1.17A.4	CH-07	3	-	53,6	53,6		0,957	
41	NXH1.17A.4	CH-08	3	-	53,6	53,6		0,970	
42	NXH1.17A.4	CH-09	3	-	53,6	53,6		0,954	
43	NXH1.17A.4	CH-10	3	-	53,6	53,6		0,967	
44	NXH1.17A.4	CH-11	3	-	53,7	53,7		0,967	
45	NXH1.17A.4	CH-12	3	-	28,8	28,8		0,987	
46	NXH1.17A.4	CH-13	3	-	28,9	28,9		0,967	
47	NXH1.17A.4	CH-14	3	-	68,9	68,9		1,042	
48	NXH1.17A.4	CH-15	3	-	68,9	68,9		1,080	
49	NXH1.17A.4	CH-16	3	-	32,4	32,4		1,010	
50	NXH1.17A.4	CH-17	3	-	53,5	53,5		0,987	
51	NXH1.17A.4	CH-18	3	-	53,6	53,6		0,990	
52	NXH1.17A.4	CH-01	4	-	55,4	55,4		0,992	
53	NXH1.17A.4	CH-02	4	-	53,3	53,3		0,982	
54	NXH1.17A.4	CH-03	4	-	32,5	32,5		0,992	
55	NXH1.17A.4	CH-04	4	-	61,3	61,3		1,024	
56	NXH1.17A.4	CH-05	4	-	61,3	61,3		1,026	
57	NXH1.17A.4	CH-06	4	-	56,1	56,1		0,960	
58	NXH1.17A.4	CH-07	4	-	53,6	53,6		0,947	
59	NXH1.17A.4	CH-08	4	-	53,6	53,6		0,960	
60	NXH1.17A.4	CH-09	4	-	53,6	53,6		0,944	
61	NXH1.17A.4	CH-10	4	-	53,6	53,6		0,957	
62	NXH1.17A.4	CH-11	4	-	53,7	53,7		0,957	
63	NXH1.17A.4	CH-12	4	-	28,8	28,8		0,977	
64	NXH1.17A.4	CH-13	4	-	28,9	28,9		0,957	
65	NXH1.17A.4	CH-14	4	-	68,9	68,9		1,032	
66	NXH1.17A.4	CH-15	4	-	68,9	68,9		1,070	
67	NXH1.17A.4	CH-16	4	-	32,4	32,4		1,000	
68	NXH1.17A.4	CH-17	4	-	53,5	53,5		0,977	
69	NXH1.17A.4	CH-18	4	-	53,6	53,6		0,980	
70	NXH1.17A.4	CH-01	5	-	55,4	55,4		1,012	
71	NXH1.17A.4	CH-02	5	-	53,3	53,3		1,002	
72	NXH1.17A.4	CH-03	5	-	32,5	32,5		1,012	
73	NXH1.17A.4	CH-04	5	-	61,3	61,3		1,044	
74	NXH1.17A.4	CH-05	5	-	61,3	61,3		1,046	
75	NXH1.17A.4	CH-06	5	-	56,1	56,1		0,980	
76	NXH1.17A.4	CH-07	5	-	53,6	53,6		0,967	
77	NXH1.17A.4	CH-08	5	-	53,6	53,6		0,980	
78	NXH1.17A.4	CH-09	5	-	53,6	53,6		0,964	
79	NXH1.17A.4	CH-10	5	-	53,6	53,6		0,977	
80	NXH1.17A.4	CH-11	5	-	53,7	53,7		0,977	
81	NXH1.17A.4	CH-12	5	-	28,8	28,8		0,997	
82	NXH1.17A.4	CH-13	5	-	28,9	28,9		0,977	
83	NXH1.17A.4	CH-14	5	-	68,9	68,9		1,052	
84	NXH1.17A.4	CH-15	5	-	68,9	68,9		1,089	
85	NXH1.17A.4	CH-16	5	-	32,4	32,4		1,019	
86	NXH1.17A.4	CH-17	5	-	53,5	53,5		0,997	
87	NXH1.17A.4	CH-18	5	-	53,6	53,6		1,000	
88	NXH1.17A.4	CH-01	6	-	55,4	55,4		1,016	
89	NXH1.17A.4	CH-02	6	-	53,3	53,3		1,007	

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số KI	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
				Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)				
90	NXH1.17A.4	CH-03	6	-	32,5	32,5		1,016	
91	NXH1.17A.4	CH-04	6	-	61,3	61,3		1,049	
92	NXH1.17A.4	CH-05	6	-	61,3	61,3		1,051	
93	NXH1.17A.4	CH-06	6	-	56,1	56,1		0,985	
94	NXH1.17A.4	CH-07	6	-	53,6	53,6		0,972	
95	NXH1.17A.4	CH-08	6	-	53,6	53,6		0,985	
96	NXH1.17A.4	CH-09	6	-	53,6	53,6		0,969	
97	NXH1.17A.4	CH-10	6	-	53,6	53,6		0,982	
98	NXH1.17A.4	CH-11	6	-	53,7	53,7		0,982	
99	NXH1.17A.4	CH-12	6	-	28,8	28,8		1,002	
100	NXH1.17A.4	CH-13	6	-	28,9	28,9		0,982	
101	NXH1.17A.4	CH-14	6	-	68,9	68,9		1,057	
102	NXH1.17A.4	CH-15	6	-	68,9	68,9		1,094	
103	NXH1.17A.4	CH-16	6	-	32,4	32,4		1,024	
104	NXH1.17A.4	CH-17	6	-	53,5	53,5		1,002	
105	NXH1.17A.4	CH-18	6	-	53,6	53,6		1,005	
106	NXH1.17A.4	CH-01	7	-	55,4	55,4		0,997	
107	NXH1.17A.4	CH-02	7	-	53,3	53,3		0,987	
108	NXH1.17A.4	CH-03	7	-	32,5	32,5		0,997	
109	NXH1.17A.4	CH-04	7	-	61,3	61,3		1,029	
110	NXH1.17A.4	CH-05	7	-	61,3	61,3		1,031	
111	NXH1.17A.4	CH-06	7	-	56,1	56,1		0,965	
112	NXH1.17A.4	CH-07	7	-	53,6	53,6		0,952	
113	NXH1.17A.4	CH-08	7	-	53,6	53,6		0,965	
114	NXH1.17A.4	CH-09	7	-	53,6	53,6		0,949	
115	NXH1.17A.4	CH-10	7	-	53,6	53,6		0,962	
116	NXH1.17A.4	CH-11	7	-	53,7	53,7		0,962	
117	NXH1.17A.4	CH-12	7	-	28,8	28,8		0,982	
118	NXH1.17A.4	CH-13	7	-	28,9	28,9		0,962	
119	NXH1.17A.4	CH-14	7	-	68,9	68,9		1,037	
120	NXH1.17A.4	CH-15	7	-	68,9	68,9		1,075	
121	NXH1.17A.4	CH-16	7	-	32,4	32,4		1,005	
122	NXH1.17A.4	CH-17	7	-	53,5	53,5		0,982	
123	NXH1.17A.4	CH-18	7	-	53,6	53,6		0,985	

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số KI	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
				Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)				
NXH1.17A.5				123				1,000	22.859.325
1	NXH1.17A.5	CH-01	1	69,9	-	69,9	22.859.325	0,996	22.758.786
2	NXH1.17A.5	CH-02	1	67,2	-	67,2	22.859.325	0,986	22.547.076
3	NXH1.17A.5	CH-03	1	47,3	-	47,3	22.859.325	1,000	22.864.641
4	NXH1.17A.5	CH-04	1	67,3	-	67,3	22.859.325	1,006	22.989.549
5	NXH1.17A.5	CH-05	1	62,4	-	62,4	22.859.325	1,032	23.584.453
6	NXH1.17A.5	CH-06	1	68,9	-	68,9	22.859.325	1,003	22.928.153
7	NXH1.17A.5	CH-07	1	54,7	-	54,7	22.859.325	0,991	22.652.931
8	NXH1.17A.5	CH-08	1	54,7	-	54,7	22.859.325	1,003	22.928.153
9	NXH1.17A.5	CH-09	1	69,0	-	69,0	22.859.325	0,988	22.589.418
10	NXH1.17A.5	CH-10	1	47,5	-	47,5	22.859.325	1,000	22.864.641
11	NXH1.17A.5	CH-11	1	39,4	-	39,4	22.859.325	1,019	23.288.059
12	NXH1.17A.5	CH-12	1	30,9	-	30,9	22.859.325	1,019	23.288.060
13	NXH1.17A.5	CH-13	1	70,0	-	70,0	22.859.325	1,017	23.245.718
14	NXH1.17A.5	CH-14	1	53,9	-	53,9	22.859.325	0,991	22.642.345
15	NXH1.17A.5	CH-15	1	68,5	-	68,5	22.859.325	0,986	22.547.076
16	NXH1.17A.5	CH-16	1	67,2	-	67,2	22.859.325	0,989	22.610.589
17	NXH1.17A.5	CH-17	1	60,5	-	60,5	22.859.325	0,991	22.652.931
18	NXH1.17A.5	CH-01	2	-	55,4	55,4		0,965	
19	NXH1.17A.5	CH-02	2	-	53,4	53,4		0,955	
20	NXH1.17A.5	CH-03	2	-	33,6	33,6		0,965	
21	NXH1.17A.5	CH-04	2	-	61,3	61,3		0,981	
22	NXH1.17A.5	CH-05	2	-	61,3	61,3		1,038	
23	NXH1.17A.5	CH-06	2	-	59,3	59,3		1,003	
24	NXH1.17A.5	CH-07	2	-	53,6	53,6		0,990	
25	NXH1.17A.5	CH-08	2	-	53,6	53,6		1,003	
26	NXH1.17A.5	CH-09	2	-	53,6	53,6		0,987	
27	NXH1.17A.5	CH-12	2	-	30,4	30,4		1,019	
28	NXH1.17A.5	CH-13	2	-	30,5	30,5		1,000	
29	NXH1.17A.5	CH-14	2	-	68,9	68,9		1,042	
30	NXH1.17A.5	CH-15	2	-	68,9	68,9		1,034	
31	NXH1.17A.5	CH-16	2	-	33,5	33,5		0,973	
32	NXH1.17A.5	CH-17	2	-	53,5	53,5		0,950	
33	NXH1.17A.5	CH-18	2	-	53,6	53,6		0,953	
34	NXH1.17A.5	CH-01	3	-	55,4	55,4		0,970	
35	NXH1.17A.5	CH-02	3	-	55,1	55,1		0,960	
36	NXH1.17A.5	CH-03	3	-	33,6	33,6		0,970	
37	NXH1.17A.5	CH-04	3	-	61,3	61,3		0,986	
38	NXH1.17A.5	CH-05	3	-	61,3	61,3		1,043	
39	NXH1.17A.5	CH-06	3	-	59,3	59,3		1,007	
40	NXH1.17A.5	CH-07	3	-	53,6	53,6		0,995	

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số KI	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
				Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)				
41	NXH1.17A.5	CH-08	3	-	53,6	53,6		1,007	
42	NXH1.17A.5	CH-09	3	-	53,6	53,6		0,992	
43	NXH1.17A.5	CH-10	3	-	53,6	53,6		1,004	
44	NXH1.17A.5	CH-11	3	-	53,7	53,7		1,004	
45	NXH1.17A.5	CH-12	3	-	30,4	30,4		1,024	
46	NXH1.17A.5	CH-13	3	-	30,5	30,5		1,004	
47	NXH1.17A.5	CH-14	3	-	68,9	68,9		1,047	
48	NXH1.17A.5	CH-15	3	-	68,9	68,9		1,039	
49	NXH1.17A.5	CH-16	3	-	33,5	33,5		0,978	
50	NXH1.17A.5	CH-17	3	-	55,3	55,3		0,955	
51	NXH1.17A.5	CH-18	3	-	53,6	53,6		0,958	
52	NXH1.17A.5	CH-01	4	-	55,4	55,4		0,960	
53	NXH1.17A.5	CH-02	4	-	55,1	55,1		0,950	
54	NXH1.17A.5	CH-03	4	-	33,6	33,6		0,960	
55	NXH1.17A.5	CH-04	4	-	61,3	61,3		0,976	
56	NXH1.17A.5	CH-05	4	-	61,3	61,3		1,033	
57	NXH1.17A.5	CH-06	4	-	59,3	59,3		0,998	
58	NXH1.17A.5	CH-07	4	-	53,6	53,6		0,985	
59	NXH1.17A.5	CH-08	4	-	53,6	53,6		0,998	
60	NXH1.17A.5	CH-09	4	-	53,6	53,6		0,982	
61	NXH1.17A.5	CH-10	4	-	53,6	53,6		0,995	
62	NXH1.17A.5	CH-11	4	-	53,7	53,7		0,995	
63	NXH1.17A.5	CH-12	4	-	30,4	30,4		1,014	
64	NXH1.17A.5	CH-13	4	-	30,5	30,5		0,995	
65	NXH1.17A.5	CH-14	4	-	68,9	68,9		1,037	
66	NXH1.17A.5	CH-15	4	-	68,9	68,9		1,029	
67	NXH1.17A.5	CH-16	4	-	33,5	33,5		0,968	
68	NXH1.17A.5	CH-17	4	-	55,3	55,3		0,945	
69	NXH1.17A.5	CH-18	4	-	53,6	53,6		0,948	
70	NXH1.17A.5	CH-01	5	-	55,4	55,4		0,980	
71	NXH1.17A.5	CH-02	5	-	55,1	55,1		0,970	
72	NXH1.17A.5	CH-03	5	-	33,6	33,6		0,980	
73	NXH1.17A.5	CH-04	5	-	61,3	61,3		0,995	
74	NXH1.17A.5	CH-05	5	-	61,3	61,3		1,053	
75	NXH1.17A.5	CH-06	5	-	59,3	59,3		1,017	
76	NXH1.17A.5	CH-07	5	-	53,6	53,6		1,004	
77	NXH1.17A.5	CH-08	5	-	53,6	53,6		1,017	
78	NXH1.17A.5	CH-09	5	-	53,6	53,6		1,002	
79	NXH1.17A.5	CH-10	5	-	53,6	53,6		1,014	
80	NXH1.17A.5	CH-11	5	-	53,7	53,7		1,014	
81	NXH1.17A.5	CH-12	5	-	30,4	30,4		1,034	
82	NXH1.17A.5	CH-13	5	-	30,5	30,5		1,014	
83	NXH1.17A.5	CH-14	5	-	68,9	68,9		1,057	
84	NXH1.17A.5	CH-15	5	-	68,9	68,9		1,049	
85	NXH1.17A.5	CH-16	5	-	33,5	33,5		0,988	
86	NXH1.17A.5	CH-17	5	-	55,3	55,3		0,965	
87	NXH1.17A.5	CH-18	5	-	53,6	53,6		0,968	
88	NXH1.17A.5	CH-01	6	-	55,4	55,4		0,985	
89	NXH1.17A.5	CH-02	6	-	55,1	55,1		0,975	
90	NXH1.17A.5	CH-03	6	-	33,6	33,6		0,985	
91	NXH1.17A.5	CH-04	6	-	61,3	61,3		1,000	
92	NXH1.17A.5	CH-05	6	-	61,3	61,3		1,058	
93	NXH1.17A.5	CH-06	6	-	59,3	59,3		1,022	
94	NXH1.17A.5	CH-07	6	-	53,6	53,6		1,009	
95	NXH1.17A.5	CH-08	6	-	53,6	53,6		1,022	
96	NXH1.17A.5	CH-09	6	-	53,6	53,6		1,006	
97	NXH1.17A.5	CH-10	6	-	53,6	53,6		1,019	
98	NXH1.17A.5	CH-11	6	-	53,7	53,7		1,019	
99	NXH1.17A.5	CH-12	6	-	30,4	30,4		1,039	
100	NXH1.17A.5	CH-13	6	-	30,5	30,5		1,019	
101	NXH1.17A.5	CH-14	6	-	68,9	68,9		1,072	
102	NXH1.17A.5	CH-15	6	-	68,9	68,9		1,063	
103	NXH1.17A.5	CH-16	6	-	33,5	33,5		0,993	
104	NXH1.17A.5	CH-17	6	-	55,3	55,3		0,970	
105	NXH1.17A.5	CH-18	6	-	53,6	53,6		0,973	
106	NXH1.17A.5	CH-01	7	-	55,4	55,4		0,965	
107	NXH1.17A.5	CH-02	7	-	55,1	55,1		0,955	
108	NXH1.17A.5	CH-03	7	-	33,6	33,6		0,965	
109	NXH1.17A.5	CH-04	7	-	61,3	61,3		0,981	
110	NXH1.17A.5	CH-05	7	-	61,3	61,3		1,038	
111	NXH1.17A.5	CH-06	7	-	59,3	59,3		1,003	
112	NXH1.17A.5	CH-07	7	-	53,6	53,6		0,990	
113	NXH1.17A.5	CH-08	7	-	53,6	53,6		1,003	
114	NXH1.17A.5	CH-09	7	-	53,6	53,6		0,987	
115	NXH1.17A.5	CH-10	7	-	53,6	53,6		1,000	
116	NXH1.17A.5	CH-11	7	-	53,7	53,7		1,000	
117	NXH1.17A.5	CH-12	7	-	30,4	30,4		1,019	
118	NXH1.17A.5	CH-13	7	-	30,5	30,5		1,000	
119	NXH1.17A.5	CH-14	7	-	68,9	68,9		1,052	
120	NXH1.17A.5	CH-15	7	-	68,9	68,9		1,044	

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)	Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)	Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số KI	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
121	NXH1.17A.5	CH-16	7	-	33,5	33,5			0,973	
122	NXH1.17A.5	CH-17	7	-	55,3	55,3			0,950	
123	NXH1.17A.5	CH-18	7	-	53,6	53,6			0,953	

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)	Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)	Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số KI	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
NXH1.17A.6				123	999,3	5.500,4	6.499,7	22.783.541	1,000	22.783.541
1	NXH1.17A.6	CH-01	1	69,9	-	69,9	69,9	22.783.541	0,996	22.685.031
2	NXH1.17A.6	CH-02	1	67,2	-	67,2	67,2	22.783.541	0,986	22.474.006
3	NXH1.17A.6	CH-03	1	47,3	-	47,3	47,3	22.783.541	1,000	22.790.542
4	NXH1.17A.6	CH-04	1	67,3	-	67,3	67,3	22.783.541	1,009	22.991.015
5	NXH1.17A.6	CH-05	1	62,4	-	62,4	62,4	22.783.541	1,036	23.592.432
6	NXH1.17A.6	CH-06	1	68,9	-	68,9	68,9	22.783.541	0,994	22.642.826
7	NXH1.17A.6	CH-07	1	54,7	-	54,7	54,7	22.783.541	0,991	22.579.518
8	NXH1.17A.6	CH-08	1	54,7	-	54,7	54,7	22.783.541	1,003	22.853.849
9	NXH1.17A.6	CH-09	1	69,0	-	69,0	69,0	22.783.541	0,988	22.516.211
10	NXH1.17A.6	CH-10	1	47,5	-	47,5	47,5	22.783.541	1,014	23.107.077
11	NXH1.17A.6	CH-11	1	39,4	-	39,4	39,4	22.783.541	1,010	23.001.566
12	NXH1.17A.6	CH-12	1	30,9	-	30,9	30,9	22.783.541	1,014	23.107.077
13	NXH1.17A.6	CH-13	1	70,0	-	70,0	70,0	22.783.541	1,032	23.508.022
14	NXH1.17A.6	CH-14	1	53,9	-	53,9	53,9	22.783.541	0,997	22.704.022
15	NXH1.17A.6	CH-15	1	68,5	-	68,5	68,5	22.783.541	0,986	22.474.006
16	NXH1.17A.6	CH-16	1	67,2	-	67,2	67,2	22.783.541	0,989	22.537.314
17	NXH1.17A.6	CH-17	1	60,5	-	60,5	60,5	22.783.541	0,968	22.051.960
18	NXH1.17A.6	CH-01	2	-	55,4	55,4	55,4		0,961	
19	NXH1.17A.6	CH-02	2	-	53,4	53,4	53,4		0,951	
20	NXH1.17A.6	CH-03	2	-	33,6	33,6	33,6		0,966	
21	NXH1.17A.6	CH-04	2	-	61,3	61,3	61,3		0,980	
22	NXH1.17A.6	CH-05	2	-	61,3	61,3	61,3		1,038	
23	NXH1.17A.6	CH-06	2	-	59,3	59,3	59,3		0,999	
24	NXH1.17A.6	CH-07	2	-	53,6	53,6	53,6		0,986	
25	NXH1.17A.6	CH-08	2	-	53,6	53,6	53,6		0,999	
26	NXH1.17A.6	CH-09	2	-	53,6	53,6	53,6		0,993	
27	NXH1.17A.6	CH-12	2	-	30,4	30,4	30,4		1,010	
28	NXH1.17A.6	CH-13	2	-	30,5	30,5	30,5		0,991	
29	NXH1.17A.6	CH-14	2	-	68,9	68,9	68,9		1,059	
30	NXH1.17A.6	CH-15	2	-	68,9	68,9	68,9		1,041	
31	NXH1.17A.6	CH-16	2	-	33,5	33,5	33,5		0,974	
32	NXH1.17A.6	CH-17	2	-	53,5	53,5	53,5		0,946	
33	NXH1.17A.6	CH-18	2	-	53,6	53,6	53,6		0,964	
34	NXH1.17A.6	CH-01	3	-	55,4	55,4	55,4		0,966	
35	NXH1.17A.6	CH-02	3	-	55,1	55,1	55,1		0,956	
36	NXH1.17A.6	CH-03	3	-	33,6	33,6	33,6		0,971	
37	NXH1.17A.6	CH-04	3	-	61,3	61,3	61,3		0,985	
38	NXH1.17A.6	CH-05	3	-	61,3	61,3	61,3		1,043	
39	NXH1.17A.6	CH-06	3	-	59,3	59,3	59,3		1,004	
40	NXH1.17A.6	CH-07	3	-	53,6	53,6	53,6		0,991	
41	NXH1.17A.6	CH-08	3	-	53,6	53,6	53,6		1,004	
42	NXH1.17A.6	CH-09	3	-	53,6	53,6	53,6		0,998	
43	NXH1.17A.6	CH-10	3	-	53,6	53,6	53,6		1,001	
44	NXH1.17A.6	CH-11	3	-	53,7	53,7	53,7		1,001	
45	NXH1.17A.6	CH-12	3	-	30,4	30,4	30,4		1,015	
46	NXH1.17A.6	CH-13	3	-	30,5	30,5	30,5		0,996	
47	NXH1.17A.6	CH-14	3	-	68,9	68,9	68,9		1,064	
48	NXH1.17A.6	CH-15	3	-	68,9	68,9	68,9		1,046	
49	NXH1.17A.6	CH-16	3	-	33,5	33,5	33,5		0,979	
50	NXH1.17A.6	CH-17	3	-	55,3	55,3	55,3		0,951	
51	NXH1.17A.6	CH-18	3	-	53,6	53,6	53,6		0,969	
52	NXH1.17A.6	CH-01	4	-	55,4	55,4	55,4		0,956	
53	NXH1.17A.6	CH-02	4	-	55,1	55,1	55,1		0,946	
54	NXH1.17A.6	CH-03	4	-	33,6	33,6	33,6		0,961	
55	NXH1.17A.6	CH-04	4	-	61,3	61,3	61,3		0,975	
56	NXH1.17A.6	CH-05	4	-	61,3	61,3	61,3		1,033	
57	NXH1.17A.6	CH-06	4	-	59,3	59,3	59,3		0,994	
58	NXH1.17A.6	CH-07	4	-	53,6	53,6	53,6		0,981	
59	NXH1.17A.6	CH-08	4	-	53,6	53,6	53,6		0,994	
60	NXH1.17A.6	CH-09	4	-	53,6	53,6	53,6		0,988	
61	NXH1.17A.6	CH-10	4	-	53,6	53,6	53,6		0,991	
62	NXH1.17A.6	CH-11	4	-	53,7	53,7	53,7		0,991	
63	NXH1.17A.6	CH-12	4	-	30,4	30,4	30,4		1,006	
64	NXH1.17A.6	CH-13	4	-	30,5	30,5	30,5		0,986	
65	NXH1.17A.6	CH-14	4	-	68,9	68,9	68,9		1,054	
66	NXH1.17A.6	CH-15	4	-	68,9	68,9	68,9		1,036	
67	NXH1.17A.6	CH-16	4	-	33,5	33,5	33,5		0,969	
68	NXH1.17A.6	CH-17	4	-	55,3	55,3	55,3		0,941	
69	NXH1.17A.6	CH-18	4	-	53,6	53,6	53,6		0,959	
70	NXH1.17A.6	CH-01	5	-	55,4	55,4	55,4		0,976	
71	NXH1.17A.6	CH-02	5	-	55,1	55,1	55,1		0,966	

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số KI	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
				Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)				
72	NXH1.17A.6	CH-03	5	-	33,6	33,6		0,981	
73	NXH1.17A.6	CH-04	5	-	61,3	61,3		0,995	
74	NXH1.17A.6	CH-05	5	-	61,3	61,3		1,053	
75	NXH1.17A.6	CH-06	5	-	59,3	59,3		1,013	
76	NXH1.17A.6	CH-07	5	-	53,6	53,6		1,001	
77	NXH1.17A.6	CH-08	5	-	53,6	53,6		1,013	
78	NXH1.17A.6	CH-09	5	-	53,6	53,6		1,007	
79	NXH1.17A.6	CH-10	5	-	53,6	53,6		1,010	
80	NXH1.17A.6	CH-11	5	-	53,7	53,7		1,010	
81	NXH1.17A.6	CH-12	5	-	30,4	30,4		1,025	
82	NXH1.17A.6	CH-13	5	-	30,5	30,5		1,006	
83	NXH1.17A.6	CH-14	5	-	68,9	68,9		1,074	
84	NXH1.17A.6	CH-15	5	-	68,9	68,9		1,056	
85	NXH1.17A.6	CH-16	5	-	33,5	33,5		0,989	
86	NXH1.17A.6	CH-17	5	-	55,3	55,3		0,961	
87	NXH1.17A.6	CH-18	5	-	53,6	53,6		0,979	
88	NXH1.17A.6	CH-01	6	-	55,4	55,4		0,981	
89	NXH1.17A.6	CH-02	6	-	55,1	55,1		0,971	
90	NXH1.17A.6	CH-03	6	-	33,6	33,6		0,986	
91	NXH1.17A.6	CH-04	6	-	61,3	61,3		1,000	
92	NXH1.17A.6	CH-05	6	-	61,3	61,3		1,058	
93	NXH1.17A.6	CH-06	6	-	59,3	59,3		1,018	
94	NXH1.17A.6	CH-07	6	-	53,6	53,6		1,006	
95	NXH1.17A.6	CH-08	6	-	53,6	53,6		1,018	
96	NXH1.17A.6	CH-09	6	-	53,6	53,6		1,012	
97	NXH1.17A.6	CH-10	6	-	53,6	53,6		1,015	
98	NXH1.17A.6	CH-11	6	-	53,7	53,7		1,015	
99	NXH1.17A.6	CH-12	6	-	30,4	30,4		1,030	
100	NXH1.17A.6	CH-13	6	-	30,5	30,5		1,010	
101	NXH1.17A.6	CH-14	6	-	68,9	68,9		1,078	
102	NXH1.17A.6	CH-15	6	-	68,9	68,9		1,061	
103	NXH1.17A.6	CH-16	6	-	33,5	33,5		0,994	
104	NXH1.17A.6	CH-17	6	-	55,3	55,3		0,966	
105	NXH1.17A.6	CH-18	6	-	53,6	53,6		0,984	
106	NXH1.17A.6	CH-01	7	-	55,4	55,4		0,961	
107	NXH1.17A.6	CH-02	7	-	55,1	55,1		0,951	
108	NXH1.17A.6	CH-03	7	-	33,6	33,6		0,966	
109	NXH1.17A.6	CH-04	7	-	61,3	61,3		0,980	
110	NXH1.17A.6	CH-05	7	-	61,3	61,3		1,038	
111	NXH1.17A.6	CH-06	7	-	59,3	59,3		0,999	
112	NXH1.17A.6	CH-07	7	-	53,6	53,6		0,986	
113	NXH1.17A.6	CH-08	7	-	53,6	53,6		0,999	
114	NXH1.17A.6	CH-09	7	-	53,6	53,6		0,993	
115	NXH1.17A.6	CH-10	7	-	53,6	53,6		0,996	
116	NXH1.17A.6	CH-11	7	-	53,7	53,7		0,996	
117	NXH1.17A.6	CH-12	7	-	30,4	30,4		1,010	
118	NXH1.17A.6	CH-13	7	-	30,5	30,5		0,991	
119	NXH1.17A.6	CH-14	7	-	68,9	68,9		1,059	
120	NXH1.17A.6	CH-15	7	-	68,9	68,9		1,041	
121	NXH1.17A.6	CH-16	7	-	33,5	33,5		0,974	
122	NXH1.17A.6	CH-17	7	-	55,3	55,3		0,946	
123	NXH1.17A.6	CH-18	7	-	53,6	53,6		0,964	

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số Ki	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
				Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)				
NXH1.17A.7		123		999,3	5.500,4	6.499,7	23.058.854	1,000	23.058.854
1	NXH1.17A.7	CH-01	1	69,9	-	69,9	23.058.854	1,059	24.413.774
2	NXH1.17A.7	CH-02	1	67,2	-	67,2	23.058.854	1,049	24.197.723
3	NXH1.17A.7	CH-03	1	47,3	-	47,3	23.058.854	1,063	24.521.800
4	NXH1.17A.7	CH-04	1	67,3	-	67,3	23.058.854	1,072	24.716.246
5	NXH1.17A.7	CH-05	1	62,4	-	62,4	23.058.854	1,027	23.677.040
6	NXH1.17A.7	CH-06	1	68,9	-	68,9	23.058.854	0,973	22.426.104
7	NXH1.17A.7	CH-07	1	54,7	-	54,7	23.058.854	0,970	22.361.288
8	NXH1.17A.7	CH-08	1	54,7	-	54,7	23.058.854	0,982	22.642.155
9	NXH1.17A.7	CH-09	1	69,0	-	69,0	23.058.854	0,967	22.296.473
10	NXH1.17A.7	CH-10	1	47,5	-	47,5	23.058.854	0,993	22.901.416
11	NXH1.17A.7	CH-11	1	39,4	-	39,4	23.058.854	0,988	22.793.390
12	NXH1.17A.7	CH-12	1	30,9	-	30,9	23.058.854	0,993	22.901.416
13	NXH1.17A.7	CH-13	1	70,0	-	70,0	23.058.854	1,002	23.106.665
14	NXH1.17A.7	CH-14	1	53,9	-	53,9	23.058.854	0,973	22.426.104
15	NXH1.17A.7	CH-15	1	68,5	-	68,5	23.058.854	0,965	22.253.264
16	NXH1.17A.7	CH-16	1	67,2	-	67,2	23.058.854	0,968	22.318.079
17	NXH1.17A.7	CH-17	1	60,5	-	60,5	23.058.854	0,946	21.821.161
18	NXH1.17A.7	CH-01	2	-	55,4	55,4		1,051	
19	NXH1.17A.7	CH-02	2	-	53,4	53,4		1,041	
20	NXH1.17A.7	CH-03	2	-	33,6	33,6		1,056	
21	NXH1.17A.7	CH-04	2	-	61,3	61,3		1,079	
22	NXH1.17A.7	CH-05	2	-	61,3	61,3		1,032	

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số KI	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
				Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)				
23	NXH1.17A.7	CH-06	2	-	59,3	59,3		0,969	
24	NXH1.17A.7	CH-07	2	-	53,6	53,6		0,957	
25	NXH1.17A.7	CH-08	2	-	53,6	53,6		0,969	
26	NXH1.17A.7	CH-09	2	-	53,6	53,6		0,964	
27	NXH1.17A.7	CH-12	2	-	30,4	30,4		0,981	
28	NXH1.17A.7	CH-13	2	-	30,5	30,5		0,962	
29	NXH1.17A.7	CH-14	2	-	68,9	68,9		1,011	
30	NXH1.17A.7	CH-15	2	-	68,9	68,9		0,999	
31	NXH1.17A.7	CH-16	2	-	33,5	33,5		0,965	
32	NXH1.17A.7	CH-17	2	-	53,5	53,5		0,937	
33	NXH1.17A.7	CH-18	2	-	53,6	53,6		0,955	
34	NXH1.17A.7	CH-01	3	-	55,4	55,4		1,056	
35	NXH1.17A.7	CH-02	3	-	55,1	55,1		1,046	
36	NXH1.17A.7	CH-03	3	-	33,6	33,6		1,061	
37	NXH1.17A.7	CH-04	3	-	61,3	61,3		1,084	
38	NXH1.17A.7	CH-05	3	-	61,3	61,3		1,037	
39	NXH1.17A.7	CH-06	3	-	59,3	59,3		0,974	
40	NXH1.17A.7	CH-07	3	-	53,6	53,6		0,962	
41	NXH1.17A.7	CH-08	3	-	53,6	53,6		0,974	
42	NXH1.17A.7	CH-09	3	-	53,6	53,6		0,968	
43	NXH1.17A.7	CH-10	3	-	53,6	53,6		0,971	
44	NXH1.17A.7	CH-11	3	-	53,7	53,7		0,971	
45	NXH1.17A.7	CH-12	3	-	30,4	30,4		0,986	
46	NXH1.17A.7	CH-13	3	-	30,5	30,5		0,966	
47	NXH1.17A.7	CH-14	3	-	68,9	68,9		1,016	
48	NXH1.17A.7	CH-15	3	-	68,9	68,9		1,004	
49	NXH1.17A.7	CH-16	3	-	33,5	33,5		0,969	
50	NXH1.17A.7	CH-17	3	-	55,3	55,3		0,942	
51	NXH1.17A.7	CH-18	3	-	53,6	53,6		0,960	
52	NXH1.17A.7	CH-01	4	-	55,4	55,4		1,046	
53	NXH1.17A.7	CH-02	4	-	55,1	55,1		1,036	
54	NXH1.17A.7	CH-03	4	-	33,6	33,6		1,051	
55	NXH1.17A.7	CH-04	4	-	61,3	61,3		1,075	
56	NXH1.17A.7	CH-05	4	-	61,3	61,3		1,027	
57	NXH1.17A.7	CH-06	4	-	59,3	59,3		0,965	
58	NXH1.17A.7	CH-07	4	-	53,6	53,6		0,952	
59	NXH1.17A.7	CH-08	4	-	53,6	53,6		0,965	
60	NXH1.17A.7	CH-09	4	-	53,6	53,6		0,959	
61	NXH1.17A.7	CH-10	4	-	53,6	53,6		0,962	
62	NXH1.17A.7	CH-11	4	-	53,7	53,7		0,962	
63	NXH1.17A.7	CH-12	4	-	30,4	30,4		0,976	
64	NXH1.17A.7	CH-13	4	-	30,5	30,5		0,957	
65	NXH1.17A.7	CH-14	4	-	68,9	68,9		1,006	
66	NXH1.17A.7	CH-15	4	-	68,9	68,9		0,994	
67	NXH1.17A.7	CH-16	4	-	33,5	33,5		0,960	
68	NXH1.17A.7	CH-17	4	-	55,3	55,3		0,932	
69	NXH1.17A.7	CH-18	4	-	53,6	53,6		0,950	
70	NXH1.17A.7	CH-01	5	-	55,4	55,4		1,066	
71	NXH1.17A.7	CH-02	5	-	55,1	55,1		1,056	
72	NXH1.17A.7	CH-03	5	-	33,6	33,6		1,071	
73	NXH1.17A.7	CH-04	5	-	61,3	61,3		1,094	
74	NXH1.17A.7	CH-05	5	-	61,3	61,3		1,047	
75	NXH1.17A.7	CH-06	5	-	59,3	59,3		0,984	
76	NXH1.17A.7	CH-07	5	-	53,6	53,6		0,971	
77	NXH1.17A.7	CH-08	5	-	53,6	53,6		0,984	
78	NXH1.17A.7	CH-09	5	-	53,6	53,6		0,978	
79	NXH1.17A.7	CH-10	5	-	53,6	53,6		0,981	
80	NXH1.17A.7	CH-11	5	-	53,7	53,7		0,981	
81	NXH1.17A.7	CH-12	5	-	30,4	30,4		0,996	
82	NXH1.17A.7	CH-13	5	-	30,5	30,5		0,976	
83	NXH1.17A.7	CH-14	5	-	68,9	68,9		1,025	
84	NXH1.17A.7	CH-15	5	-	68,9	68,9		1,014	
85	NXH1.17A.7	CH-16	5	-	33,5	33,5		0,979	
86	NXH1.17A.7	CH-17	5	-	55,3	55,3		0,952	
87	NXH1.17A.7	CH-18	5	-	53,6	53,6		0,969	
88	NXH1.17A.7	CH-01	6	-	55,4	55,4		1,071	
89	NXH1.17A.7	CH-02	6	-	55,1	55,1		1,061	
90	NXH1.17A.7	CH-03	6	-	33,6	33,6		1,076	
91	NXH1.17A.7	CH-04	6	-	61,3	61,3		1,099	
92	NXH1.17A.7	CH-05	6	-	61,3	61,3		1,052	
93	NXH1.17A.7	CH-06	6	-	59,3	59,3		0,989	
94	NXH1.17A.7	CH-07	6	-	53,6	53,6		0,976	
95	NXH1.17A.7	CH-08	6	-	53,6	53,6		0,989	
96	NXH1.17A.7	CH-09	6	-	53,6	53,6		0,983	
97	NXH1.17A.7	CH-10	6	-	53,6	53,6		0,986	
98	NXH1.17A.7	CH-11	6	-	53,7	53,7		0,986	
99	NXH1.17A.7	CH-12	6	-	30,4	30,4		1,001	
100	NXH1.17A.7	CH-13	6	-	30,5	30,5		0,981	
101	NXH1.17A.7	CH-14	6	-	68,9	68,9		1,040	
102	NXH1.17A.7	CH-15	6	-	68,9	68,9		1,019	

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m ²)		Tổng diện tích (m ²)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m ²)	Hệ số KI	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m ²)
				Diện tích bán (m ²)	Diện tích cho thuê (m ²)				
103	NXH1.17A.7	CH-16	6	-	33,5	33,5		0,984	
104	NXH1.17A.7	CH-17	6	-	55,3	55,3		0,957	
105	NXH1.17A.7	CH-18	6	-	53,6	53,6		0,974	
106	NXH1.17A.7	CH-01	7	-	55,4	55,4		1,051	
107	NXH1.17A.7	CH-02	7	-	55,1	55,1		1,041	
108	NXH1.17A.7	CH-03	7	-	33,6	33,6		1,056	
109	NXH1.17A.7	CH-04	7	-	61,3	61,3		1,079	
110	NXH1.17A.7	CH-05	7	-	61,3	61,3		1,032	
111	NXH1.17A.7	CH-06	7	-	59,3	59,3		0,969	
112	NXH1.17A.7	CH-07	7	-	53,6	53,6		0,957	
113	NXH1.17A.7	CH-08	7	-	53,6	53,6		0,969	
114	NXH1.17A.7	CH-09	7	-	53,6	53,6		0,964	
115	NXH1.17A.7	CH-10	7	-	53,6	53,6		0,966	
116	NXH1.17A.7	CH-11	7	-	53,7	53,7		0,966	
117	NXH1.17A.7	CH-12	7	-	30,4	30,4		0,981	
118	NXH1.17A.7	CH-13	7	-	30,5	30,5		0,962	
119	NXH1.17A.7	CH-14	7	-	68,9	68,9		1,021	
120	NXH1.17A.7	CH-15	7	-	68,9	68,9		0,999	
121	NXH1.17A.7	CH-16	7	-	33,5	33,5		0,965	
122	NXH1.17A.7	CH-17	7	-	55,3	55,3		0,937	
123	NXH1.17A.7	CH-18	7	-	53,6	53,6		0,955	

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số KI	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
				Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)				
NXH1.17A.8		123		4.629,3	1.870,4	6.499,7	21.976.926	1,000	21.976.926
1	NXH1.17A.8	CH-01	1	69,9	-	69,9	21.976.926	1,084	23.829.335
2	NXH1.17A.8	CH-02	1	67,2	-	67,2	21.976.926	1,075	23.616.574
3	NXH1.17A.8	CH-03	1	47,3	-	47,3	21.976.926	1,089	23.935.717
4	NXH1.17A.8	CH-04	1	67,3	-	67,3	21.976.926	1,092	23.999.546
5	NXH1.17A.8	CH-05	1	62,4	-	62,4	21.976.926	1,064	23.393.173
6	NXH1.17A.8	CH-06	1	68,9	-	68,9	21.976.926	1,015	22.297.450
7	NXH1.17A.8	CH-07	1	54,7	-	54,7	21.976.926	1,002	22.020.859
8	NXH1.17A.8	CH-08	1	54,7	-	54,7	21.976.926	1,015	22.297.450
9	NXH1.17A.8	CH-09	1	69,0	-	69,0	21.976.926	0,999	21.957.031
10	NXH1.17A.8	CH-10	1	47,5	-	47,5	21.976.926	1,012	22.233.622
11	NXH1.17A.8	CH-11	1	39,4	-	39,4	21.976.926	1,031	22.659.145
12	NXH1.17A.8	CH-12	1	30,9	-	30,9	21.976.926	1,031	22.659.145
13	NXH1.17A.8	CH-13	1	70,0	-	70,0	21.976.926	1,051	23.103.818
14	NXH1.17A.8	CH-14	1	53,9	-	53,9	21.976.926	1,108	24.339.965
15	NXH1.17A.8	CH-15	1	68,5	-	68,5	21.976.926	1,075	23.616.574
16	NXH1.17A.8	CH-16	1	67,2	-	67,2	21.976.926	1,078	23.680.402
17	NXH1.17A.8	CH-17	1	60,5	-	60,5	21.976.926	1,079	23.722.955
18	NXH1.17A.8	CH-01	2	55,4	-	55,4	21.976.926	0,978	21.488.955
19	NXH1.17A.8	CH-02	2	53,4	-	53,4	21.976.926	0,968	21.276.192
20	NXH1.17A.8	CH-03	2	33,6	-	33,6	21.976.926	0,978	21.488.955
21	NXH1.17A.8	CH-04	2	61,3	-	61,3	21.976.926	0,990	21.765.545
22	NXH1.17A.8	CH-05	2	61,3	-	61,3	21.976.926	1,011	22.222.983
23	NXH1.17A.8	CH-06	2	59,3	-	59,3	21.976.926	0,947	20.808.117
24	NXH1.17A.8	CH-07	2	53,6	-	53,6	21.976.926	0,934	20.531.526
25	NXH1.17A.8	CH-08	2	53,6	-	53,6	21.976.926	0,947	20.808.117
26	NXH1.17A.8	CH-09	2	53,6	-	53,6	21.976.926	0,931	20.467.698
27	NXH1.17A.8	CH-12	2	30,4	-	30,4	21.976.926	0,963	21.169.812
28	NXH1.17A.8	CH-13	2	30,5	-	30,5	21.976.926	0,944	20.744.288
29	NXH1.17A.8	CH-14	2	68,9	-	68,9	21.976.926	1,017	22.359.151
30	NXH1.17A.8	CH-15	2	68,9	-	68,9	21.976.926	1,054	23.169.773
31	NXH1.17A.8	CH-16	2	33,5	-	33,5	21.976.926	0,986	21.659.164
32	NXH1.17A.8	CH-17	2	53,5	-	53,5	21.976.926	0,963	21.169.812
33	NXH1.17A.8	CH-18	2	53,6	-	53,6	21.976.926	0,966	21.233.640
34	NXH1.17A.8	CH-01	3	-	55,4	55,4		1,011	
35	NXH1.17A.8	CH-02	3	-	55,1	55,1		1,001	
36	NXH1.17A.8	CH-03	3	-	33,6	33,6		1,011	
37	NXH1.17A.8	CH-04	3	-	61,3	61,3		1,024	
38	NXH1.17A.8	CH-05	3	-	61,3	61,3		1,046	
39	NXH1.17A.8	CH-06	3	-	59,3	59,3		0,979	
40	NXH1.17A.8	CH-07	3	-	53,6	53,6		0,966	
41	NXH1.17A.8	CH-08	3	-	53,6	53,6		0,979	
42	NXH1.17A.8	CH-09	3	-	53,6	53,6		0,963	
43	NXH1.17A.8	CH-10	3	-	53,6	53,6		0,976	
44	NXH1.17A.8	CH-11	3	-	53,7	53,7		0,976	
45	NXH1.17A.8	CH-12	3	-	30,4	30,4		0,996	
46	NXH1.17A.8	CH-13	3	-	30,5	30,5		0,976	
47	NXH1.17A.8	CH-14	3	-	68,9	68,9		1,052	
48	NXH1.17A.8	CH-15	3	-	68,9	68,9		1,090	
49	NXH1.17A.8	CH-16	3	-	33,5	33,5		1,019	
50	NXH1.17A.8	CH-17	3	-	55,3	55,3		0,996	
51	NXH1.17A.8	CH-18	3	-	53,6	53,6		0,999	
52	NXH1.17A.8	CH-01	4	-	55,4	55,4		1,001	
53	NXH1.17A.8	CH-02	4	-	55,1	55,1		0,991	

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số K1	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
				Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)				
54	NXH1.17A.8	CH-03	4	-	33,6	33,6		1,001	
55	NXH1.17A.8	CH-04	4	-	61,3	61,3		1,014	
56	NXH1.17A.8	CH-05	4	-	61,3	61,3		1,036	
57	NXH1.17A.8	CH-06	4	-	59,3	59,3		0,969	
58	NXH1.17A.8	CH-07	4	-	53,6	53,6		0,956	
59	NXH1.17A.8	CH-08	4	-	53,6	53,6		0,969	
60	NXH1.17A.8	CH-09	4	-	53,6	53,6		0,953	
61	NXH1.17A.8	CH-10	4	-	53,6	53,6		0,966	
62	NXH1.17A.8	CH-11	4	-	53,7	53,7		0,966	
63	NXH1.17A.8	CH-12	4	-	30,4	30,4		0,986	
64	NXH1.17A.8	CH-13	4	-	30,5	30,5		0,966	
65	NXH1.17A.8	CH-14	4	-	68,9	68,9		1,042	
66	NXH1.17A.8	CH-15	4	-	68,9	68,9		1,080	
67	NXH1.17A.8	CH-16	4	-	33,5	33,5		1,009	
68	NXH1.17A.8	CH-17	4	-	55,3	55,3		0,986	
69	NXH1.17A.8	CH-18	4	-	53,6	53,6		0,989	
70	NXH1.17A.8	CH-01	5	55,4	-	55,4	21.976.926	0,992	21.808.097
71	NXH1.17A.8	CH-02	5	55,1	-	55,1	21.976.926	0,983	21.595.335
72	NXH1.17A.8	CH-03	5	33,6	-	33,6	21.976.926	0,992	21.808.097
73	NXH1.17A.8	CH-04	5	61,3	-	61,3	21.976.926	1,005	22.084.687
74	NXH1.17A.8	CH-05	5	61,3	-	61,3	21.976.926	1,026	22.542.126
75	NXH1.17A.8	CH-06	5	59,3	-	59,3	21.976.926	0,961	21.127.259
76	NXH1.17A.8	CH-07	5	53,6	-	53,6	21.976.926	0,949	20.850.668
77	NXH1.17A.8	CH-08	5	53,6	-	53,6	21.976.926	0,961	21.127.259
78	NXH1.17A.8	CH-09	5	53,6	-	53,6	21.976.926	0,946	20.786.840
79	NXH1.17A.8	CH-10	5	53,6	-	53,6	21.976.926	0,958	21.063.430
80	NXH1.17A.8	CH-11	5	53,7	-	53,7	21.976.926	0,958	21.063.430
81	NXH1.17A.8	CH-12	5	30,4	-	30,4	21.976.926	0,978	21.488.955
82	NXH1.17A.8	CH-13	5	30,5	-	30,5	21.976.926	0,958	21.063.430
83	NXH1.17A.8	CH-14	5	68,9	-	68,9	21.976.926	1,032	22.678.293
84	NXH1.17A.8	CH-15	5	68,9	-	68,9	21.976.926	1,069	23.488.916
85	NXH1.17A.8	CH-16	5	33,5	-	33,5	21.976.926	1,000	21.978.307
86	NXH1.17A.8	CH-17	5	55,3	-	55,3	21.976.926	0,978	21.488.955
87	NXH1.17A.8	CH-18	5	53,6	-	53,6	21.976.926	0,981	21.552.783
88	NXH1.17A.8	CH-01	6	55,4	-	55,4	21.976.926	1,007	22.127.240
89	NXH1.17A.8	CH-02	6	55,1	-	55,1	21.976.926	0,997	21.914.478
90	NXH1.17A.8	CH-03	6	33,6	-	33,6	21.976.926	1,007	22.127.240
91	NXH1.17A.8	CH-04	6	61,3	-	61,3	21.976.926	1,019	22.403.831
92	NXH1.17A.8	CH-05	6	61,3	-	61,3	21.976.926	1,031	22.648.507
93	NXH1.17A.8	CH-06	6	59,3	-	59,3	21.976.926	0,966	21.233.640
94	NXH1.17A.8	CH-07	6	53,6	-	53,6	21.976.926	0,954	20.957.050
95	NXH1.17A.8	CH-08	6	53,6	-	53,6	21.976.926	0,966	21.233.640
96	NXH1.17A.8	CH-09	6	53,6	-	53,6	21.976.926	0,951	20.893.221
97	NXH1.17A.8	CH-10	6	53,6	-	53,6	21.976.926	0,963	21.169.812
98	NXH1.17A.8	CH-11	6	53,7	-	53,7	21.976.926	0,963	21.169.812
99	NXH1.17A.8	CH-12	6	30,4	-	30,4	21.976.926	0,983	21.595.335
100	NXH1.17A.8	CH-13	6	30,5	-	30,5	21.976.926	0,963	21.169.812
101	NXH1.17A.8	CH-14	6	68,9	-	68,9	21.976.926	1,037	22.784.675
102	NXH1.17A.8	CH-15	6	68,9	-	68,9	21.976.926	1,083	23.808.060
103	NXH1.17A.8	CH-16	6	33,5	-	33,5	21.976.926	1,015	22.297.450
104	NXH1.17A.8	CH-17	6	55,3	-	55,3	21.976.926	0,992	21.808.097
105	NXH1.17A.8	CH-18	6	53,6	-	53,6	21.976.926	0,995	21.871.926
106	NXH1.17A.8	CH-01	7	55,4	-	55,4	21.976.926	0,987	21.701.717
107	NXH1.17A.8	CH-02	7	55,1	-	55,1	21.976.926	0,978	21.488.955
108	NXH1.17A.8	CH-03	7	33,6	-	33,6	21.976.926	0,987	21.701.717
109	NXH1.17A.8	CH-04	7	61,3	-	61,3	21.976.926	1,000	21.978.307
110	NXH1.17A.8	CH-05	7	61,3	-	61,3	21.976.926	1,011	22.222.983
111	NXH1.17A.8	CH-06	7	59,3	-	59,3	21.976.926	0,947	20.808.117
112	NXH1.17A.8	CH-07	7	53,6	-	53,6	21.976.926	0,934	20.531.526
113	NXH1.17A.8	CH-08	7	53,6	-	53,6	21.976.926	0,947	20.808.117
114	NXH1.17A.8	CH-09	7	53,6	-	53,6	21.976.926	0,931	20.467.698
115	NXH1.17A.8	CH-10	7	53,6	-	53,6	21.976.926	0,944	20.744.288
116	NXH1.17A.8	CH-11	7	53,7	-	53,7	21.976.926	0,944	20.744.288
117	NXH1.17A.8	CH-12	7	30,4	-	30,4	21.976.926	0,963	21.169.812
118	NXH1.17A.8	CH-13	7	30,5	-	30,5	21.976.926	0,944	20.744.288
119	NXH1.17A.8	CH-14	7	68,9	-	68,9	21.976.926	1,017	22.359.151
120	NXH1.17A.8	CH-15	7	68,9	-	68,9	21.976.926	1,064	23.382.536
121	NXH1.17A.8	CH-16	7	33,5	-	33,5	21.976.926	0,995	21.871.926
122	NXH1.17A.8	CH-17	7	55,3	-	55,3	21.976.926	0,973	21.382.573
123	NXH1.17A.8	CH-18	7	53,6	-	53,6	21.976.926	0,976	21.446.402

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số K1	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)	
				Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)					
NXH2.17A.1				123	6.419,5	-	6.419,5	21.874.298	1,000	21.874.298
1	NXH2.17A.1	CH-01	1	69,9	-	69,9	21.874.298	1,087	23.773.334	
2	NXH2.17A.1	CH-02	1	67,2	-	67,2	21.874.298	1,077	23.559.159	
3	NXH2.17A.1	CH-03	1	45,9	-	45,9	21.874.298	1,092	23.880.421	
4	NXH2.17A.1	CH-04	1	67,3	-	67,3	21.874.298	1,108	24.244.517	
5	NXH2.17A.1	CH-05	1	62,4	-	62,4	21.874.298	1,081	23.636.262	

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2) Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)	Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số KI	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
6	NXH2.17A.1	CH-06	1	65,0	-	65,0	21.874.298	1,029	22.509.706
7	NXH2.17A.1	CH-07	1	54,7	-	54,7	21.874.298	1,016	22.231.280
8	NXH2.17A.1	CH-08	1	54,7	-	54,7	21.874.298	1,029	22.509.706
9	NXH2.17A.1	CH-09	1	69,0	-	69,0	21.874.298	1,013	22.167.027
10	NXH2.17A.1	CH-10	1	47,5	-	47,5	21.874.298	1,026	22.445.454
11	NXH2.17A.1	CH-11	1	37,1	-	37,1	21.874.298	1,046	22.873.802
12	NXH2.17A.1	CH-12	1	29,3	-	29,3	21.874.298	1,046	22.873.802
13	NXH2.17A.1	CH-13	1	70,0	-	70,0	21.874.298	1,084	23.711.223
14	NXH2.17A.1	CH-14	1	53,9	-	53,9	21.874.298	1,092	23.891.130
15	NXH2.17A.1	CH-15	1	67,2	-	67,2	21.874.298	1,038	22.702.463
16	NXH2.17A.1	CH-16	1	67,2	-	67,2	21.874.298	1,041	22.766.715
17	NXH2.17A.1	CH-17	1	60,5	-	60,5	21.874.298	1,043	22.809.550
18	NXH2.17A.1	CH-01	2	55,4	-	55,4	21.874.298	0,974	21.310.331
19	NXH2.17A.1	CH-02	2	53,3	-	53,3	21.874.298	0,964	21.096.157
20	NXH2.17A.1	CH-03	2	32,5	-	32,5	21.874.298	0,974	21.310.331
21	NXH2.17A.1	CH-04	2	61,3	-	61,3	21.874.298	1,015	22.209.863
22	NXH2.17A.1	CH-05	2	61,3	-	61,3	21.874.298	1,017	22.244.130
23	NXH2.17A.1	CH-06	2	56,1	-	56,1	21.874.298	0,961	21.010.487
24	NXH2.17A.1	CH-07	2	53,6	-	53,6	21.874.298	0,948	20.732.061
25	NXH2.17A.1	CH-08	2	53,6	-	53,6	21.874.298	0,961	21.010.487
26	NXH2.17A.1	CH-09	2	53,6	-	53,6	21.874.298	0,945	20.667.808
27	NXH2.17A.1	CH-12	2	28,8	-	28,8	21.874.298	0,977	21.374.583
28	NXH2.17A.1	CH-13	2	28,9	-	28,9	21.874.298	0,958	20.946.235
29	NXH2.17A.1	CH-14	2	68,9	-	68,9	21.874.298	1,050	22.961.614
30	NXH2.17A.1	CH-15	2	68,9	-	68,9	21.874.298	1,068	23.355.694
31	NXH2.17A.1	CH-16	2	32,4	-	32,4	21.874.298	0,977	21.374.583
32	NXH2.17A.1	CH-17	2	53,5	-	53,5	21.874.298	0,955	20.881.982
33	NXH2.17A.1	CH-18	2	53,6	-	53,6	21.874.298	0,958	20.946.235
34	NXH2.17A.1	CH-01	3	55,4	-	55,4	21.874.298	0,979	21.417.418
35	NXH2.17A.1	CH-02	3	53,3	-	53,3	21.874.298	0,969	21.203.244
36	NXH2.17A.1	CH-03	3	32,5	-	32,5	21.874.298	0,979	21.417.418
37	NXH2.17A.1	CH-04	3	61,3	-	61,3	21.874.298	1,020	22.316.950
38	NXH2.17A.1	CH-05	3	61,3	-	61,3	21.874.298	1,022	22.351.217
39	NXH2.17A.1	CH-06	3	56,1	-	56,1	21.874.298	0,965	21.117.574
40	NXH2.17A.1	CH-07	3	53,6	-	53,6	21.874.298	0,953	20.839.148
41	NXH2.17A.1	CH-08	3	53,6	-	53,6	21.874.298	0,965	21.117.574
42	NXH2.17A.1	CH-09	3	53,6	-	53,6	21.874.298	0,950	20.774.895
43	NXH2.17A.1	CH-10	3	53,6	-	53,6	21.874.298	0,962	21.053.322
44	NXH2.17A.1	CH-11	3	53,7	-	53,7	21.874.298	0,962	21.053.322
45	NXH2.17A.1	CH-12	3	28,8	-	28,8	21.874.298	0,982	21.481.670
46	NXH2.17A.1	CH-13	3	28,9	-	28,9	21.874.298	0,962	21.053.322
47	NXH2.17A.1	CH-14	3	68,9	-	68,9	21.874.298	1,055	23.068.701
48	NXH2.17A.1	CH-15	3	68,9	-	68,9	21.874.298	1,073	23.462.781
49	NXH2.17A.1	CH-16	3	32,4	-	32,4	21.874.298	0,982	21.481.670
50	NXH2.17A.1	CH-17	3	53,5	-	53,5	21.874.298	0,960	20.989.069
51	NXH2.17A.1	CH-18	3	53,6	-	53,6	21.874.298	0,962	21.053.322
52	NXH2.17A.1	CH-01	4	55,4	-	55,4	21.874.298	0,969	21.203.244
53	NXH2.17A.1	CH-02	4	53,3	-	53,3	21.874.298	0,960	20.989.069
54	NXH2.17A.1	CH-03	4	32,5	-	32,5	21.874.298	0,969	21.203.244
55	NXH2.17A.1	CH-04	4	61,3	-	61,3	21.874.298	1,010	22.102.775
56	NXH2.17A.1	CH-05	4	61,3	-	61,3	21.874.298	1,012	22.137.043
57	NXH2.17A.1	CH-06	4	56,1	-	56,1	21.874.298	0,956	20.903.399
58	NXH2.17A.1	CH-07	4	53,6	-	53,6	21.874.298	0,943	20.624.973
59	NXH2.17A.1	CH-08	4	53,6	-	53,6	21.874.298	0,956	20.903.399
60	NXH2.17A.1	CH-09	4	53,6	-	53,6	21.874.298	0,940	20.560.721
61	NXH2.17A.1	CH-10	4	53,6	-	53,6	21.874.298	0,953	20.839.148
62	NXH2.17A.1	CH-11	4	53,7	-	53,7	21.874.298	0,953	20.839.148
63	NXH2.17A.1	CH-12	4	28,8	-	28,8	21.874.298	0,972	21.267.496
64	NXH2.17A.1	CH-13	4	28,9	-	28,9	21.874.298	0,953	20.839.148
65	NXH2.17A.1	CH-14	4	68,9	-	68,9	21.874.298	1,045	22.854.527
66	NXH2.17A.1	CH-15	4	68,9	-	68,9	21.874.298	1,063	23.248.607
67	NXH2.17A.1	CH-16	4	32,4	-	32,4	21.874.298	0,972	21.267.496
68	NXH2.17A.1	CH-17	4	53,5	-	53,5	21.874.298	0,950	20.774.895
69	NXH2.17A.1	CH-18	4	53,6	-	53,6	21.874.298	0,953	20.839.148
70	NXH2.17A.1	CH-01	5	55,4	-	55,4	21.874.298	0,989	21.631.592
71	NXH2.17A.1	CH-02	5	53,3	-	53,3	21.874.298	0,979	21.417.418
72	NXH2.17A.1	CH-03	5	32,5	-	32,5	21.874.298	0,989	21.631.592
73	NXH2.17A.1	CH-04	5	61,3	-	61,3	21.874.298	1,030	22.531.123
74	NXH2.17A.1	CH-05	5	61,3	-	61,3	21.874.298	1,032	22.565.391
75	NXH2.17A.1	CH-06	5	56,1	-	56,1	21.874.298	0,975	21.331.748
76	NXH2.17A.1	CH-07	5	53,6	-	53,6	21.874.298	0,962	21.053.322
77	NXH2.17A.1	CH-08	5	53,6	-	53,6	21.874.298	0,975	21.331.748
78	NXH2.17A.1	CH-09	5	53,6	-	53,6	21.874.298	0,960	20.989.069
79	NXH2.17A.1	CH-10	5	53,6	-	53,6	21.874.298	0,972	21.267.496
80	NXH2.17A.1	CH-11	5	53,7	-	53,7	21.874.298	0,972	21.267.496
81	NXH2.17A.1	CH-12	5	28,8	-	28,8	21.874.298	0,992	21.695.844
82	NXH2.17A.1	CH-13	5	28,9	-	28,9	21.874.298	0,972	21.267.496
83	NXH2.17A.1	CH-14	5	68,9	-	68,9	21.874.298	1,064	23.282.875
84	NXH2.17A.1	CH-15	5	68,9	-	68,9	21.874.298	1,082	23.676.956
85	NXH2.17A.1	CH-16	5	32,4	-	32,4	21.874.298	0,992	21.695.844

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2) Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)	Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số Kí	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
86	NXH2.17A.1	CH-17	5	53,5	-	53,5	21.874.298	0,969	21.203.244
87	NXH2.17A.1	CH-18	5	53,6	-	53,6	21.874.298	0,972	21.267.496
88	NXH2.17A.1	CH-01	6	55,4	-	55,4	21.874.298	0,999	21.845.767
89	NXH2.17A.1	CH-02	6	53,3	-	53,3	21.874.298	0,989	21.631.592
90	NXH2.17A.1	CH-03	6	32,5	-	32,5	21.874.298	0,999	21.845.767
91	NXH2.17A.1	CH-04	6	61,3	-	61,3	21.874.298	1,035	22.638.210
92	NXH2.17A.1	CH-05	6	61,3	-	61,3	21.874.298	1,036	22.672.479
93	NXH2.17A.1	CH-06	6	56,1	-	56,1	21.874.298	0,980	21.438.835
94	NXH2.17A.1	CH-07	6	53,6	-	53,6	21.874.298	0,967	21.160.409
95	NXH2.17A.1	CH-08	6	53,6	-	53,6	21.874.298	0,980	21.438.835
96	NXH2.17A.1	CH-09	6	53,6	-	53,6	21.874.298	0,964	21.096.157
97	NXH2.17A.1	CH-10	6	53,6	-	53,6	21.874.298	0,977	21.374.583
98	NXH2.17A.1	CH-11	6	53,7	-	53,7	21.874.298	0,977	21.374.583
99	NXH2.17A.1	CH-12	6	28,8	-	28,8	21.874.298	0,997	21.802.931
100	NXH2.17A.1	CH-13	6	28,9	-	28,9	21.874.298	0,977	21.374.583
101	NXH2.17A.1	CH-14	6	68,9	-	68,9	21.874.298	1,069	23.389.962
102	NXH2.17A.1	CH-15	6	68,9	-	68,9	21.874.298	1,087	23.784.043
103	NXH2.17A.1	CH-16	6	32,4	-	32,4	21.874.298	1,007	22.017.106
104	NXH2.17A.1	CH-17	6	53,5	-	53,5	21.874.298	0,984	21.524.505
105	NXH2.17A.1	CH-18	6	53,6	-	53,6	21.874.298	0,987	21.588.757
106	NXH2.17A.1	CH-01	7	55,4	-	55,4	21.874.298	0,979	21.417.418
107	NXH2.17A.1	CH-02	7	53,3	-	53,3	21.874.298	0,969	21.203.244
108	NXH2.17A.1	CH-03	7	32,5	-	32,5	21.874.298	0,979	21.417.418
109	NXH2.17A.1	CH-04	7	61,3	-	61,3	21.874.298	1,015	22.209.863
110	NXH2.17A.1	CH-05	7	61,3	-	61,3	21.874.298	1,017	22.244.130
111	NXH2.17A.1	CH-06	7	56,1	-	56,1	21.874.298	0,961	21.010.487
112	NXH2.17A.1	CH-07	7	53,6	-	53,6	21.874.298	0,948	20.732.061
113	NXH2.17A.1	CH-08	7	53,6	-	53,6	21.874.298	0,961	21.010.487
114	NXH2.17A.1	CH-09	7	53,6	-	53,6	21.874.298	0,945	20.667.808
115	NXH2.17A.1	CH-10	7	53,6	-	53,6	21.874.298	0,958	20.946.235
116	NXH2.17A.1	CH-11	7	53,7	-	53,7	21.874.298	0,958	20.946.235
117	NXH2.17A.1	CH-12	7	28,8	-	28,8	21.874.298	0,977	21.374.583
118	NXH2.17A.1	CH-13	7	28,9	-	28,9	21.874.298	0,958	20.946.235
119	NXH2.17A.1	CH-14	7	68,9	-	68,9	21.874.298	1,050	22.961.614
120	NXH2.17A.1	CH-15	7	68,9	-	68,9	21.874.298	1,068	23.355.694
121	NXH2.17A.1	CH-16	7	32,4	-	32,4	21.874.298	0,987	21.588.757
122	NXH2.17A.1	CH-17	7	53,5	-	53,5	21.874.298	0,964	21.096.157
123	NXH2.17A.1	CH-18	7	53,6	-	53,6	21.874.298	0,967	21.160.409

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2) Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)	Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số Kí	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
NXH2.17A.2				6.419,5	-	6.419,5	21.651.654	1,000	21.651.654
1	NXH2.17A.2	CH-01	1	69,9	-	69,9	21.651.654	1,056	22.874.961
2	NXH2.17A.2	CH-02	1	67,2	-	67,2	21.651.654	1,047	22.662.762
3	NXH2.17A.2	CH-03	1	45,9	-	45,9	21.651.654	1,061	22.981.060
4	NXH2.17A.2	CH-04	1	67,3	-	67,3	21.651.654	1,082	23.418.188
5	NXH2.17A.2	CH-05	1	62,4	-	62,4	21.651.654	1,090	23.596.435
6	NXH2.17A.2	CH-06	1	65,0	-	65,0	21.651.654	1,042	22.556.664
7	NXH2.17A.2	CH-07	1	54,7	-	54,7	21.651.654	1,029	22.280.806
8	NXH2.17A.2	CH-08	1	54,7	-	54,7	21.651.654	1,042	22.556.664
9	NXH2.17A.2	CH-09	1	69,0	-	69,0	21.651.654	1,026	22.217.147
10	NXH2.17A.2	CH-10	1	47,5	-	47,5	21.651.654	1,039	22.493.004
11	NXH2.17A.2	CH-11	1	37,1	-	37,1	21.651.654	1,058	22.917.400
12	NXH2.17A.2	CH-12	1	29,3	-	29,3	21.651.654	1,058	22.917.400
13	NXH2.17A.2	CH-13	1	70,0	-	70,0	21.651.654	1,093	23.670.704
14	NXH2.17A.2	CH-14	1	53,9	-	53,9	21.651.654	1,105	23.916.854
15	NXH2.17A.2	CH-15	1	67,2	-	67,2	21.651.654	1,047	22.662.762
16	NXH2.17A.2	CH-16	1	67,2	-	67,2	21.651.654	1,050	22.726.422
17	NXH2.17A.2	CH-17	1	60,5	-	60,5	21.651.654	1,052	22.768.862
18	NXH2.17A.2	CH-01	2	55,4	-	55,4	21.651.654	0,958	20.752.980
19	NXH2.17A.2	CH-02	2	53,3	-	53,3	21.651.654	0,949	20.540.781
20	NXH2.17A.2	CH-03	2	32,5	-	32,5	21.651.654	0,958	20.752.980
21	NXH2.17A.2	CH-04	2	61,3	-	61,3	21.651.654	0,998	21.614.504
22	NXH2.17A.2	CH-05	2	61,3	-	61,3	21.651.654	1,026	22.217.147
23	NXH2.17A.2	CH-06	2	56,1	-	56,1	21.651.654	0,973	21.071.276
24	NXH2.17A.2	CH-07	2	53,6	-	53,6	21.651.654	0,960	20.795.419
25	NXH2.17A.2	CH-08	2	53,6	-	53,6	21.651.654	0,973	21.071.276
26	NXH2.17A.2	CH-09	2	53,6	-	53,6	21.651.654	0,958	20.731.759
27	NXH2.17A.2	CH-12	2	28,8	-	28,8	21.651.654	0,990	21.432.014
28	NXH2.17A.2	CH-13	2	28,9	-	28,9	21.651.654	0,970	21.007.617
29	NXH2.17A.2	CH-14	2	68,9	-	68,9	21.651.654	1,059	22.928.010
30	NXH2.17A.2	CH-15	2	68,9	-	68,9	21.651.654	1,061	22.961.962
31	NXH2.17A.2	CH-16	2	32,4	-	32,4	21.651.654	0,966	20.922.738
32	NXH2.17A.2	CH-17	2	53,5	-	53,5	21.651.654	0,944	20.434.682
33	NXH2.17A.2	CH-18	2	53,6	-	53,6	21.651.654	0,947	20.498.342
34	NXH2.17A.2	CH-01	3	55,4	-	55,4	21.651.654	0,963	20.859.078
35	NXH2.17A.2	CH-02	3	53,3	-	53,3	21.651.654	0,954	20.646.880
36	NXH2.17A.2	CH-03	3	32,5	-	32,5	21.651.654	0,963	20.859.078

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2) Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)	Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số K1	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
37	NXH2.17A.2	CH-04	3	61,3	-	61,3	21.651.654	1,003	21.720.603
38	NXH2.17A.2	CH-05	3	61,3	-	61,3	21.651.654	1,031	22.323.246
39	NXH2.17A.2	CH-06	3	56,1	-	56,1	21.651.654	0,978	21.177.376
40	NXH2.17A.2	CH-07	3	53,6	-	53,6	21.651.654	0,965	20.901.518
41	NXH2.17A.2	CH-08	3	53,6	-	53,6	21.651.654	0,978	21.177.376
42	NXH2.17A.2	CH-09	3	53,6	-	53,6	21.651.654	0,962	20.837.858
43	NXH2.17A.2	CH-10	3	53,6	-	53,6	21.651.654	0,975	21.113.716
44	NXH2.17A.2	CH-11	3	53,7	-	53,7	21.651.654	0,975	21.113.716
45	NXH2.17A.2	CH-12	3	28,8	-	28,8	21.651.654	0,995	21.538.113
46	NXH2.17A.2	CH-13	3	28,9	-	28,9	21.651.654	0,975	21.113.716
47	NXH2.17A.2	CH-14	3	68,9	-	68,9	21.651.654	1,064	23.034.109
48	NXH2.17A.2	CH-15	3	68,9	-	68,9	21.651.654	1,065	23.068.061
49	NXH2.17A.2	CH-16	3	32,4	-	32,4	21.651.654	0,971	21.028.837
50	NXH2.17A.2	CH-17	3	53,5	-	53,5	21.651.654	0,949	20.540.781
51	NXH2.17A.2	CH-18	3	53,6	-	53,6	21.651.654	0,952	20.604.440
52	NXH2.17A.2	CH-01	4	55,4	-	55,4	21.651.654	0,954	20.646.880
53	NXH2.17A.2	CH-02	4	53,3	-	53,3	21.651.654	0,944	20.434.682
54	NXH2.17A.2	CH-03	4	32,5	-	32,5	21.651.654	0,954	20.646.880
55	NXH2.17A.2	CH-04	4	61,3	-	61,3	21.651.654	0,993	21.508.404
56	NXH2.17A.2	CH-05	4	61,3	-	61,3	21.651.654	1,021	22.111.047
57	NXH2.17A.2	CH-06	4	56,1	-	56,1	21.651.654	0,968	20.965.177
58	NXH2.17A.2	CH-07	4	53,6	-	53,6	21.651.654	0,956	20.689.320
59	NXH2.17A.2	CH-08	4	53,6	-	53,6	21.651.654	0,968	20.965.177
60	NXH2.17A.2	CH-09	4	53,6	-	53,6	21.651.654	0,953	20.625.661
61	NXH2.17A.2	CH-10	4	53,6	-	53,6	21.651.654	0,965	20.901.518
62	NXH2.17A.2	CH-11	4	53,7	-	53,7	21.651.654	0,965	20.901.518
63	NXH2.17A.2	CH-12	4	28,8	-	28,8	21.651.654	0,985	21.325.914
64	NXH2.17A.2	CH-13	4	28,9	-	28,9	21.651.654	0,965	20.901.518
65	NXH2.17A.2	CH-14	4	68,9	-	68,9	21.651.654	1,054	22.821.912
66	NXH2.17A.2	CH-15	4	68,9	-	68,9	21.651.654	1,056	22.855.863
67	NXH2.17A.2	CH-16	4	32,4	-	32,4	21.651.654	0,961	20.816.639
68	NXH2.17A.2	CH-17	4	53,5	-	53,5	21.651.654	0,939	20.328.583
69	NXH2.17A.2	CH-18	4	53,6	-	53,6	21.651.654	0,942	20.392.243
70	NXH2.17A.2	CH-01	5	55,4	-	55,4	21.651.654	0,973	21.071.276
71	NXH2.17A.2	CH-02	5	53,3	-	53,3	21.651.654	0,963	20.859.078
72	NXH2.17A.2	CH-03	5	32,5	-	32,5	21.651.654	0,973	21.071.276
73	NXH2.17A.2	CH-04	5	61,3	-	61,3	21.651.654	1,013	21.932.801
74	NXH2.17A.2	CH-05	5	61,3	-	61,3	21.651.654	1,041	22.535.443
75	NXH2.17A.2	CH-06	5	56,1	-	56,1	21.651.654	0,988	21.389.574
76	NXH2.17A.2	CH-07	5	53,6	-	53,6	21.651.654	0,975	21.113.716
77	NXH2.17A.2	CH-08	5	53,6	-	53,6	21.651.654	0,988	21.389.574
78	NXH2.17A.2	CH-09	5	53,6	-	53,6	21.651.654	0,972	21.050.057
79	NXH2.17A.2	CH-10	5	53,6	-	53,6	21.651.654	0,985	21.325.914
80	NXH2.17A.2	CH-11	5	53,7	-	53,7	21.651.654	0,985	21.325.914
81	NXH2.17A.2	CH-12	5	28,8	-	28,8	21.651.654	1,005	21.750.310
82	NXH2.17A.2	CH-13	5	28,9	-	28,9	21.651.654	0,985	21.325.914
83	NXH2.17A.2	CH-14	5	68,9	-	68,9	21.651.654	1,074	23.246.308
84	NXH2.17A.2	CH-15	5	68,9	-	68,9	21.651.654	1,075	23.280.259
85	NXH2.17A.2	CH-16	5	32,4	-	32,4	21.651.654	0,981	21.241.035
86	NXH2.17A.2	CH-17	5	53,5	-	53,5	21.651.654	0,958	20.752.980
87	NXH2.17A.2	CH-18	5	53,6	-	53,6	21.651.654	0,961	20.816.639
88	NXH2.17A.2	CH-01	6	55,4	-	55,4	21.651.654	0,978	21.177.376
89	NXH2.17A.2	CH-02	6	53,3	-	53,3	21.651.654	0,968	20.965.177
90	NXH2.17A.2	CH-03	6	32,5	-	32,5	21.651.654	0,978	21.177.376
91	NXH2.17A.2	CH-04	6	61,3	-	61,3	21.651.654	1,018	22.038.901
92	NXH2.17A.2	CH-05	6	61,3	-	61,3	21.651.654	1,046	22.641.543
93	NXH2.17A.2	CH-06	6	56,1	-	56,1	21.651.654	0,993	21.495.672
94	NXH2.17A.2	CH-07	6	53,6	-	53,6	21.651.654	0,980	21.219.815
95	NXH2.17A.2	CH-08	6	53,6	-	53,6	21.651.654	0,993	21.495.672
96	NXH2.17A.2	CH-09	6	53,6	-	53,6	21.651.654	0,977	21.156.156
97	NXH2.17A.2	CH-10	6	53,6	-	53,6	21.651.654	0,990	21.432.014
98	NXH2.17A.2	CH-11	6	53,7	-	53,7	21.651.654	0,990	21.432.014
99	NXH2.17A.2	CH-12	6	28,8	-	28,8	21.651.654	1,009	21.856.410
100	NXH2.17A.2	CH-13	6	28,9	-	28,9	21.651.654	0,990	21.432.014
101	NXH2.17A.2	CH-14	6	68,9	-	68,9	21.651.654	1,079	23.352.407
102	NXH2.17A.2	CH-15	6	68,9	-	68,9	21.651.654	1,080	23.386.358
103	NXH2.17A.2	CH-16	6	32,4	-	32,4	21.651.654	0,986	21.347.134
104	NXH2.17A.2	CH-17	6	53,5	-	53,5	21.651.654	0,963	20.859.078
105	NXH2.17A.2	CH-18	6	53,6	-	53,6	21.651.654	0,966	20.922.738
106	NXH2.17A.2	CH-01	7	55,4	-	55,4	21.651.654	0,958	20.752.980
107	NXH2.17A.2	CH-02	7	53,3	-	53,3	21.651.654	0,949	20.540.781
108	NXH2.17A.2	CH-03	7	32,5	-	32,5	21.651.654	0,958	20.752.980
109	NXH2.17A.2	CH-04	7	61,3	-	61,3	21.651.654	0,998	21.614.504
110	NXH2.17A.2	CH-05	7	61,3	-	61,3	21.651.654	1,026	22.217.147
111	NXH2.17A.2	CH-06	7	56,1	-	56,1	21.651.654	0,973	21.071.276
112	NXH2.17A.2	CH-07	7	53,6	-	53,6	21.651.654	0,960	20.795.419
113	NXH2.17A.2	CH-08	7	53,6	-	53,6	21.651.654	0,973	21.071.276
114	NXH2.17A.2	CH-09	7	53,6	-	53,6	21.651.654	0,958	20.731.759
115	NXH2.17A.2	CH-10	7	53,6	-	53,6	21.651.654	0,970	21.007.617
116	NXH2.17A.2	CH-11	7	53,7	-	53,7	21.651.654	0,970	21.007.617

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m ²)		Tổng diện tích (m ²)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m ²)	Hệ số K _i	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m ²)
				Diện tích bán	Diện tích cho thuê				
117	NXH2.17A.2	CH-12	7	28,8	-	28,8	21.651.654	0,990	21.432.014
118	NXH2.17A.2	CH-13	7	28,9	-	28,9	21.651.654	0,970	21.007.617
119	NXH2.17A.2	CH-14	7	68,9	-	68,9	21.651.654	1,059	22.928.010
120	NXH2.17A.2	CH-15	7	68,9	-	68,9	21.651.654	1,061	22.961.962
121	NXH2.17A.2	CH-16	7	32,4	-	32,4	21.651.654	0,966	20.922.738
122	NXH2.17A.2	CH-17	7	53,5	-	53,5	21.651.654	0,944	20.434.682
123	NXH2.17A.2	CH-18	7	53,6	-	53,6	21.651.654	0,947	20.498.342

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số K _i	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)		
				Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)						
NXH2.17A.3				123		6.499,7	-	6.499,7	23.260.406	1,000	23.260.406
1	NXH2.17A.3	CH-01	1	69,9	-	69,9		23.260.406	1,070	24.884.160	
2	NXH2.17A.3	CH-02	1	67,2	-	67,2		23.260.406	1,060	24.655.865	
3	NXH2.17A.3	CH-03	1	47,3	-	47,3		23.260.406	1,075	24.998.308	
4	NXH2.17A.3	CH-04	1	67,3	-	67,3		23.260.406	1,091	25.386.410	
5	NXH2.17A.3	CH-05	1	62,4	-	62,4		23.260.406	1,083	25.194.641	
6	NXH2.17A.3	CH-06	1	68,9	-	68,9		23.260.406	1,022	23.765.515	
7	NXH2.17A.3	CH-07	1	54,7	-	54,7		23.260.406	1,019	23.697.026	
8	NXH2.17A.3	CH-08	1	54,7	-	54,7		23.260.406	1,032	23.993.810	
9	NXH2.17A.3	CH-09	1	69,0	-	69,0		23.260.406	1,016	23.628.538	
10	NXH2.17A.3	CH-10	1	47,5	-	47,5		23.260.406	1,043	24.267.764	
11	NXH2.17A.3	CH-11	1	39,4	-	39,4		23.260.406	1,038	24.153.616	
12	NXH2.17A.3	CH-12	1	30,9	-	30,9		23.260.406	1,043	24.267.764	
13	NXH2.17A.3	CH-13	1	70,0	-	70,0		23.260.406	1,087	25.274.545	
14	NXH2.17A.3	CH-14	1	53,9	-	53,9		23.260.406	1,105	25.694.608	
15	NXH2.17A.3	CH-15	1	68,5	-	68,5		23.260.406	1,060	24.655.865	
16	NXH2.17A.3	CH-16	1	67,2	-	67,2		23.260.406	1,063	24.724.354	
17	NXH2.17A.3	CH-17	1	60,5	-	60,5		23.260.406	1,040	24.199.275	
18	NXH2.17A.3	CH-01	2	55,4	-	55,4		23.260.406	0,972	22.601.210	
19	NXH2.17A.3	CH-02	2	53,4	-	53,4		23.260.406	0,962	22.372.915	
20	NXH2.17A.3	CH-03	2	33,6	-	33,6		23.260.406	0,977	22.715.358	
21	NXH2.17A.3	CH-04	2	61,3	-	61,3		23.260.406	0,998	23.217.606	
22	NXH2.17A.3	CH-05	2	61,3	-	61,3		23.260.406	1,019	23.710.724	
23	NXH2.17A.3	CH-06	2	59,3	-	59,3		23.260.406	0,963	22.395.745	
24	NXH2.17A.3	CH-07	2	53,6	-	53,6		23.260.406	0,950	22.098.961	
25	NXH2.17A.3	CH-08	2	53,6	-	53,6		23.260.406	0,963	22.395.745	
26	NXH2.17A.3	CH-09	2	53,6	-	53,6		23.260.406	0,957	22.258.768	
27	NXH2.17A.3	CH-12	2	30,4	-	30,4		23.260.406	0,975	22.669.699	
28	NXH2.17A.3	CH-13	2	30,5	-	30,5		23.260.406	0,955	22.213.109	
29	NXH2.17A.3	CH-14	2	68,9	-	68,9		23.260.406	1,047	24.361.365	
30	NXH2.17A.3	CH-15	2	68,9	-	68,9		23.260.406	1,065	24.781.428	
31	NXH2.17A.3	CH-16	2	33,5	-	33,5		23.260.406	0,984	22.897.994	
32	NXH2.17A.3	CH-17	2	53,5	-	53,5		23.260.406	0,957	22.258.768	
33	NXH2.17A.3	CH-18	2	53,6	-	53,6		23.260.406	0,975	22.669.699	
34	NXH2.17A.3	CH-01	3	55,4	-	55,4		23.260.406	0,977	22.715.358	
35	NXH2.17A.3	CH-02	3	55,1	-	55,1		23.260.406	0,967	22.487.063	
36	NXH2.17A.3	CH-03	3	33,6	-	33,6		23.260.406	0,981	22.829.505	
37	NXH2.17A.3	CH-04	3	61,3	-	61,3		23.260.406	1,003	23.331.754	
38	NXH2.17A.3	CH-05	3	61,3	-	61,3		23.260.406	1,024	23.824.871	
39	NXH2.17A.3	CH-06	3	59,3	-	59,3		23.260.406	0,968	22.509.892	
40	NXH2.17A.3	CH-07	3	53,6	-	53,6		23.260.406	0,955	22.213.109	
41	NXH2.17A.3	CH-08	3	53,6	-	53,6		23.260.406	0,968	22.509.892	
42	NXH2.17A.3	CH-09	3	53,6	-	53,6		23.260.406	0,962	22.372.915	
43	NXH2.17A.3	CH-10	3	53,6	-	53,6		23.260.406	0,965	22.441.404	
44	NXH2.17A.3	CH-11	3	53,7	-	53,7		23.260.406	0,965	22.441.404	
45	NXH2.17A.3	CH-12	3	30,4	-	30,4		23.260.406	0,980	22.783.846	
46	NXH2.17A.3	CH-13	3	30,5	-	30,5		23.260.406	0,960	22.327.256	
47	NXH2.17A.3	CH-14	3	68,9	-	68,9		23.260.406	1,052	24.475.513	
48	NXH2.17A.3	CH-15	3	68,9	-	68,9		23.260.406	1,070	24.895.575	
49	NXH2.17A.3	CH-16	3	33,5	-	33,5		23.260.406	0,989	23.012.141	
50	NXH2.17A.3	CH-17	3	55,3	-	55,3		23.260.406	0,962	22.372.915	
51	NXH2.17A.3	CH-18	3	53,6	-	53,6		23.260.406	0,980	22.783.846	
52	NXH2.17A.3	CH-01	4	55,4	-	55,4		23.260.406	0,967	22.487.063	
53	NXH2.17A.3	CH-02	4	55,1	-	55,1		23.260.406	0,957	22.258.768	
54	NXH2.17A.3	CH-03	4	33,6	-	33,6		23.260.406	0,972	22.601.210	
55	NXH2.17A.3	CH-04	4	61,3	-	61,3		23.260.406	0,993	23.103.459	
56	NXH2.17A.3	CH-05	4	61,3	-	61,3		23.260.406	1,014	23.596.576	
57	NXH2.17A.3	CH-06	4	59,3	-	59,3		23.260.406	0,958	22.281.597	
58	NXH2.17A.3	CH-07	4	53,6	-	53,6		23.260.406	0,945	21.984.814	
59	NXH2.17A.3	CH-08	4	53,6	-	53,6		23.260.406	0,958	22.281.597	
60	NXH2.17A.3	CH-09	4	53,6	-	53,6		23.260.406	0,952	22.144.620	
61	NXH2.17A.3	CH-10	4	53,6	-	53,6		23.260.406	0,955	22.213.109	
62	NXH2.17A.3	CH-11	4	53,7	-	53,7		23.260.406	0,955	22.213.109	
63	NXH2.17A.3	CH-12	4	30,4	-	30,4		23.260.406	0,970	22.555.551	
64	NXH2.17A.3	CH-13	4	30,5	-	30,5		23.260.406	0,950	22.098.961	
65	NXH2.17A.3	CH-14	4	68,9	-	68,9		23.260.406	1,042	24.247.218	
66	NXH2.17A.3	CH-15	4	68,9	-	68,9		23.260.406	1,060	24.667.280	
67	NXH2.17A.3	CH-16	4	33,5	-	33,5		23.260.406	0,980	22.783.846	

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số K1	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
				Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)	(m2)			
68	NXH2.17A.3	CH-17	4	55,3	-	55,3	23.260.406	0,952	22.144.620
69	NXH2.17A.3	CH-18	4	53,6	-	53,6	23.260.406	0,970	22.555.551
70	NXH2.17A.3	CH-01	5	55,4	-	55,4	23.260.406	0,986	22.943.653
71	NXH2.17A.3	CH-02	5	55,1	-	55,1	23.260.406	0,977	22.715.358
72	NXH2.17A.3	CH-03	5	33,6	-	33,6	23.260.406	0,991	23.057.800
73	NXH2.17A.3	CH-04	5	61,3	-	61,3	23.260.406	1,013	23.560.049
74	NXH2.17A.3	CH-05	5	61,3	-	61,3	23.260.406	1,034	24.053.166
75	NXH2.17A.3	CH-06	5	59,3	-	59,3	23.260.406	0,978	22.738.187
76	NXH2.17A.3	CH-07	5	53,6	-	53,6	23.260.406	0,965	22.441.404
77	NXH2.17A.3	CH-08	5	53,6	-	53,6	23.260.406	0,978	22.738.187
78	NXH2.17A.3	CH-09	5	53,6	-	53,6	23.260.406	0,972	22.601.210
79	NXH2.17A.3	CH-10	5	53,6	-	53,6	23.260.406	0,975	22.669.699
80	NXH2.17A.3	CH-11	5	53,7	-	53,7	23.260.406	0,975	22.669.699
81	NXH2.17A.3	CH-12	5	30,4	-	30,4	23.260.406	0,989	23.012.141
82	NXH2.17A.3	CH-13	5	30,5	-	30,5	23.260.406	0,970	22.555.551
83	NXH2.17A.3	CH-14	5	68,9	-	68,9	23.260.406	1,062	24.703.808
84	NXH2.17A.3	CH-15	5	68,9	-	68,9	23.260.406	1,080	25.123.870
85	NXH2.17A.3	CH-16	5	33,5	-	33,5	23.260.406	0,999	23.240.436
86	NXH2.17A.3	CH-17	5	55,3	-	55,3	23.260.406	0,972	22.601.210
87	NXH2.17A.3	CH-18	5	53,6	-	53,6	23.260.406	0,989	23.012.141
88	NXH2.17A.3	CH-01	6	55,4	-	55,4	23.260.406	0,991	23.057.800
89	NXH2.17A.3	CH-02	6	55,1	-	55,1	23.260.406	0,981	22.829.505
90	NXH2.17A.3	CH-03	6	33,6	-	33,6	23.260.406	0,996	23.171.948
91	NXH2.17A.3	CH-04	6	61,3	-	61,3	23.260.406	1,018	23.674.196
92	NXH2.17A.3	CH-05	6	61,3	-	61,3	23.260.406	1,039	24.167.314
93	NXH2.17A.3	CH-06	6	59,3	-	59,3	23.260.406	0,982	22.852.335
94	NXH2.17A.3	CH-07	6	53,6	-	53,6	23.260.406	0,970	22.555.551
95	NXH2.17A.3	CH-08	6	53,6	-	53,6	23.260.406	0,982	22.852.335
96	NXH2.17A.3	CH-09	6	53,6	-	53,6	23.260.406	0,977	22.715.358
97	NXH2.17A.3	CH-10	6	53,6	-	53,6	23.260.406	0,980	22.783.846
98	NXH2.17A.3	CH-11	6	53,7	-	53,7	23.260.406	0,980	22.783.846
99	NXH2.17A.3	CH-12	6	30,4	-	30,4	23.260.406	0,994	23.126.289
100	NXH2.17A.3	CH-13	6	30,5	-	30,5	23.260.406	0,975	22.669.699
101	NXH2.17A.3	CH-14	6	68,9	-	68,9	23.260.406	1,067	24.817.955
102	NXH2.17A.3	CH-15	6	68,9	-	68,9	23.260.406	1,085	25.238.018
103	NXH2.17A.3	CH-16	6	33,5	-	33,5	23.260.406	1,004	23.354.584
104	NXH2.17A.3	CH-17	6	55,3	-	55,3	23.260.406	0,977	22.715.358
105	NXH2.17A.3	CH-18	6	53,6	-	53,6	23.260.406	0,994	23.126.289
106	NXH2.17A.3	CH-01	7	55,4	-	55,4	23.260.406	0,972	22.601.210
107	NXH2.17A.3	CH-02	7	55,1	-	55,1	23.260.406	0,962	22.372.915
108	NXH2.17A.3	CH-03	7	33,6	-	33,6	23.260.406	0,977	22.715.358
109	NXH2.17A.3	CH-04	7	61,3	-	61,3	23.260.406	0,998	23.217.606
110	NXH2.17A.3	CH-05	7	61,3	-	61,3	23.260.406	1,019	23.710.724
111	NXH2.17A.3	CH-06	7	59,3	-	59,3	23.260.406	0,963	22.395.745
112	NXH2.17A.3	CH-07	7	53,6	-	53,6	23.260.406	0,950	22.098.961
113	NXH2.17A.3	CH-08	7	53,6	-	53,6	23.260.406	0,963	22.395.745
114	NXH2.17A.3	CH-09	7	53,6	-	53,6	23.260.406	0,957	22.258.768
115	NXH2.17A.3	CH-10	7	53,6	-	53,6	23.260.406	0,960	22.327.256
116	NXH2.17A.3	CH-11	7	53,7	-	53,7	23.260.406	0,960	22.327.256
117	NXH2.17A.3	CH-12	7	30,4	-	30,4	23.260.406	0,975	22.669.699
118	NXH2.17A.3	CH-13	7	30,5	-	30,5	23.260.406	0,955	22.213.109
119	NXH2.17A.3	CH-14	7	68,9	-	68,9	23.260.406	1,047	24.361.365
120	NXH2.17A.3	CH-15	7	68,9	-	68,9	23.260.406	1,065	24.781.428
121	NXH2.17A.3	CH-16	7	33,5	-	33,5	23.260.406	0,984	22.897.994
122	NXH2.17A.3	CH-17	7	55,3	-	55,3	23.260.406	0,957	22.258.768
123	NXH2.17A.3	CH-18	7	53,6	-	53,6	23.260.406	0,975	22.669.699

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số K1	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
				Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)	(m2)			
NXH2.17A.4				123				1,000	23.706.680
1	NXH2.17A.4	CH-01	1	69,9	-	69,9	23.706.680	1,052	24.928.444
2	NXH2.17A.4	CH-02	1	67,2	-	67,2	23.706.680	1,042	24.697.196
3	NXH2.17A.4	CH-03	1	47,3	-	47,3	23.706.680	1,056	25.044.067
4	NXH2.17A.4	CH-04	1	67,3	-	67,3	23.706.680	1,077	25.520.436
5	NXH2.17A.4	CH-05	1	62,4	-	62,4	23.706.680	1,085	25.714.684
6	NXH2.17A.4	CH-06	1	68,9	-	68,9	23.706.680	1,037	24.581.573
7	NXH2.17A.4	CH-07	1	54,7	-	54,7	23.706.680	1,024	24.280.951
8	NXH2.17A.4	CH-08	1	54,7	-	54,7	23.706.680	1,037	24.581.573
9	NXH2.17A.4	CH-09	1	69,0	-	69,0	23.706.680	1,021	24.211.577
10	NXH2.17A.4	CH-10	1	47,5	-	47,5	23.706.680	1,034	24.512.199
11	NXH2.17A.4	CH-11	1	39,4	-	39,4	23.706.680	1,053	24.974.693
12	NXH2.17A.4	CH-12	1	30,9	-	30,9	23.706.680	1,053	24.974.693
13	NXH2.17A.4	CH-13	1	70,0	-	70,0	23.706.680	1,049	24.870.631
14	NXH2.17A.4	CH-14	1	53,9	-	53,9	23.706.680	1,060	25.138.878
15	NXH2.17A.4	CH-15	1	68,5	-	68,5	23.706.680	1,042	24.697.196
16	NXH2.17A.4	CH-16	1	67,2	-	67,2	23.706.680	1,045	24.766.571
17	NXH2.17A.4	CH-17	1	60,5	-	60,5	23.706.680	1,047	24.812.819
18	NXH2.17A.4	CH-01	2	55,4	-	55,4	23.706.680	0,983	23.309.713

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2) Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)	Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số Kí	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
19	NXH2.17A.4	CH-02	2	53,4	-	53,4	23.706.680	0,974	23.078.466
20	NXH2.17A.4	CH-03	2	33,6	-	33,6	23.706.680	0,983	23.309.713
21	NXH2.17A.4	CH-04	2	61,3	-	61,3	23.706.680	1,023	24.248.577
22	NXH2.17A.4	CH-05	2	61,3	-	61,3	23.706.680	1,021	24.211.577
23	NXH2.17A.4	CH-06	2	59,3	-	59,3	23.706.680	0,969	22.962.842
24	NXH2.17A.4	CH-07	2	53,6	-	53,6	23.706.680	0,956	22.662.221
25	NXH2.17A.4	CH-08	2	53,6	-	53,6	23.706.680	0,969	22.962.842
26	NXH2.17A.4	CH-09	2	53,6	-	53,6	23.706.680	0,953	22.592.847
27	NXH2.17A.4	CH-12	2	30,4	-	30,4	23.706.680	0,985	23.355.963
28	NXH2.17A.4	CH-13	2	30,5	-	30,5	23.706.680	0,966	22.893.468
29	NXH2.17A.4	CH-14	2	68,9	-	68,9	23.706.680	1,005	22.830.020
30	NXH2.17A.4	CH-15	2	68,9	-	68,9	23.706.680	1,046	24.792.007
31	NXH2.17A.4	CH-16	2	33,5	-	33,5	23.706.680	0,991	23.494.711
32	NXH2.17A.4	CH-17	2	53,5	-	53,5	23.706.680	0,969	22.962.842
33	NXH2.17A.4	CH-18	2	53,6	-	53,6	23.706.680	0,972	23.032.217
34	NXH2.17A.4	CH-01	3	55,4	-	55,4	23.706.680	0,988	23.425.336
35	NXH2.17A.4	CH-02	3	55,1	-	55,1	23.706.680	0,978	23.194.090
36	NXH2.17A.4	CH-03	3	33,6	-	33,6	23.706.680	0,988	23.425.336
37	NXH2.17A.4	CH-04	3	61,3	-	61,3	23.706.680	1,028	24.364.200
38	NXH2.17A.4	CH-05	3	61,3	-	61,3	23.706.680	1,026	24.327.201
39	NXH2.17A.4	CH-06	3	59,3	-	59,3	23.706.680	0,974	23.078.466
40	NXH2.17A.4	CH-07	3	53,6	-	53,6	23.706.680	0,961	22.777.845
41	NXH2.17A.4	CH-08	3	53,6	-	53,6	23.706.680	0,974	23.078.466
42	NXH2.17A.4	CH-09	3	53,6	-	53,6	23.706.680	0,958	22.708.470
43	NXH2.17A.4	CH-10	3	53,6	-	53,6	23.706.680	0,971	23.009.092
44	NXH2.17A.4	CH-11	3	53,7	-	53,7	23.706.680	0,971	23.009.092
45	NXH2.17A.4	CH-12	3	30,4	-	30,4	23.706.680	0,990	23.471.586
46	NXH2.17A.4	CH-13	3	30,5	-	30,5	23.706.680	0,971	23.009.092
47	NXH2.17A.4	CH-14	3	68,9	-	68,9	23.706.680	1,010	23.945.643
48	NXH2.17A.4	CH-15	3	68,9	-	68,9	23.706.680	1,051	24.907.631
49	NXH2.17A.4	CH-16	3	33,5	-	33,5	23.706.680	0,996	23.610.335
50	NXH2.17A.4	CH-17	3	55,3	-	55,3	23.706.680	0,974	23.078.466
51	NXH2.17A.4	CH-18	3	53,6	-	53,6	23.706.680	0,976	23.147.840
52	NXH2.17A.4	CH-01	4	55,4	-	55,4	23.706.680	0,978	23.194.090
53	NXH2.17A.4	CH-02	4	55,1	-	55,1	23.706.680	0,969	22.962.842
54	NXH2.17A.4	CH-03	4	33,6	-	33,6	23.706.680	0,978	23.194.090
55	NXH2.17A.4	CH-04	4	61,3	-	61,3	23.706.680	1,018	24.132.953
56	NXH2.17A.4	CH-05	4	61,3	-	61,3	23.706.680	1,016	24.095.953
57	NXH2.17A.4	CH-06	4	59,3	-	59,3	23.706.680	0,964	22.847.219
58	NXH2.17A.4	CH-07	4	53,6	-	53,6	23.706.680	0,951	22.546.597
59	NXH2.17A.4	CH-08	4	53,6	-	53,6	23.706.680	0,964	22.847.219
60	NXH2.17A.4	CH-09	4	53,6	-	53,6	23.706.680	0,948	22.477.224
61	NXH2.17A.4	CH-10	4	53,6	-	53,6	23.706.680	0,961	22.777.845
62	NXH2.17A.4	CH-11	4	53,7	-	53,7	23.706.680	0,961	22.777.845
63	NXH2.17A.4	CH-12	4	30,4	-	30,4	23.706.680	0,980	23.240.339
64	NXH2.17A.4	CH-13	4	30,5	-	30,5	23.706.680	0,961	22.777.845
65	NXH2.17A.4	CH-14	4	68,9	-	68,9	23.706.680	1,000	23.714.396
66	NXH2.17A.4	CH-15	4	68,9	-	68,9	23.706.680	1,041	24.676.384
67	NXH2.17A.4	CH-16	4	33,5	-	33,5	23.706.680	0,986	23.379.087
68	NXH2.17A.4	CH-17	4	55,3	-	55,3	23.706.680	0,964	22.847.219
69	NXH2.17A.4	CH-18	4	53,6	-	53,6	23.706.680	0,967	22.916.593
70	NXH2.17A.4	CH-01	5	55,4	-	55,4	23.706.680	0,998	23.656.584
71	NXH2.17A.4	CH-02	5	55,1	-	55,1	23.706.680	0,988	23.425.336
72	NXH2.17A.4	CH-03	5	33,6	-	33,6	23.706.680	0,998	23.656.584
73	NXH2.17A.4	CH-04	5	61,3	-	61,3	23.706.680	1,037	24.595.448
74	NXH2.17A.4	CH-05	5	61,3	-	61,3	23.706.680	1,036	24.558.448
75	NXH2.17A.4	CH-06	5	59,3	-	59,3	23.706.680	0,983	23.309.713
76	NXH2.17A.4	CH-07	5	53,6	-	53,6	23.706.680	0,971	23.009.092
77	NXH2.17A.4	CH-08	5	53,6	-	53,6	23.706.680	0,983	23.309.713
78	NXH2.17A.4	CH-09	5	53,6	-	53,6	23.706.680	0,968	22.939.718
79	NXH2.17A.4	CH-10	5	53,6	-	53,6	23.706.680	0,980	23.240.339
80	NXH2.17A.4	CH-11	5	53,7	-	53,7	23.706.680	0,980	23.240.339
81	NXH2.17A.4	CH-12	5	30,4	-	30,4	23.706.680	1,000	23.702.834
82	NXH2.17A.4	CH-13	5	30,5	-	30,5	23.706.680	0,980	23.240.339
83	NXH2.17A.4	CH-14	5	68,9	-	68,9	23.706.680	1,020	24.176.891
84	NXH2.17A.4	CH-15	5	68,9	-	68,9	23.706.680	1,060	25.138.878
85	NXH2.17A.4	CH-16	5	33,5	-	33,5	23.706.680	1,006	23.841.582
86	NXH2.17A.4	CH-17	5	55,3	-	55,3	23.706.680	0,983	23.309.713
87	NXH2.17A.4	CH-18	5	53,6	-	53,6	23.706.680	0,986	23.379.087
88	NXH2.17A.4	CH-01	6	55,4	-	55,4	23.706.680	1,003	23.772.207
89	NXH2.17A.4	CH-02	6	55,1	-	55,1	23.706.680	0,993	23.540.961
90	NXH2.17A.4	CH-03	6	33,6	-	33,6	23.706.680	1,003	23.772.207
91	NXH2.17A.4	CH-04	6	61,3	-	61,3	23.706.680	1,042	24.711.071
92	NXH2.17A.4	CH-05	6	61,3	-	61,3	23.706.680	1,041	24.674.072
93	NXH2.17A.4	CH-06	6	59,3	-	59,3	23.706.680	0,988	23.425.336
94	NXH2.17A.4	CH-07	6	53,6	-	53,6	23.706.680	0,975	23.124.716
95	NXH2.17A.4	CH-08	6	53,6	-	53,6	23.706.680	0,988	23.425.336
96	NXH2.17A.4	CH-09	6	53,6	-	53,6	23.706.680	0,973	23.055.341
97	NXH2.17A.4	CH-10	6	53,6	-	53,6	23.706.680	0,985	23.355.963
98	NXH2.17A.4	CH-11	6	53,7	-	53,7	23.706.680	0,985	23.355.963

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số KI	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
				Diện tích bán	Diện tích cho thuê				
99	NXH2.17A.4	CH-12	6	30,4	-	30,4	23.706.680	1,005	23.818.457
100	NXH2.17A.4	CH-13	6	30,5	-	30,5	23.706.680	0,985	23.355.963
101	NXH2.17A.4	CH-14	6	68,9	-	68,9	23.706.680	1,025	24.292.514
102	NXH2.17A.4	CH-15	6	68,9	-	68,9	23.706.680	1,065	25.254.502
103	NXH2.17A.4	CH-16	6	33,5	-	33,5	23.706.680	1,011	23.957.206
104	NXH2.17A.4	CH-17	6	55,3	-	55,3	23.706.680	0,988	23.425.336
105	NXH2.17A.4	CH-18	6	53,6	-	53,6	23.706.680	0,991	23.494.711
106	NXH2.17A.4	CH-01	7	55,4	-	55,4	23.706.680	0,983	23.309.713
107	NXH2.17A.4	CH-02	7	55,1	-	55,1	23.706.680	0,974	23.078.466
108	NXH2.17A.4	CH-03	7	33,6	-	33,6	23.706.680	0,983	23.309.713
109	NXH2.17A.4	CH-04	7	61,3	-	61,3	23.706.680	1,023	24.248.577
110	NXH2.17A.4	CH-05	7	61,3	-	61,3	23.706.680	1,021	24.211.577
111	NXH2.17A.4	CH-06	7	59,3	-	59,3	23.706.680	0,969	22.962.842
112	NXH2.17A.4	CH-07	7	53,6	-	53,6	23.706.680	0,956	22.662.221
113	NXH2.17A.4	CH-08	7	53,6	-	53,6	23.706.680	0,969	22.962.842
114	NXH2.17A.4	CH-09	7	53,6	-	53,6	23.706.680	0,953	22.592.847
115	NXH2.17A.4	CH-10	7	53,6	-	53,6	23.706.680	0,966	22.893.468
116	NXH2.17A.4	CH-11	7	53,7	-	53,7	23.706.680	0,966	22.893.468
117	NXH2.17A.4	CH-12	7	30,4	-	30,4	23.706.680	0,985	23.355.963
118	NXH2.17A.4	CH-13	7	30,5	-	30,5	23.706.680	0,966	22.893.468
119	NXH2.17A.4	CH-14	7	68,9	-	68,9	23.706.680	1,005	23.830.020
120	NXH2.17A.4	CH-15	7	68,9	-	68,9	23.706.680	1,046	24.792.007
121	NXH2.17A.4	CH-16	7	33,5	-	33,5	23.706.680	0,991	23.494.711
122	NXH2.17A.4	CH-17	7	55,3	-	55,3	23.706.680	0,969	22.962.842
123	NXH2.17A.4	CH-18	7	53,6	-	53,6	23.706.680	0,972	23.032.217

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số KI	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)	
NXH2.17B.1				137	7.184,2	-	7.184,2	21.428.025	1,000	21.428.025
1	NXH2.17B.1	CH-01	1	69,4	-	69,4	21.428.025	1,090	23.362.203	
2	NXH2.17B.1	CH-02	1	67,4	-	67,4	21.428.025	1,080	23.151.732	
3	NXH2.17B.1	CH-03	1	67,2	-	67,2	21.428.025	1,076	23.046.497	
4	NXH2.17B.1	CH-04	1	67,4	-	67,4	21.428.025	1,061	22.730.792	
5	NXH2.17B.1	CH-05	1	54,0	-	54,0	21.428.025	1,132	24.246.178	
6	NXH2.17B.1	CH-06	1	70,0	-	70,0	21.428.025	1,136	24.351.413	
7	NXH2.17B.1	CH-07	1	29,3	-	29,3	21.428.025	1,039	22.267.757	
8	NXH2.17B.1	CH-08	1	37,1	-	37,1	21.428.025	1,052	22.541.369	
9	NXH2.17B.1	CH-09	1	54,8	-	54,8	21.428.025	1,031	22.099.381	
10	NXH2.17B.1	CH-10	1	54,8	-	54,8	21.428.025	1,029	22.057.287	
11	NXH2.17B.1	CH-11	1	54,7	-	54,7	21.428.025	1,029	22.057.287	
12	NXH2.17B.1	CH-12	1	69,2	-	69,2	21.428.025	1,015	21.741.582	
13	NXH2.17B.1	CH-13	1	47,4	-	47,4	21.428.025	1,010	21.636.346	
14	NXH2.17B.1	CH-14	1	64,7	-	64,7	21.428.025	1,010	21.636.346	
15	NXH2.17B.1	CH-15	1	62,3	-	62,3	21.428.025	1,068	22.880.226	
16	NXH2.17B.1	CH-16	1	67,3	-	67,3	21.428.025	1,118	23.962.043	
17	NXH2.17B.1	CH-17	1	46,1	-	46,1	21.428.025	1,095	23.467.438	
18	NXH2.17B.1	CH-18	1	67,3	-	67,3	21.428.025	1,083	23.214.874	
19	NXH2.17B.1	CH-19	1	60,4	-	60,4	21.428.025	1,092	23.404.297	
20	NXH2.17B.1	CH-01	2	55,2	-	55,2	21.428.025	0,963	20.626.089	
21	NXH2.17B.1	CH-02	2	53,6	-	53,6	21.428.025	0,967	20.731.324	
22	NXH2.17B.1	CH-03	2	53,6	-	53,6	21.428.025	0,963	20.626.089	
23	NXH2.17B.1	CH-04	2	32,4	-	32,4	21.428.025	0,967	20.731.324	
24	NXH2.17B.1	CH-05	2	68,8	-	68,8	21.428.025	1,038	22.246.710	
25	NXH2.17B.1	CH-06	2	68,9	-	68,9	21.428.025	1,048	22.448.762	
26	NXH2.17B.1	CH-07	2	28,9	-	28,9	21.428.025	0,970	20.794.465	
27	NXH2.17B.1	CH-08	2	28,8	-	28,8	21.428.025	0,983	21.068.076	
28	NXH2.17B.1	CH-09	2	53,7	-	53,7	21.428.025	0,963	20.626.089	
29	NXH2.17B.1	CH-10	2	53,6	-	53,6	21.428.025	0,961	20.583.995	
30	NXH2.17B.1	CH-11	2	53,6	-	53,6	21.428.025	0,970	20.794.465	
31	NXH2.17B.1	CH-12	2	53,6	-	53,6	21.428.025	0,956	20.478.760	
32	NXH2.17B.1	CH-15	2	56,0	-	56,0	21.428.025	0,961	20.583.995	
33	NXH2.17B.1	CH-16	2	61,2	-	61,2	21.428.025	1,007	21.575.310	
34	NXH2.17B.1	CH-17	2	61,3	-	61,3	21.428.025	1,017	21.794.199	
35	NXH2.17B.1	CH-18	2	32,5	-	32,5	21.428.025	0,990	21.215.406	
36	NXH2.17B.1	CH-19	2	53,6	-	53,6	21.428.025	0,969	20.773.419	
37	NXH2.17B.1	CH-20	2	53,6	-	53,6	21.428.025	0,977	20.941.795	
38	NXH2.17B.1	CH-01	3	55,2	-	55,2	21.428.025	0,967	20.731.324	
39	NXH2.17B.1	CH-02	3	53,6	-	53,6	21.428.025	0,972	20.836.559	
40	NXH2.17B.1	CH-03	3	53,6	-	53,6	21.428.025	0,967	20.731.324	
41	NXH2.17B.1	CH-04	3	32,4	-	32,4	21.428.025	0,972	20.836.559	
42	NXH2.17B.1	CH-05	3	68,8	-	68,8	21.428.025	1,043	22.351.945	
43	NXH2.17B.1	CH-06	3	68,9	-	68,9	21.428.025	1,053	22.553.997	
44	NXH2.17B.1	CH-07	3	28,9	-	28,9	21.428.025	0,975	20.899.700	
45	NXH2.17B.1	CH-08	3	28,8	-	28,8	21.428.025	0,988	21.173.312	
46	NXH2.17B.1	CH-09	3	53,7	-	53,7	21.428.025	0,967	20.731.324	
47	NXH2.17B.1	CH-10	3	53,6	-	53,6	21.428.025	0,966	20.689.230	
48	NXH2.17B.1	CH-11	3	53,6	-	53,6	21.428.025	0,975	20.899.700	
49	NXH2.17B.1	CH-12	3	53,6	-	53,6	21.428.025	0,961	20.583.995	

STT	Tên	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2) Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)	Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số KI	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
50	NXH2.17B.1	CH-13	3	53,6	-	53,6	21.428.025	0,956	20.478.760
51	NXH2.17B.1	CH-14	3	53,6	-	53,6	21.428.025	0,946	20.268.289
52	NXH2.17B.1	CH-15	3	56,0	-	56,0	21.428.025	0,966	20.689.230
53	NXH2.17B.1	CH-16	3	61,2	-	61,2	21.428.025	1,012	21.680.545
54	NXH2.17B.1	CH-17	3	61,3	-	61,3	21.428.025	1,022	21.899.435
55	NXH2.17B.1	CH-18	3	32,5	-	32,5	21.428.025	0,995	21.320.641
56	NXH2.17B.1	CH-19	3	53,6	-	53,6	21.428.025	0,974	20.878.653
57	NXH2.17B.1	CH-20	3	53,6	-	53,6	21.428.025	0,982	21.047.030
58	NXH2.17B.1	CH-01	4	55,2	-	55,2	21.428.025	0,958	20.520.853
59	NXH2.17B.1	CH-02	4	53,6	-	53,6	21.428.025	0,963	20.626.089
60	NXH2.17B.1	CH-03	4	53,6	-	53,6	21.428.025	0,958	20.520.853
61	NXH2.17B.1	CH-04	4	32,4	-	32,4	21.428.025	0,963	20.626.089
62	NXH2.17B.1	CH-05	4	68,8	-	68,8	21.428.025	1,033	22.141.475
63	NXH2.17B.1	CH-06	4	68,9	-	68,9	21.428.025	1,043	22.343.527
64	NXH2.17B.1	CH-07	4	28,9	-	28,9	21.428.025	0,966	20.689.230
65	NXH2.17B.1	CH-08	4	28,8	-	28,8	21.428.025	0,978	20.952.841
66	NXH2.17B.1	CH-09	4	53,7	-	53,7	21.428.025	0,958	20.520.853
67	NXH2.17B.1	CH-10	4	53,6	-	53,6	21.428.025	0,956	20.478.760
68	NXH2.17B.1	CH-11	4	53,6	-	53,6	21.428.025	0,966	20.689.230
69	NXH2.17B.1	CH-12	4	53,6	-	53,6	21.428.025	0,951	20.373.525
70	NXH2.17B.1	CH-13	4	53,6	-	53,6	21.428.025	0,946	20.268.289
71	NXH2.17B.1	CH-14	4	53,6	-	53,6	21.428.025	0,936	20.057.819
72	NXH2.17B.1	CH-15	4	56,0	-	56,0	21.428.025	0,956	20.478.760
73	NXH2.17B.1	CH-16	4	61,2	-	61,2	21.428.025	1,002	21.470.075
74	NXH2.17B.1	CH-17	4	61,3	-	61,3	21.428.025	1,012	21.688.964
75	NXH2.17B.1	CH-18	4	32,5	-	32,5	21.428.025	0,985	21.110.171
76	NXH2.17B.1	CH-19	4	53,6	-	53,6	21.428.025	0,965	20.668.183
77	NXH2.17B.1	CH-20	4	53,6	-	53,6	21.428.025	0,972	20.836.559
78	NXH2.17B.1	CH-01	5	55,2	-	55,2	21.428.025	0,977	20.941.795
79	NXH2.17B.1	CH-02	5	53,6	-	53,6	21.428.025	0,982	21.047.030
80	NXH2.17B.1	CH-03	5	53,6	-	53,6	21.428.025	0,977	20.941.795
81	NXH2.17B.1	CH-04	5	32,4	-	32,4	21.428.025	0,982	21.047.030
82	NXH2.17B.1	CH-05	5	68,8	-	68,8	21.428.025	1,053	22.562.416
83	NXH2.17B.1	CH-06	5	68,9	-	68,9	21.428.025	1,062	22.764.467
84	NXH2.17B.1	CH-07	5	28,9	-	28,9	21.428.025	0,985	21.110.171
85	NXH2.17B.1	CH-08	5	28,8	-	28,8	21.428.025	0,998	21.383.782
86	NXH2.17B.1	CH-09	5	53,7	-	53,7	21.428.025	0,977	20.941.795
87	NXH2.17B.1	CH-10	5	53,6	-	53,6	21.428.025	0,975	20.899.700
88	NXH2.17B.1	CH-11	5	53,6	-	53,6	21.428.025	0,985	21.110.171
89	NXH2.17B.1	CH-12	5	53,6	-	53,6	21.428.025	0,970	20.794.465
90	NXH2.17B.1	CH-13	5	53,6	-	53,6	21.428.025	0,966	20.689.230
91	NXH2.17B.1	CH-14	5	53,6	-	53,6	21.428.025	0,956	20.478.760
92	NXH2.17B.1	CH-15	5	56,0	-	56,0	21.428.025	0,975	20.899.700
93	NXH2.17B.1	CH-16	5	61,2	-	61,2	21.428.025	1,022	21.891.016
94	NXH2.17B.1	CH-17	5	61,3	-	61,3	21.428.025	1,032	22.109.904
95	NXH2.17B.1	CH-18	5	32,5	-	32,5	21.428.025	1,005	21.531.111
96	NXH2.17B.1	CH-19	5	53,6	-	53,6	21.428.025	0,984	21.089.124
97	NXH2.17B.1	CH-20	5	53,6	-	53,6	21.428.025	0,992	21.257.500
98	NXH2.17B.1	CH-01	6	55,2	-	55,2	21.428.025	0,987	21.152.264
99	NXH2.17B.1	CH-02	6	53,6	-	53,6	21.428.025	0,992	21.257.500
100	NXH2.17B.1	CH-03	6	53,6	-	53,6	21.428.025	0,987	21.152.264
101	NXH2.17B.1	CH-04	6	32,4	-	32,4	21.428.025	0,992	21.257.500
102	NXH2.17B.1	CH-05	6	68,8	-	68,8	21.428.025	1,063	22.772.885
103	NXH2.17B.1	CH-06	6	68,9	-	68,9	21.428.025	1,067	22.869.702
104	NXH2.17B.1	CH-07	6	28,9	-	28,9	21.428.025	0,990	21.215.406
105	NXH2.17B.1	CH-08	6	28,8	-	28,8	21.428.025	1,003	21.489.018
106	NXH2.17B.1	CH-09	6	53,7	-	53,7	21.428.025	0,982	21.047.030
107	NXH2.17B.1	CH-10	6	53,6	-	53,6	21.428.025	0,980	21.004.935
108	NXH2.17B.1	CH-11	6	53,6	-	53,6	21.428.025	0,990	21.215.406
109	NXH2.17B.1	CH-12	6	53,6	-	53,6	21.428.025	0,975	20.899.700
110	NXH2.17B.1	CH-13	6	53,6	-	53,6	21.428.025	0,970	20.794.465
111	NXH2.17B.1	CH-14	6	53,6	-	53,6	21.428.025	0,961	20.583.995
112	NXH2.17B.1	CH-15	6	56,0	-	56,0	21.428.025	0,980	21.004.935
113	NXH2.17B.1	CH-16	6	61,2	-	61,2	21.428.025	1,027	21.996.250
114	NXH2.17B.1	CH-17	6	61,3	-	61,3	21.428.025	1,037	22.215.140
115	NXH2.17B.1	CH-18	6	32,5	-	32,5	21.428.025	1,015	21.741.582
116	NXH2.17B.1	CH-19	6	53,6	-	53,6	21.428.025	0,994	21.299.594
117	NXH2.17B.1	CH-20	6	53,6	-	53,6	21.428.025	1,002	21.467.970
118	NXH2.17B.1	CH-01	7	55,2	-	55,2	21.428.025	0,967	20.731.324
119	NXH2.17B.1	CH-02	7	53,6	-	53,6	21.428.025	0,972	20.836.559
120	NXH2.17B.1	CH-03	7	53,6	-	53,6	21.428.025	0,967	20.731.324
121	NXH2.17B.1	CH-04	7	32,4	-	32,4	21.428.025	0,972	20.836.559
122	NXH2.17B.1	CH-05	7	68,8	-	68,8	21.428.025	1,043	22.351.945
123	NXH2.17B.1	CH-06	7	68,9	-	68,9	21.428.025	1,048	22.448.762
124	NXH2.17B.1	CH-07	7	28,9	-	28,9	21.428.025	0,970	20.794.465
125	NXH2.17B.1	CH-08	7	28,8	-	28,8	21.428.025	0,983	21.068.076
126	NXH2.17B.1	CH-09	7	53,7	-	53,7	21.428.025	0,963	20.626.089
127	NXH2.17B.1	CH-10	7	53,6	-	53,6	21.428.025	0,961	20.583.995
128	NXH2.17B.1	CH-11	7	53,6	-	53,6	21.428.025	0,970	20.794.465
129	NXH2.17B.1	CH-12	7	53,6	-	53,6	21.428.025	0,956	20.478.760

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số KI	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
				Diện tích bán	Diện tích cho thuê				
130	NXH2.17B.1	CH-13	7	53,6	-	53,6	21.428.025	0,951	20.373.525
131	NXH2.17B.1	CH-14	7	53,6	-	53,6	21.428.025	0,941	20.163.054
132	NXH2.17B.1	CH-15	7	56,0	-	56,0	21.428.025	0,961	20.583.995
133	NXH2.17B.1	CH-16	7	61,2	-	61,2	21.428.025	1,007	21.575.310
134	NXH2.17B.1	CH-17	7	61,3	-	61,3	21.428.025	1,017	21.794.199
135	NXH2.17B.1	CH-18	7	32,5	-	32,5	21.428.025	0,995	21.320.641
136	NXH2.17B.1	CH-19	7	53,6	-	53,6	21.428.025	0,974	20.878.653
137	NXH2.17B.1	CH-20	7	53,6	-	53,6	21.428.025	0,982	21.047.030

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số KI	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)	
NXH2.17B.2				137	7.184,2	-	7.184,2	21.204.396	1,000	21.204.396
1	NXH2.17B.2	CH-01	1	69,4	-	69,4	21.204.396	1,062	22.517.435	
2	NXH2.17B.2	CH-02	1	67,4	-	67,4	21.204.396	1,052	22.308.553	
3	NXH2.17B.2	CH-03	1	67,2	-	67,2	21.204.396	1,047	22.204.112	
4	NXH2.17B.2	CH-04	1	67,4	-	67,4	21.204.396	1,032	21.890.790	
5	NXH2.17B.2	CH-05	1	54,0	-	54,0	21.204.396	1,146	24.305.461	
6	NXH2.17B.2	CH-06	1	70,0	-	70,0	21.204.396	1,138	24.125.822	
7	NXH2.17B.2	CH-07	1	29,3	-	29,3	21.204.396	1,054	22.350.329	
8	NXH2.17B.2	CH-08	1	37,1	-	37,1	21.204.396	1,067	22.621.876	
9	NXH2.17B.2	CH-09	1	54,8	-	54,8	21.204.396	1,046	22.183.224	
10	NXH2.17B.2	CH-10	1	54,8	-	54,8	21.204.396	1,044	22.141.448	
11	NXH2.17B.2	CH-11	1	54,7	-	54,7	21.204.396	1,044	22.141.448	
12	NXH2.17B.2	CH-12	1	69,2	-	69,2	21.204.396	1,029	21.828.125	
13	NXH2.17B.2	CH-13	1	47,4	-	47,4	21.204.396	1,024	21.723.685	
14	NXH2.17B.2	CH-14	1	64,7	-	64,7	21.204.396	1,024	21.723.685	
15	NXH2.17B.2	CH-15	1	62,3	-	62,3	21.204.396	1,079	22.882.977	
16	NXH2.17B.2	CH-16	1	67,3	-	67,3	21.204.396	1,094	23.187.945	
17	NXH2.17B.2	CH-17	1	46,1	-	46,1	21.204.396	1,067	22.621.876	
18	NXH2.17B.2	CH-18	1	67,3	-	67,3	21.204.396	1,055	22.371.218	
19	NXH2.17B.2	CH-19	1	60,4	-	60,4	21.204.396	1,064	22.559.211	
20	NXH2.17B.2	CH-01	2	55,2	-	55,2	21.204.396	0,949	20.115.296	
21	NXH2.17B.2	CH-02	2	53,6	-	53,6	21.204.396	0,954	20.219.737	
22	NXH2.17B.2	CH-03	2	53,6	-	53,6	21.204.396	0,949	20.115.296	
23	NXH2.17B.2	CH-04	2	32,4	-	32,4	21.204.396	0,954	20.219.737	
24	NXH2.17B.2	CH-05	2	68,8	-	68,8	21.204.396	1,033	21.903.323	
25	NXH2.17B.2	CH-06	2	68,9	-	68,9	21.204.396	1,059	22.454.770	
26	NXH2.17B.2	CH-07	2	28,9	-	28,9	21.204.396	0,985	20.888.158	
27	NXH2.17B.2	CH-08	2	28,8	-	28,8	21.204.396	0,998	21.159.704	
28	NXH2.17B.2	CH-09	2	53,7	-	53,7	21.204.396	0,977	20.721.053	
29	NXH2.17B.2	CH-10	2	53,6	-	53,6	21.204.396	0,975	20.679.277	
30	NXH2.17B.2	CH-11	2	53,6	-	53,6	21.204.396	0,985	20.888.158	
31	NXH2.17B.2	CH-12	2	53,6	-	53,6	21.204.396	0,970	20.574.836	
32	NXH2.17B.2	CH-15	2	56,0	-	56,0	21.204.396	0,975	20.679.277	
33	NXH2.17B.2	CH-16	2	61,2	-	61,2	21.204.396	1,018	21.587.911	
34	NXH2.17B.2	CH-17	2	61,3	-	61,3	21.204.396	1,002	21.245.345	
35	NXH2.17B.2	CH-18	2	32,5	-	32,5	21.204.396	0,976	20.700.165	
36	NXH2.17B.2	CH-19	2	53,6	-	53,6	21.204.396	0,956	20.261.513	
37	NXH2.17B.2	CH-20	2	53,6	-	53,6	21.204.396	0,963	20.428.619	
38	NXH2.17B.2	CH-01	3	55,2	-	55,2	21.204.396	0,954	20.219.737	
39	NXH2.17B.2	CH-02	3	53,6	-	53,6	21.204.396	0,958	20.324.178	
40	NXH2.17B.2	CH-03	3	53,6	-	53,6	21.204.396	0,954	20.219.737	
41	NXH2.17B.2	CH-04	3	32,4	-	32,4	21.204.396	0,958	20.324.178	
42	NXH2.17B.2	CH-05	3	68,8	-	68,8	21.204.396	1,038	22.007.764	
43	NXH2.17B.2	CH-06	3	68,9	-	68,9	21.204.396	1,064	22.559.211	
44	NXH2.17B.2	CH-07	3	28,9	-	28,9	21.204.396	0,990	20.992.599	
45	NXH2.17B.2	CH-08	3	28,8	-	28,8	21.204.396	1,003	21.264.145	
46	NXH2.17B.2	CH-09	3	53,7	-	53,7	21.204.396	0,982	20.825.494	
47	NXH2.17B.2	CH-10	3	53,6	-	53,6	21.204.396	0,980	20.783.717	
48	NXH2.17B.2	CH-11	3	53,6	-	53,6	21.204.396	0,990	20.992.599	
49	NXH2.17B.2	CH-12	3	53,6	-	53,6	21.204.396	0,975	20.679.277	
50	NXH2.17B.2	CH-13	3	53,6	-	53,6	21.204.396	0,970	20.574.836	
51	NXH2.17B.2	CH-14	3	53,6	-	53,6	21.204.396	0,960	20.365.954	
52	NXH2.17B.2	CH-15	3	56,0	-	56,0	21.204.396	0,980	20.783.717	
53	NXH2.17B.2	CH-16	3	61,2	-	61,2	21.204.396	1,023	21.692.352	
54	NXH2.17B.2	CH-17	3	61,3	-	61,3	21.204.396	1,007	21.349.786	
55	NXH2.17B.2	CH-18	3	32,5	-	32,5	21.204.396	0,981	20.804.606	
56	NXH2.17B.2	CH-19	3	53,6	-	53,6	21.204.396	0,960	20.365.954	
57	NXH2.17B.2	CH-20	3	53,6	-	53,6	21.204.396	0,968	20.533.059	
58	NXH2.17B.2	CH-01	4	55,2	-	55,2	21.204.396	0,944	20.010.855	
59	NXH2.17B.2	CH-02	4	53,6	-	53,6	21.204.396	0,949	20.115.296	
60	NXH2.17B.2	CH-03	4	53,6	-	53,6	21.204.396	0,944	20.010.855	
61	NXH2.17B.2	CH-04	4	32,4	-	32,4	21.204.396	0,949	20.115.296	
62	NXH2.17B.2	CH-05	4	68,8	-	68,8	21.204.396	1,028	21.798.882	
63	NXH2.17B.2	CH-06	4	68,9	-	68,9	21.204.396	1,054	22.350.329	
64	NXH2.17B.2	CH-07	4	28,9	-	28,9	21.204.396	0,980	20.783.717	
65	NXH2.17B.2	CH-08	4	28,8	-	28,8	21.204.396	0,993	21.055.263	
66	NXH2.17B.2	CH-09	4	53,7	-	53,7	21.204.396	0,972	20.616.611	

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số KI	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
				Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)	(m2)			
67	NXH2.17B.2	CH-10	4	53,6	-	53,6	21.204.396	0,970	20.574.836
68	NXH2.17B.2	CH-11	4	53,6	-	53,6	21.204.396	0,980	20.783.717
69	NXH2.17B.2	CH-12	4	53,6	-	53,6	21.204.396	0,965	20.470.395
70	NXH2.17B.2	CH-13	4	53,6	-	53,6	21.204.396	0,960	20.365.954
71	NXH2.17B.2	CH-14	4	53,6	-	53,6	21.204.396	0,951	20.157.072
72	NXH2.17B.2	CH-15	4	56,0	-	56,0	21.204.396	0,970	20.574.836
73	NXH2.17B.2	CH-16	4	61,2	-	61,2	21.204.396	1,013	21.483.470
74	NXH2.17B.2	CH-17	4	61,3	-	61,3	21.204.396	0,997	21.140.905
75	NXH2.17B.2	CH-18	4	32,5	-	32,5	21.204.396	0,971	20.595.724
76	NXH2.17B.2	CH-19	4	53,6	-	53,6	21.204.396	0,951	20.157.072
77	NXH2.17B.2	CH-20	4	53,6	-	53,6	21.204.396	0,958	20.324.178
78	NXH2.17B.2	CH-01	5	55,2	-	55,2	21.204.396	0,963	20.428.619
79	NXH2.17B.2	CH-02	5	53,6	-	53,6	21.204.396	0,968	20.533.059
80	NXH2.17B.2	CH-03	5	53,6	-	53,6	21.204.396	0,963	20.428.619
81	NXH2.17B.2	CH-04	5	32,4	-	32,4	21.204.396	0,968	20.533.059
82	NXH2.17B.2	CH-05	5	68,8	-	68,8	21.204.396	1,048	22.216.645
83	NXH2.17B.2	CH-06	5	68,9	-	68,9	21.204.396	1,074	22.768.093
84	NXH2.17B.2	CH-07	5	28,9	-	28,9	21.204.396	1,000	21.201.481
85	NXH2.17B.2	CH-08	5	28,8	-	28,8	21.204.396	1,013	21.473.027
86	NXH2.17B.2	CH-09	5	53,7	-	53,7	21.204.396	0,992	21.034.375
87	NXH2.17B.2	CH-10	5	53,6	-	53,6	21.204.396	0,990	20.992.599
88	NXH2.17B.2	CH-11	5	53,6	-	53,6	21.204.396	1,000	21.201.481
89	NXH2.17B.2	CH-12	5	53,6	-	53,6	21.204.396	0,985	20.888.158
90	NXH2.17B.2	CH-13	5	53,6	-	53,6	21.204.396	0,980	20.783.717
91	NXH2.17B.2	CH-14	5	53,6	-	53,6	21.204.396	0,970	20.574.836
92	NXH2.17B.2	CH-15	5	56,0	-	56,0	21.204.396	0,990	20.992.599
93	NXH2.17B.2	CH-16	5	61,2	-	61,2	21.204.396	1,033	21.901.234
94	NXH2.17B.2	CH-17	5	61,3	-	61,3	21.204.396	1,017	21.558.668
95	NXH2.17B.2	CH-18	5	32,5	-	32,5	21.204.396	0,991	21.013.487
96	NXH2.17B.2	CH-19	5	53,6	-	53,6	21.204.396	0,970	20.574.836
97	NXH2.17B.2	CH-20	5	53,6	-	53,6	21.204.396	0,978	20.741.941
98	NXH2.17B.2	CH-01	6	55,2	-	55,2	21.204.396	0,968	20.533.059
99	NXH2.17B.2	CH-02	6	53,6	-	53,6	21.204.396	0,973	20.637.500
100	NXH2.17B.2	CH-03	6	53,6	-	53,6	21.204.396	0,968	20.533.059
101	NXH2.17B.2	CH-04	6	32,4	-	32,4	21.204.396	0,973	20.637.500
102	NXH2.17B.2	CH-05	6	68,8	-	68,8	21.204.396	1,058	22.425.527
103	NXH2.17B.2	CH-06	6	68,9	-	68,9	21.204.396	1,079	22.872.534
104	NXH2.17B.2	CH-07	6	28,9	-	28,9	21.204.396	1,005	21.305.921
105	NXH2.17B.2	CH-08	6	28,8	-	28,8	21.204.396	1,018	21.577.468
106	NXH2.17B.2	CH-09	6	53,7	-	53,7	21.204.396	0,997	21.138.816
107	NXH2.17B.2	CH-10	6	53,6	-	53,6	21.204.396	0,995	21.097.040
108	NXH2.17B.2	CH-11	6	53,6	-	53,6	21.204.396	1,005	21.305.921
109	NXH2.17B.2	CH-12	6	53,6	-	53,6	21.204.396	0,990	20.992.599
110	NXH2.17B.2	CH-13	6	53,6	-	53,6	21.204.396	0,985	20.888.158
111	NXH2.17B.2	CH-14	6	53,6	-	53,6	21.204.396	0,975	20.679.277
112	NXH2.17B.2	CH-15	6	56,0	-	56,0	21.204.396	0,995	21.097.040
113	NXH2.17B.2	CH-16	6	61,2	-	61,2	21.204.396	1,038	22.005.674
114	NXH2.17B.2	CH-17	6	61,3	-	61,3	21.204.396	1,022	21.663.109
115	NXH2.17B.2	CH-18	6	32,5	-	32,5	21.204.396	0,996	21.117.928
116	NXH2.17B.2	CH-19	6	53,6	-	53,6	21.204.396	0,975	20.679.277
117	NXH2.17B.2	CH-20	6	53,6	-	53,6	21.204.396	0,983	20.846.382
118	NXH2.17B.2	CH-01	7	55,2	-	55,2	21.204.396	0,949	20.115.296
119	NXH2.17B.2	CH-02	7	53,6	-	53,6	21.204.396	0,954	20.219.737
120	NXH2.17B.2	CH-03	7	53,6	-	53,6	21.204.396	0,949	20.115.296
121	NXH2.17B.2	CH-04	7	32,4	-	32,4	21.204.396	0,954	20.219.737
122	NXH2.17B.2	CH-05	7	68,8	-	68,8	21.204.396	1,038	22.007.764
123	NXH2.17B.2	CH-06	7	68,9	-	68,9	21.204.396	1,059	22.454.770
124	NXH2.17B.2	CH-07	7	28,9	-	28,9	21.204.396	0,985	20.888.158
125	NXH2.17B.2	CH-08	7	28,8	-	28,8	21.204.396	0,998	21.159.704
126	NXH2.17B.2	CH-09	7	53,7	-	53,7	21.204.396	0,977	20.721.053
127	NXH2.17B.2	CH-10	7	53,6	-	53,6	21.204.396	0,975	20.679.277
128	NXH2.17B.2	CH-11	7	53,6	-	53,6	21.204.396	0,985	20.888.158
129	NXH2.17B.2	CH-12	7	53,6	-	53,6	21.204.396	0,970	20.574.836
130	NXH2.17B.2	CH-13	7	53,6	-	53,6	21.204.396	0,965	20.470.395
131	NXH2.17B.2	CH-14	7	53,6	-	53,6	21.204.396	0,956	20.261.513
132	NXH2.17B.2	CH-15	7	56,0	-	56,0	21.204.396	0,975	20.679.277
133	NXH2.17B.2	CH-16	7	61,2	-	61,2	21.204.396	1,018	21.587.911
134	NXH2.17B.2	CH-17	7	61,3	-	61,3	21.204.396	1,002	21.245.345
135	NXH2.17B.2	CH-18	7	32,5	-	32,5	21.204.396	0,976	20.700.165
136	NXH2.17B.2	CH-19	7	53,6	-	53,6	21.204.396	0,956	20.261.513
137	NXH2.17B.2	CH-20	7	53,6	-	53,6	21.204.396	0,963	20.428.619

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số KI	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
				Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)	(m2)			
	NXH2.17B.3		137	7.263,0	-	7.263,0	22.790.489	1,000	22.790.489
1	NXH2.17B.3	CH-01	1	69,4	-	69,4	22.790.489	1,072	24.429.808
2	NXH2.17B.3	CH-02	1	67,4	-	67,4	22.790.489	1,062	24.205.682
3	NXH2.17B.3	CH-03	1	67,2	-	67,2	22.790.489	1,057	24.093.618
4	NXH2.17B.3	CH-04	1	68,5	-	68,5	22.790.489	1,042	23.757.428

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2) Diện tích bán	Diện tích cho thuê (m2)	Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số K1	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
5	NXH2.17B.3	CH-05	1	54,0	-	54,0	22.790.489	1,153	26.267.647
6	NXH2.17B.3	CH-06	1	70,0	-	70,0	22.790.489	1,128	25.698.365
7	NXH2.17B.3	CH-07	1	30,9	-	30,9	22.790.489	1,040	23.712.603
8	NXH2.17B.3	CH-08	1	39,5	-	39,5	22.790.489	1,053	24.003.967
9	NXH2.17B.3	CH-09	1	54,8	-	54,8	22.790.489	1,033	23.533.301
10	NXH2.17B.3	CH-10	1	54,7	-	54,7	22.790.489	1,031	23.488.476
11	NXH2.17B.3	CH-11	1	54,7	-	54,7	22.790.489	1,031	23.488.476
12	NXH2.17B.3	CH-12	1	69,2	-	69,2	22.790.489	1,031	23.488.476
13	NXH2.17B.3	CH-13	1	47,4	-	47,4	22.790.489	1,026	23.376.413
14	NXH2.17B.3	CH-14	1	68,7	-	68,7	22.790.489	1,011	23.040.223
15	NXH2.17B.3	CH-15	1	62,3	-	62,3	22.790.489	1,069	24.364.811
16	NXH2.17B.3	CH-16	1	67,3	-	67,3	22.790.489	1,100	25.068.569
17	NXH2.17B.3	CH-17	1	47,3	-	47,3	22.790.489	1,077	24.541.871
18	NXH2.17B.3	CH-18	1	67,3	-	67,3	22.790.489	1,065	24.272.919
19	NXH2.17B.3	CH-19	1	60,4	-	60,4	22.790.489	1,074	24.474.634
20	NXH2.17B.3	CH-01	2	55,2	-	55,2	22.790.489	0,964	21.964.414
21	NXH2.17B.3	CH-02	2	53,6	-	53,6	22.790.489	0,964	21.964.414
22	NXH2.17B.3	CH-03	2	53,6	-	53,6	22.790.489	0,959	21.852.351
23	NXH2.17B.3	CH-04	2	33,4	-	33,4	22.790.489	0,959	21.852.351
24	NXH2.17B.3	CH-05	2	68,8	-	68,8	22.790.489	1,084	24.698.760
25	NXH2.17B.3	CH-06	2	68,9	-	68,9	22.790.489	1,088	24.801.859
26	NXH2.17B.3	CH-07	2	30,5	-	30,5	22.790.489	0,972	22.143.716
27	NXH2.17B.3	CH-08	2	30,4	-	30,4	22.790.489	0,984	22.435.080
28	NXH2.17B.3	CH-09	2	53,7	-	53,7	22.790.489	0,964	21.964.414
29	NXH2.17B.3	CH-10	2	53,6	-	53,6	22.790.489	0,962	21.919.589
30	NXH2.17B.3	CH-11	2	53,6	-	53,6	22.790.489	0,962	21.919.589
31	NXH2.17B.3	CH-12	2	53,6	-	53,6	22.790.489	0,957	21.807.526
32	NXH2.17B.3	CH-15	2	59,2	-	59,2	22.790.489	0,962	21.919.589
33	NXH2.17B.3	CH-16	2	61,3	-	61,3	22.790.489	1,003	22.863.163
34	NXH2.17B.3	CH-17	2	61,3	-	61,3	22.790.489	0,994	22.648.001
35	NXH2.17B.3	CH-18	2	33,6	-	33,6	22.790.489	0,981	22.367.843
36	NXH2.17B.3	CH-19	2	53,6	-	53,6	22.790.489	0,966	22.009.240
37	NXH2.17B.3	CH-20	2	53,6	-	53,6	22.790.489	0,964	21.964.414
38	NXH2.17B.3	CH-01	3	55,2	-	55,2	22.790.489	0,969	22.076.478
39	NXH2.17B.3	CH-02	3	53,6	-	53,6	22.790.489	0,969	22.076.478
40	NXH2.17B.3	CH-03	3	55,3	-	55,3	22.790.489	0,964	21.964.414
41	NXH2.17B.3	CH-04	3	33,4	-	33,4	22.790.489	0,964	21.964.414
42	NXH2.17B.3	CH-05	3	68,8	-	68,8	22.790.489	1,089	24.810.824
43	NXH2.17B.3	CH-06	3	68,9	-	68,9	22.790.489	1,093	24.913.922
44	NXH2.17B.3	CH-07	3	30,5	-	30,5	22.790.489	0,977	22.255.780
45	NXH2.17B.3	CH-08	3	30,4	-	30,4	22.790.489	0,989	22.547.144
46	NXH2.17B.3	CH-09	3	53,7	-	53,7	22.790.489	0,969	22.076.478
47	NXH2.17B.3	CH-10	3	53,6	-	53,6	22.790.489	0,967	22.031.653
48	NXH2.17B.3	CH-11	3	53,6	-	53,6	22.790.489	0,967	22.031.653
49	NXH2.17B.3	CH-12	3	53,6	-	53,6	22.790.489	0,962	21.919.589
50	NXH2.17B.3	CH-13	3	53,6	-	53,6	22.790.489	0,947	21.583.399
51	NXH2.17B.3	CH-14	3	53,6	-	53,6	22.790.489	0,947	21.583.399
52	NXH2.17B.3	CH-15	3	59,2	-	59,2	22.790.489	0,967	22.031.653
53	NXH2.17B.3	CH-16	3	61,3	-	61,3	22.790.489	1,008	22.975.226
54	NXH2.17B.3	CH-17	3	61,3	-	61,3	22.790.489	0,999	22.760.065
55	NXH2.17B.3	CH-18	3	33,6	-	33,6	22.790.489	0,986	22.479.905
56	NXH2.17B.3	CH-19	3	55,3	-	55,3	22.790.489	0,971	22.121.303
57	NXH2.17B.3	CH-20	3	53,6	-	53,6	22.790.489	0,969	22.076.478
58	NXH2.17B.3	CH-01	4	55,2	-	55,2	22.790.489	0,959	21.852.351
59	NXH2.17B.3	CH-02	4	53,6	-	53,6	22.790.489	0,959	21.852.351
60	NXH2.17B.3	CH-03	4	55,3	-	55,3	22.790.489	0,954	21.740.287
61	NXH2.17B.3	CH-04	4	33,4	-	33,4	22.790.489	0,954	21.740.287
62	NXH2.17B.3	CH-05	4	68,8	-	68,8	22.790.489	1,079	24.586.697
63	NXH2.17B.3	CH-06	4	68,9	-	68,9	22.790.489	1,083	24.689.795
64	NXH2.17B.3	CH-07	4	30,5	-	30,5	22.790.489	0,967	22.031.653
65	NXH2.17B.3	CH-08	4	30,4	-	30,4	22.790.489	0,979	22.323.017
66	NXH2.17B.3	CH-09	4	53,7	-	53,7	22.790.489	0,959	21.852.351
67	NXH2.17B.3	CH-10	4	53,6	-	53,6	22.790.489	0,957	21.807.526
68	NXH2.17B.3	CH-11	4	53,6	-	53,6	22.790.489	0,957	21.807.526
69	NXH2.17B.3	CH-12	4	53,6	-	53,6	22.790.489	0,952	21.695.463
70	NXH2.17B.3	CH-13	4	53,6	-	53,6	22.790.489	0,937	21.359.272
71	NXH2.17B.3	CH-14	4	53,6	-	53,6	22.790.489	0,937	21.359.272
72	NXH2.17B.3	CH-15	4	59,2	-	59,2	22.790.489	0,957	21.807.526
73	NXH2.17B.3	CH-16	4	61,3	-	61,3	22.790.489	0,998	22.751.099
74	NXH2.17B.3	CH-17	4	61,3	-	61,3	22.790.489	0,989	22.535.938
75	NXH2.17B.3	CH-18	4	33,6	-	33,6	22.790.489	0,977	22.255.780
76	NXH2.17B.3	CH-19	4	55,3	-	55,3	22.790.489	0,961	21.897.177
77	NXH2.17B.3	CH-20	4	53,6	-	53,6	22.790.489	0,959	21.852.351
78	NXH2.17B.3	CH-01	5	55,2	-	55,2	22.790.489	0,979	22.300.605
79	NXH2.17B.3	CH-02	5	53,6	-	53,6	22.790.489	0,979	22.300.605
80	NXH2.17B.3	CH-03	5	55,3	-	55,3	22.790.489	0,974	22.188.541
81	NXH2.17B.3	CH-04	5	33,4	-	33,4	22.790.489	0,974	22.188.541
82	NXH2.17B.3	CH-05	5	68,8	-	68,8	22.790.489	1,098	25.034.950
83	NXH2.17B.3	CH-06	5	68,9	-	68,9	22.790.489	1,103	25.138.048
84	NXH2.17B.3	CH-07	5	30,5	-	30,5	22.790.489	0,986	22.479.905

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số K1	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
				Diện tích bán	Diện tích cho thuê				
85	NXH2.17B.3	CH-08	5	30,4	-	30,4	22.790.489	0,999	22.771.271
86	NXH2.17B.3	CH-09	5	53,7	-	53,7	22.790.489	0,979	22.300.605
87	NXH2.17B.3	CH-10	5	53,6	-	53,6	22.790.489	0,977	22.255.780
88	NXH2.17B.3	CH-11	5	53,6	-	53,6	22.790.489	0,977	22.255.780
89	NXH2.17B.3	CH-12	5	53,6	-	53,6	22.790.489	0,972	22.143.716
90	NXH2.17B.3	CH-13	5	53,6	-	53,6	22.790.489	0,957	21.807.526
91	NXH2.17B.3	CH-14	5	53,6	-	53,6	22.790.489	0,957	21.807.526
92	NXH2.17B.3	CH-15	5	59,2	-	59,2	22.790.489	0,977	22.255.780
93	NXH2.17B.3	CH-16	5	61,3	-	61,3	22.790.489	1,018	23.199.353
94	NXH2.17B.3	CH-17	5	61,3	-	61,3	22.790.489	1,008	22.984.191
95	NXH2.17B.3	CH-18	5	33,6	-	33,6	22.790.489	0,996	22.704.032
96	NXH2.17B.3	CH-19	5	55,3	-	55,3	22.790.489	0,980	22.345.430
97	NXH2.17B.3	CH-20	5	53,6	-	53,6	22.790.489	0,979	22.300.605
98	NXH2.17B.3	CH-01	6	55,2	-	55,2	22.790.489	0,983	22.412.668
99	NXH2.17B.3	CH-02	6	53,6	-	53,6	22.790.489	0,983	22.412.668
100	NXH2.17B.3	CH-03	6	55,3	-	55,3	22.790.489	0,979	22.300.605
101	NXH2.17B.3	CH-04	6	33,4	-	33,4	22.790.489	0,979	22.300.605
102	NXH2.17B.3	CH-05	6	68,8	-	68,8	22.790.489	1,103	25.147.013
103	NXH2.17B.3	CH-06	6	68,9	-	68,9	22.790.489	1,108	25.250.111
104	NXH2.17B.3	CH-07	6	30,5	-	30,5	22.790.489	0,991	22.591.969
105	NXH2.17B.3	CH-08	6	30,4	-	30,4	22.790.489	1,004	22.883.334
106	NXH2.17B.3	CH-09	6	53,7	-	53,7	22.790.489	0,983	22.412.668
107	NXH2.17B.3	CH-10	6	53,6	-	53,6	22.790.489	0,981	22.367.843
108	NXH2.17B.3	CH-11	6	53,6	-	53,6	22.790.489	0,981	22.367.843
109	NXH2.17B.3	CH-12	6	53,6	-	53,6	22.790.489	0,977	22.255.780
110	NXH2.17B.3	CH-13	6	53,6	-	53,6	22.790.489	0,962	21.919.589
111	NXH2.17B.3	CH-14	6	53,6	-	53,6	22.790.489	0,962	21.919.589
112	NXH2.17B.3	CH-15	6	59,2	-	59,2	22.790.489	0,981	22.367.843
113	NXH2.17B.3	CH-16	6	61,3	-	61,3	22.790.489	1,023	23.311.415
114	NXH2.17B.3	CH-17	6	61,3	-	61,3	22.790.489	1,013	23.096.254
115	NXH2.17B.3	CH-18	6	33,6	-	33,6	22.790.489	1,001	22.816.096
116	NXH2.17B.3	CH-19	6	55,3	-	55,3	22.790.489	0,985	22.457.493
117	NXH2.17B.3	CH-20	6	53,6	-	53,6	22.790.489	0,983	22.412.668
118	NXH2.17B.3	CH-01	7	55,2	-	55,2	22.790.489	0,964	21.964.414
119	NXH2.17B.3	CH-02	7	53,6	-	53,6	22.790.489	0,964	21.964.414
120	NXH2.17B.3	CH-03	7	55,3	-	55,3	22.790.489	0,959	21.852.351
121	NXH2.17B.3	CH-04	7	33,4	-	33,4	22.790.489	0,959	21.852.351
122	NXH2.17B.3	CH-05	7	68,8	-	68,8	22.790.489	1,084	24.698.760
123	NXH2.17B.3	CH-06	7	68,9	-	68,9	22.790.489	1,088	24.801.859
124	NXH2.17B.3	CH-07	7	30,5	-	30,5	22.790.489	0,972	22.143.716
125	NXH2.17B.3	CH-08	7	30,4	-	30,4	22.790.489	0,984	22.435.080
126	NXH2.17B.3	CH-09	7	53,7	-	53,7	22.790.489	0,964	21.964.414
127	NXH2.17B.3	CH-10	7	53,6	-	53,6	22.790.489	0,962	21.919.589
128	NXH2.17B.3	CH-11	7	53,6	-	53,6	22.790.489	0,962	21.919.589
129	NXH2.17B.3	CH-12	7	53,6	-	53,6	22.790.489	0,957	21.807.526
130	NXH2.17B.3	CH-13	7	53,6	-	53,6	22.790.489	0,942	21.471.336
131	NXH2.17B.3	CH-14	7	53,6	-	53,6	22.790.489	0,942	21.471.336
132	NXH2.17B.3	CH-15	7	59,2	-	59,2	22.790.489	0,962	21.919.589
133	NXH2.17B.3	CH-16	7	61,3	-	61,3	22.790.489	1,003	22.863.163
134	NXH2.17B.3	CH-17	7	61,3	-	61,3	22.790.489	0,994	22.648.001
135	NXH2.17B.3	CH-18	7	33,6	-	33,6	22.790.489	0,981	22.367.843
136	NXH2.17B.3	CH-19	7	55,3	-	55,3	22.790.489	0,966	22.009.240
137	NXH2.17B.3	CH-20	7	53,6	-	53,6	22.790.489	0,964	21.964.414

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số K1	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)	
				Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)					
NXH2.17B.4				137	7.263,0	-	7.263,0	23.260.406	1,000	23.260.406
1	NXH2.17B.4	CH-01	1	69,4	-	69,4	23.260.406	1,066	24.797.802	
2	NXH2.17B.4	CH-02	1	67,4	-	67,4	23.260.406	1,057	24.575.996	
3	NXH2.17B.4	CH-03	1	67,2	-	67,2	23.260.406	1,052	24.465.094	
4	NXH2.17B.4	CH-04	1	68,5	-	68,5	23.260.406	1,037	24.132.386	
5	NXH2.17B.4	CH-05	1	54,0	-	54,0	23.260.406	1,110	25.809.232	
6	NXH2.17B.4	CH-06	1	70,0	-	70,0	23.260.406	1,101	25.618.480	
7	NXH2.17B.4	CH-07	1	30,9	-	30,9	23.260.406	1,020	23.733.137	
8	NXH2.17B.4	CH-08	1	39,5	-	39,5	23.260.406	1,033	24.021.484	
9	NXH2.17B.4	CH-09	1	54,8	-	54,8	23.260.406	1,013	23.555.694	
10	NXH2.17B.4	CH-10	1	54,7	-	54,7	23.260.406	1,011	23.511.332	
11	NXH2.17B.4	CH-11	1	54,7	-	54,7	23.260.406	1,011	23.511.332	
12	NXH2.17B.4	CH-12	1	69,2	-	69,2	23.260.406	1,011	23.511.332	
13	NXH2.17B.4	CH-13	1	47,4	-	47,4	23.260.406	1,006	23.400.430	
14	NXH2.17B.4	CH-14	1	68,7	-	68,7	23.260.406	0,992	23.067.723	
15	NXH2.17B.4	CH-15	1	62,3	-	62,3	23.260.406	1,045	24.298.740	
16	NXH2.17B.4	CH-16	1	67,3	-	67,3	23.260.406	1,097	25.509.795	
17	NXH2.17B.4	CH-17	1	47,3	-	47,3	23.260.406	1,071	24.908.704	
18	NXH2.17B.4	CH-18	1	67,3	-	67,3	23.260.406	1,059	24.642.538	
19	NXH2.17B.4	CH-19	1	60,4	-	60,4	23.260.406	1,068	24.842.162	
20	NXH2.17B.4	CH-01	2	55,2	-	55,2	23.260.406	0,999	23.245.166	
21	NXH2.17B.4	CH-02	2	53,6	-	53,6	23.260.406	0,999	23.245.166	

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m ²)		Tổng diện tích (m ²)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m ²)	Hệ số K _i	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m ²)
				Diện tích bán	Diện tích cho thuê				
				(m ²)	(m ²)				
22	NXH2.17B.4	CH-03	2	53,6	-	53,6	23.260.406	0,995	23.134.264
23	NXH2.17B.4	CH-04	2	33,4	-	33,4	23.260.406	0,995	23.134.264
24	NXH2.17B.4	CH-05	2	68,8	-	68,8	23.260.406	1,071	24.922.013
25	NXH2.17B.4	CH-06	2	68,9	-	68,9	23.260.406	1,063	24.731.260
26	NXH2.17B.4	CH-07	2	30,5	-	30,5	23.260.406	0,954	22.180.502
27	NXH2.17B.4	CH-08	2	30,4	-	30,4	23.260.406	0,966	22.468.849
28	NXH2.17B.4	CH-09	2	53,7	-	53,7	23.260.406	0,946	22.003.058
29	NXH2.17B.4	CH-10	2	53,6	-	53,6	23.260.406	0,944	21.958.697
30	NXH2.17B.4	CH-11	2	53,6	-	53,6	23.260.406	0,944	21.958.697
31	NXH2.17B.4	CH-12	2	53,6	-	53,6	23.260.406	0,939	21.847.795
32	NXH2.17B.4	CH-15	2	59,2	-	59,2	23.260.406	0,944	21.958.697
33	NXH2.17B.4	CH-16	2	61,3	-	61,3	23.260.406	0,981	22.812.646
34	NXH2.17B.4	CH-17	2	61,3	-	61,3	23.260.406	1,032	24.001.522
35	NXH2.17B.4	CH-18	2	33,6	-	33,6	23.260.406	1,017	23.644.415
36	NXH2.17B.4	CH-19	2	53,6	-	53,6	23.260.406	1,001	23.289.527
37	NXH2.17B.4	CH-20	2	53,6	-	53,6	23.260.406	0,999	23.245.166
38	NXH2.17B.4	CH-01	3	55,2	-	55,2	23.260.406	1,004	23.356.068
39	NXH2.17B.4	CH-02	3	53,6	-	53,6	23.260.406	1,004	23.356.068
40	NXH2.17B.4	CH-03	3	55,3	-	55,3	23.260.406	0,999	23.245.166
41	NXH2.17B.4	CH-04	3	33,4	-	33,4	23.260.406	0,999	23.245.166
42	NXH2.17B.4	CH-05	3	68,8	-	68,8	23.260.406	1,076	25.032.915
43	NXH2.17B.4	CH-06	3	68,9	-	68,9	23.260.406	1,068	24.842.162
44	NXH2.17B.4	CH-07	3	30,5	-	30,5	23.260.406	0,958	22.291.405
45	NXH2.17B.4	CH-08	3	30,4	-	30,4	23.260.406	0,971	22.579.752
46	NXH2.17B.4	CH-09	3	53,7	-	53,7	23.260.406	0,951	22.113.961
47	NXH2.17B.4	CH-10	3	53,6	-	53,6	23.260.406	0,949	22.069.600
48	NXH2.17B.4	CH-11	3	53,6	-	53,6	23.260.406	0,949	22.069.600
49	NXH2.17B.4	CH-12	3	53,6	-	53,6	23.260.406	0,944	21.958.697
50	NXH2.17B.4	CH-13	3	53,6	-	53,6	23.260.406	0,930	21.625.990
51	NXH2.17B.4	CH-14	3	53,6	-	53,6	23.260.406	0,930	21.625.990
52	NXH2.17B.4	CH-15	3	59,2	-	59,2	23.260.406	0,949	22.069.600
53	NXH2.17B.4	CH-16	3	61,3	-	61,3	23.260.406	0,986	22.923.549
54	NXH2.17B.4	CH-17	3	61,3	-	61,3	23.260.406	1,037	24.112.424
55	NXH2.17B.4	CH-18	3	33,6	-	33,6	23.260.406	1,021	23.755.318
56	NXH2.17B.4	CH-19	3	55,3	-	55,3	23.260.406	1,006	23.400.430
57	NXH2.17B.4	CH-20	3	53,6	-	53,6	23.260.406	1,004	23.356.068
58	NXH2.17B.4	CH-01	4	55,2	-	55,2	23.260.406	0,995	23.134.264
59	NXH2.17B.4	CH-02	4	53,6	-	53,6	23.260.406	0,995	23.134.264
60	NXH2.17B.4	CH-03	4	55,3	-	55,3	23.260.406	0,990	23.023.361
61	NXH2.17B.4	CH-04	4	33,4	-	33,4	23.260.406	0,990	23.023.361
62	NXH2.17B.4	CH-05	4	68,8	-	68,8	23.260.406	1,067	24.811.110
63	NXH2.17B.4	CH-06	4	68,9	-	68,9	23.260.406	1,058	24.620.357
64	NXH2.17B.4	CH-07	4	30,5	-	30,5	23.260.406	0,949	22.069.600
65	NXH2.17B.4	CH-08	4	30,4	-	30,4	23.260.406	0,961	22.357.947
66	NXH2.17B.4	CH-09	4	53,7	-	53,7	23.260.406	0,941	21.892.155
67	NXH2.17B.4	CH-10	4	53,6	-	53,6	23.260.406	0,939	21.847.795
68	NXH2.17B.4	CH-11	4	53,6	-	53,6	23.260.406	0,939	21.847.795
69	NXH2.17B.4	CH-12	4	53,6	-	53,6	23.260.406	0,935	21.736.893
70	NXH2.17B.4	CH-13	4	53,6	-	53,6	23.260.406	0,920	21.404.184
71	NXH2.17B.4	CH-14	4	53,6	-	53,6	23.260.406	0,920	21.404.184
72	NXH2.17B.4	CH-15	4	59,2	-	59,2	23.260.406	0,939	21.847.795
73	NXH2.17B.4	CH-16	4	61,3	-	61,3	23.260.406	0,976	22.701.744
74	NXH2.17B.4	CH-17	4	61,3	-	61,3	23.260.406	1,027	23.890.619
75	NXH2.17B.4	CH-18	4	33,6	-	33,6	23.260.406	1,012	23.533.513
76	NXH2.17B.4	CH-19	4	55,3	-	55,3	23.260.406	0,996	23.178.625
77	NXH2.17B.4	CH-20	4	53,6	-	53,6	23.260.406	0,995	23.134.264
78	NXH2.17B.4	CH-01	5	55,2	-	55,2	23.260.406	1,014	23.577.874
79	NXH2.17B.4	CH-02	5	53,6	-	53,6	23.260.406	1,014	23.577.874
80	NXH2.17B.4	CH-03	5	55,3	-	55,3	23.260.406	1,009	23.466.972
81	NXH2.17B.4	CH-04	5	33,4	-	33,4	23.260.406	1,009	23.466.972
82	NXH2.17B.4	CH-05	5	68,8	-	68,8	23.260.406	1,086	25.254.720
83	NXH2.17B.4	CH-06	5	68,9	-	68,9	23.260.406	1,078	25.063.967
84	NXH2.17B.4	CH-07	5	30,5	-	30,5	23.260.406	0,968	22.513.209
85	NXH2.17B.4	CH-08	5	30,4	-	30,4	23.260.406	0,980	22.801.556
86	NXH2.17B.4	CH-09	5	53,7	-	53,7	23.260.406	0,960	22.335.766
87	NXH2.17B.4	CH-10	5	53,6	-	53,6	23.260.406	0,958	22.291.405
88	NXH2.17B.4	CH-11	5	53,6	-	53,6	23.260.406	0,958	22.291.405
89	NXH2.17B.4	CH-12	5	53,6	-	53,6	23.260.406	0,954	22.180.502
90	NXH2.17B.4	CH-13	5	53,6	-	53,6	23.260.406	0,939	21.847.795
91	NXH2.17B.4	CH-14	5	53,6	-	53,6	23.260.406	0,939	21.847.795
92	NXH2.17B.4	CH-15	5	59,2	-	59,2	23.260.406	0,958	22.291.405
93	NXH2.17B.4	CH-16	5	61,3	-	61,3	23.260.406	0,995	23.145.354
94	NXH2.17B.4	CH-17	5	61,3	-	61,3	23.260.406	1,046	24.334.229
95	NXH2.17B.4	CH-18	5	33,6	-	33,6	23.260.406	1,031	23.977.123
96	NXH2.17B.4	CH-19	5	55,3	-	55,3	23.260.406	1,016	23.622.235
97	NXH2.17B.4	CH-20	5	53,6	-	53,6	23.260.406	1,014	23.577.874
98	NXH2.17B.4	CH-01	6	55,2	-	55,2	23.260.406	1,018	23.688.777
99	NXH2.17B.4	CH-02	6	53,6	-	53,6	23.260.406	1,018	23.688.777
100	NXH2.17B.4	CH-03	6	55,3	-	55,3	23.260.406	1,014	23.577.874
101	NXH2.17B.4	CH-04	6	33,4	-	33,4	23.260.406	1,014	23.577.874

STT	Tôn	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số K1	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
				Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)				
102	NXH2.17B.4	CH-05	6	68,8	-	68,8	23.260.406	1,091	25.365.622
103	NXH2.17B.4	CH-06	6	68,9	-	68,9	23.260.406	1,082	25.174.870
104	NXH2.17B.4	CH-07	6	30,5	-	30,5	23.260.406	0,973	22.624.112
105	NXH2.17B.4	CH-08	6	30,4	-	30,4	23.260.406	0,985	22.912.459
106	NXH2.17B.4	CH-09	6	53,7	-	53,7	23.260.406	0,965	22.446.668
107	NXH2.17B.4	CH-10	6	53,6	-	53,6	23.260.406	0,963	22.402.307
108	NXH2.17B.4	CH-11	6	53,6	-	53,6	23.260.406	0,963	22.402.307
109	NXH2.17B.4	CH-12	6	53,6	-	53,6	23.260.406	0,958	22.291.405
110	NXH2.17B.4	CH-13	6	53,6	-	53,6	23.260.406	0,944	21.958.697
111	NXH2.17B.4	CH-14	6	53,6	-	53,6	23.260.406	0,944	21.958.697
112	NXH2.17B.4	CH-15	6	59,2	-	59,2	23.260.406	0,963	22.402.307
113	NXH2.17B.4	CH-16	6	61,3	-	61,3	23.260.406	1,000	23.256.257
114	NXH2.17B.4	CH-17	6	61,3	-	61,3	23.260.406	1,051	24.445.131
115	NXH2.17B.4	CH-18	6	33,6	-	33,6	23.260.406	1,036	24.088.025
116	NXH2.17B.4	CH-19	6	55,3	-	55,3	23.260.406	1,020	23.733.137
117	NXH2.17B.4	CH-20	6	53,6	-	53,6	23.260.406	1,018	23.688.777
118	NXH2.17B.4	CH-01	7	55,2	-	55,2	23.260.406	0,999	23.245.166
119	NXH2.17B.4	CH-02	7	53,6	-	53,6	23.260.406	0,999	23.245.166
120	NXH2.17B.4	CH-03	7	55,3	-	55,3	23.260.406	0,995	23.134.264
121	NXH2.17B.4	CH-04	7	33,4	-	33,4	23.260.406	0,995	23.134.264
122	NXH2.17B.4	CH-05	7	68,8	-	68,8	23.260.406	1,071	24.922.013
123	NXH2.17B.4	CH-06	7	68,9	-	68,9	23.260.406	1,063	24.731.260
124	NXH2.17B.4	CH-07	7	30,5	-	30,5	23.260.406	0,954	22.180.502
125	NXH2.17B.4	CH-08	7	30,4	-	30,4	23.260.406	0,966	22.468.849
126	NXH2.17B.4	CH-09	7	53,7	-	53,7	23.260.406	0,946	22.003.058
127	NXH2.17B.4	CH-10	7	53,6	-	53,6	23.260.406	0,944	21.958.697
128	NXH2.17B.4	CH-11	7	53,6	-	53,6	23.260.406	0,944	21.958.697
129	NXH2.17B.4	CH-12	7	53,6	-	53,6	23.260.406	0,939	21.847.795
130	NXH2.17B.4	CH-13	7	53,6	-	53,6	23.260.406	0,925	21.515.087
131	NXH2.17B.4	CH-14	7	53,6	-	53,6	23.260.406	0,925	21.515.087
132	NXH2.17B.4	CH-15	7	59,2	-	59,2	23.260.406	0,944	21.958.697
133	NXH2.17B.4	CH-16	7	61,3	-	61,3	23.260.406	0,981	22.812.646
134	NXH2.17B.4	CH-17	7	61,3	-	61,3	23.260.406	1,032	24.001.522
135	NXH2.17B.4	CH-18	7	33,6	-	33,6	23.260.406	1,017	23.644.415
136	NXH2.17B.4	CH-19	7	55,3	-	55,3	23.260.406	1,001	23.289.527
137	NXH2.17B.4	CH-20	7	53,6	-	53,6	23.260.406	0,999	23.245.166

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số K1	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)	
				Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)					
NXH3.17B.1				137	7.184,2	-	7.184,2	21.428.025	1,000	21.428.025
1	NXH3.17B.1	CH-01	1	69,4	-	69,4	21.428.025	1,080	23.141.504	
2	NXH3.17B.1	CH-02	1	67,4	-	67,4	21.428.025	1,070	22.931.127	
3	NXH3.17B.1	CH-03	1	67,2	-	67,2	21.428.025	1,065	22.825.939	
4	NXH3.17B.1	CH-04	1	67,4	-	67,4	21.428.025	1,051	22.510.373	
5	NXH3.17B.1	CH-05	1	54,0	-	54,0	21.428.025	1,125	24.098.722	
6	NXH3.17B.1	CH-06	1	70,0	-	70,0	21.428.025	1,090	23.353.986	
7	NXH3.17B.1	CH-07	1	29,3	-	29,3	21.428.025	1,039	22.257.920	
8	NXH3.17B.1	CH-08	1	37,1	-	37,1	21.428.025	1,051	22.531.411	
9	NXH3.17B.1	CH-09	1	54,8	-	54,8	21.428.025	1,031	22.089.618	
10	NXH3.17B.1	CH-10	1	54,8	-	54,8	21.428.025	1,029	22.047.543	
11	NXH3.17B.1	CH-11	1	54,7	-	54,7	21.428.025	1,029	22.047.543	
12	NXH3.17B.1	CH-12	1	69,2	-	69,2	21.428.025	1,014	21.731.977	
13	NXH3.17B.1	CH-13	1	47,4	-	47,4	21.428.025	1,009	21.626.788	
14	NXH3.17B.1	CH-14	1	64,7	-	64,7	21.428.025	1,009	21.626.788	
15	NXH3.17B.1	CH-15	1	62,3	-	62,3	21.428.025	1,083	23.217.241	
16	NXH3.17B.1	CH-16	1	67,3	-	67,3	21.428.025	1,124	24.088.202	
17	NXH3.17B.1	CH-17	1	46,1	-	46,1	21.428.025	1,085	23.246.694	
18	NXH3.17B.1	CH-18	1	67,3	-	67,3	21.428.025	1,073	22.994.241	
19	NXH3.17B.1	CH-19	1	60,4	-	60,4	21.428.025	1,082	23.183.580	
20	NXH3.17B.1	CH-01	2	55,2	-	55,2	21.428.025	0,957	20.511.788	
21	NXH3.17B.1	CH-02	2	53,6	-	53,6	21.428.025	0,962	20.616.978	
22	NXH3.17B.1	CH-03	2	53,6	-	53,6	21.428.025	0,957	20.511.788	
23	NXH3.17B.1	CH-04	2	32,4	-	32,4	21.428.025	0,962	20.616.978	
24	NXH3.17B.1	CH-05	2	68,8	-	68,8	21.428.025	1,046	22.415.703	
25	NXH3.17B.1	CH-06	2	68,9	-	68,9	21.428.025	1,051	22.512.477	
26	NXH3.17B.1	CH-07	2	28,9	-	28,9	21.428.025	0,970	20.785.279	
27	NXH3.17B.1	CH-08	2	28,8	-	28,8	21.428.025	0,983	21.058.770	
28	NXH3.17B.1	CH-09	2	53,7	-	53,7	21.428.025	0,962	20.616.978	
29	NXH3.17B.1	CH-10	2	53,6	-	53,6	21.428.025	0,960	20.574.902	
30	NXH3.17B.1	CH-11	2	53,6	-	53,6	21.428.025	0,970	20.785.279	
31	NXH3.17B.1	CH-12	2	53,6	-	53,6	21.428.025	0,955	20.469.713	
32	NXH3.17B.1	CH-15	2	56,0	-	56,0	21.428.025	0,960	20.574.902	
33	NXH3.17B.1	CH-16	2	61,2	-	61,2	21.428.025	1,023	21.912.902	
34	NXH3.17B.1	CH-17	2	61,3	-	61,3	21.428.025	1,023	21.921.317	
35	NXH3.17B.1	CH-18	2	32,5	-	32,5	21.428.025	0,985	21.100.844	
36	NXH3.17B.1	CH-19	2	53,6	-	53,6	21.428.025	0,964	20.659.052	
37	NXH3.17B.1	CH-20	2	53,6	-	53,6	21.428.025	0,972	20.827.355	
38	NXH3.17B.1	CH-01	3	55,2	-	55,2	21.428.025	0,962	20.616.978	

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2) Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)	Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số Kí	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
39	NXH3.17B.1	CH-02	3	53,6	-	53,6	21.428.025	0,967	20.722.166
40	NXH3.17B.1	CH-03	3	53,6	-	53,6	21.428.025	0,962	20.616.978
41	NXH3.17B.1	CH-04	3	32,4	-	32,4	21.428.025	0,967	20.722.166
42	NXH3.17B.1	CH-05	3	68,8	-	68,8	21.428.025	1,051	22.520.892
43	NXH3.17B.1	CH-06	3	68,9	-	68,9	21.428.025	1,056	22.617.665
44	NXH3.17B.1	CH-07	3	28,9	-	28,9	21.428.025	0,975	20.890.467
45	NXH3.17B.1	CH-08	3	28,8	-	28,8	21.428.025	0,988	21.163.958
46	NXH3.17B.1	CH-09	3	53,7	-	53,7	21.428.025	0,967	20.722.166
47	NXH3.17B.1	CH-10	3	53,6	-	53,6	21.428.025	0,965	20.680.090
48	NXH3.17B.1	CH-11	3	53,6	-	53,6	21.428.025	0,975	20.890.467
49	NXH3.17B.1	CH-12	3	53,6	-	53,6	21.428.025	0,960	20.574.902
50	NXH3.17B.1	CH-13	3	53,6	-	53,6	21.428.025	0,955	20.469.713
51	NXH3.17B.1	CH-14	3	53,6	-	53,6	21.428.025	0,945	20.259.336
52	NXH3.17B.1	CH-15	3	56,0	-	56,0	21.428.025	0,965	20.680.090
53	NXH3.17B.1	CH-16	3	61,2	-	61,2	21.428.025	1,028	22.018.090
54	NXH3.17B.1	CH-17	3	61,3	-	61,3	21.428.025	1,028	22.026.505
55	NXH3.17B.1	CH-18	3	32,5	-	32,5	21.428.025	0,990	21.206.034
56	NXH3.17B.1	CH-19	3	53,6	-	53,6	21.428.025	0,969	20.764.241
57	NXH3.17B.1	CH-20	3	53,6	-	53,6	21.428.025	0,977	20.932.543
58	NXH3.17B.1	CH-01	4	55,2	-	55,2	21.428.025	0,952	20.406.599
59	NXH3.17B.1	CH-02	4	53,6	-	53,6	21.428.025	0,957	20.511.788
60	NXH3.17B.1	CH-03	4	53,6	-	53,6	21.428.025	0,952	20.406.599
61	NXH3.17B.1	CH-04	4	32,4	-	32,4	21.428.025	0,957	20.511.788
62	NXH3.17B.1	CH-05	4	68,8	-	68,8	21.428.025	1,041	22.310.515
63	NXH3.17B.1	CH-06	4	68,9	-	68,9	21.428.025	1,046	22.407.288
64	NXH3.17B.1	CH-07	4	28,9	-	28,9	21.428.025	0,965	20.680.090
65	NXH3.17B.1	CH-08	4	28,8	-	28,8	21.428.025	0,978	20.953.581
66	NXH3.17B.1	CH-09	4	53,7	-	53,7	21.428.025	0,957	20.511.788
67	NXH3.17B.1	CH-10	4	53,6	-	53,6	21.428.025	0,955	20.469.713
68	NXH3.17B.1	CH-11	4	53,6	-	53,6	21.428.025	0,965	20.680.090
69	NXH3.17B.1	CH-12	4	53,6	-	53,6	21.428.025	0,950	20.364.525
70	NXH3.17B.1	CH-13	4	53,6	-	53,6	21.428.025	0,945	20.259.336
71	NXH3.17B.1	CH-14	4	53,6	-	53,6	21.428.025	0,936	20.048.958
72	NXH3.17B.1	CH-15	4	56,0	-	56,0	21.428.025	0,955	20.469.713
73	NXH3.17B.1	CH-16	4	61,2	-	61,2	21.428.025	1,018	21.807.713
74	NXH3.17B.1	CH-17	4	61,3	-	61,3	21.428.025	1,018	21.816.127
75	NXH3.17B.1	CH-18	4	32,5	-	32,5	21.428.025	0,980	20.995.656
76	NXH3.17B.1	CH-19	4	53,6	-	53,6	21.428.025	0,959	20.553.864
77	NXH3.17B.1	CH-20	4	53,6	-	53,6	21.428.025	0,967	20.722.166
78	NXH3.17B.1	CH-01	5	55,2	-	55,2	21.428.025	0,972	20.827.355
79	NXH3.17B.1	CH-02	5	53,6	-	53,6	21.428.025	0,977	20.932.543
80	NXH3.17B.1	CH-03	5	53,6	-	53,6	21.428.025	0,972	20.827.355
81	NXH3.17B.1	CH-04	5	32,4	-	32,4	21.428.025	0,977	20.932.543
82	NXH3.17B.1	CH-05	5	68,8	-	68,8	21.428.025	1,061	22.731.269
83	NXH3.17B.1	CH-06	5	68,9	-	68,9	21.428.025	1,065	22.828.043
84	NXH3.17B.1	CH-07	5	28,9	-	28,9	21.428.025	0,985	21.100.844
85	NXH3.17B.1	CH-08	5	28,8	-	28,8	21.428.025	0,997	21.374.335
86	NXH3.17B.1	CH-09	5	53,7	-	53,7	21.428.025	0,977	20.932.543
87	NXH3.17B.1	CH-10	5	53,6	-	53,6	21.428.025	0,975	20.890.467
88	NXH3.17B.1	CH-11	5	53,6	-	53,6	21.428.025	0,985	21.100.844
89	NXH3.17B.1	CH-12	5	53,6	-	53,6	21.428.025	0,970	20.785.279
90	NXH3.17B.1	CH-13	5	53,6	-	53,6	21.428.025	0,965	20.680.090
91	NXH3.17B.1	CH-14	5	53,6	-	53,6	21.428.025	0,955	20.469.713
92	NXH3.17B.1	CH-15	5	56,0	-	56,0	21.428.025	0,975	20.890.467
93	NXH3.17B.1	CH-16	5	61,2	-	61,2	21.428.025	1,037	22.228.467
94	NXH3.17B.1	CH-17	5	61,3	-	61,3	21.428.025	1,038	22.236.882
95	NXH3.17B.1	CH-18	5	32,5	-	32,5	21.428.025	0,999	21.416.411
96	NXH3.17B.1	CH-19	5	53,6	-	53,6	21.428.025	0,979	20.974.619
97	NXH3.17B.1	CH-20	5	53,6	-	53,6	21.428.025	0,987	21.142.920
98	NXH3.17B.1	CH-01	6	55,2	-	55,2	21.428.025	0,987	21.142.920
99	NXH3.17B.1	CH-02	6	53,6	-	53,6	21.428.025	0,992	21.248.109
100	NXH3.17B.1	CH-03	6	53,6	-	53,6	21.428.025	0,987	21.142.920
101	NXH3.17B.1	CH-04	6	32,4	-	32,4	21.428.025	0,992	21.248.109
102	NXH3.17B.1	CH-05	6	68,8	-	68,8	21.428.025	1,076	23.046.835
103	NXH3.17B.1	CH-06	6	68,9	-	68,9	21.428.025	1,070	22.933.232
104	NXH3.17B.1	CH-07	6	28,9	-	28,9	21.428.025	0,990	21.206.034
105	NXH3.17B.1	CH-08	6	28,8	-	28,8	21.428.025	1,002	21.479.524
106	NXH3.17B.1	CH-09	6	53,7	-	53,7	21.428.025	0,982	21.037.732
107	NXH3.17B.1	CH-10	6	53,6	-	53,6	21.428.025	0,980	20.995.656
108	NXH3.17B.1	CH-11	6	53,6	-	53,6	21.428.025	0,990	21.206.034
109	NXH3.17B.1	CH-12	6	53,6	-	53,6	21.428.025	0,975	20.890.467
110	NXH3.17B.1	CH-13	6	53,6	-	53,6	21.428.025	0,970	20.785.279
111	NXH3.17B.1	CH-14	6	53,6	-	53,6	21.428.025	0,960	20.574.902
112	NXH3.17B.1	CH-15	6	56,0	-	56,0	21.428.025	0,980	20.995.656
113	NXH3.17B.1	CH-16	6	61,2	-	61,2	21.428.025	1,052	22.544.033
114	NXH3.17B.1	CH-17	6	61,3	-	61,3	21.428.025	1,052	22.552.448
115	NXH3.17B.1	CH-18	6	32,5	-	32,5	21.428.025	1,014	21.731.977
116	NXH3.17B.1	CH-19	6	53,6	-	53,6	21.428.025	0,994	21.290.185
117	NXH3.17B.1	CH-20	6	53,6	-	53,6	21.428.025	1,001	21.458.486
118	NXH3.17B.1	CH-01	7	55,2	-	55,2	21.428.025	0,967	20.722.166

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2) Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)	Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số Kt	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
119	NXH3.17B.1	CH-02	7	53,6	-	53,6	21.428.025	0,972	20.827.355
120	NXH3.17B.1	CH-03	7	53,6	-	53,6	21.428.025	0,967	20.722.166
121	NXH3.17B.1	CH-04	7	32,4	-	32,4	21.428.025	0,972	20.827.355
122	NXH3.17B.1	CH-05	7	68,8	-	68,8	21.428.025	1,056	22.626.080
123	NXH3.17B.1	CH-06	7	68,9	-	68,9	21.428.025	1,051	22.512.477
124	NXH3.17B.1	CH-07	7	28,9	-	28,9	21.428.025	0,970	20.785.279
125	NXH3.17B.1	CH-08	7	28,8	-	28,8	21.428.025	0,983	21.058.770
126	NXH3.17B.1	CH-09	7	53,7	-	53,7	21.428.025	0,962	20.616.978
127	NXH3.17B.1	CH-10	7	53,6	-	53,6	21.428.025	0,960	20.574.902
128	NXH3.17B.1	CH-11	7	53,6	-	53,6	21.428.025	0,970	20.785.279
129	NXH3.17B.1	CH-12	7	53,6	-	53,6	21.428.025	0,955	20.469.713
130	NXH3.17B.1	CH-13	7	53,6	-	53,6	21.428.025	0,950	20.364.525
131	NXH3.17B.1	CH-14	7	53,6	-	53,6	21.428.025	0,941	20.154.147
132	NXH3.17B.1	CH-15	7	56,0	-	56,0	21.428.025	0,960	20.574.902
133	NXH3.17B.1	CH-16	7	61,2	-	61,2	21.428.025	1,032	22.123.279
134	NXH3.17B.1	CH-17	7	61,3	-	61,3	21.428.025	1,033	22.131.694
135	NXH3.17B.1	CH-18	7	32,5	-	32,5	21.428.025	0,995	21.311.222
136	NXH3.17B.1	CH-19	7	53,6	-	53,6	21.428.025	0,974	20.869.429
137	NXH3.17B.1	CH-20	7	53,6	-	53,6	21.428.025	0,982	21.037.732

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2) Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)	Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số Kt	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
NXH3.17B.2				7.184,2	-	7.184,2	21.248.727	1,000	21.248.727
1	NXH3.17B.2	CH-01	1	69,4	-	69,4	21.248.727	1,060	22.524.584
2	NXH3.17B.2	CH-02	1	67,4	-	67,4	21.248.727	1,050	22.315.636
3	NXH3.17B.2	CH-03	1	67,2	-	67,2	21.248.727	1,045	22.211.162
4	NXH3.17B.2	CH-04	1	67,4	-	67,4	21.248.727	1,031	21.897.740
5	NXH3.17B.2	CH-05	1	54,0	-	54,0	21.248.727	1,089	23.132.622
6	NXH3.17B.2	CH-06	1	70,0	-	70,0	21.248.727	1,100	23.370.823
7	NXH3.17B.2	CH-07	1	29,3	-	29,3	21.248.727	1,052	22.357.426
8	NXH3.17B.2	CH-08	1	37,1	-	37,1	21.248.727	1,065	22.629.057
9	NXH3.17B.2	CH-09	1	54,8	-	54,8	21.248.727	1,044	22.190.267
10	NXH3.17B.2	CH-10	1	54,8	-	54,8	21.248.727	1,042	22.148.478
11	NXH3.17B.2	CH-11	1	54,7	-	54,7	21.248.727	1,042	22.148.478
12	NXH3.17B.2	CH-12	1	69,2	-	69,2	21.248.727	1,028	21.835.056
13	NXH3.17B.2	CH-13	1	47,4	-	47,4	21.248.727	1,023	21.730.582
14	NXH3.17B.2	CH-14	1	64,7	-	64,7	21.248.727	1,023	21.730.582
15	NXH3.17B.2	CH-15	1	62,3	-	62,3	21.248.727	1,093	23.235.007
16	NXH3.17B.2	CH-16	1	67,3	-	67,3	21.248.727	1,108	23.540.071
17	NXH3.17B.2	CH-17	1	46,1	-	46,1	21.248.727	1,065	22.629.057
18	NXH3.17B.2	CH-18	1	67,3	-	67,3	21.248.727	1,053	22.378.321
19	NXH3.17B.2	CH-19	1	60,4	-	60,4	21.248.727	1,062	22.566.373
20	NXH3.17B.2	CH-01	2	55,2	-	55,2	21.248.727	0,947	20.121.683
21	NXH3.17B.2	CH-02	2	53,6	-	53,6	21.248.727	0,952	20.226.157
22	NXH3.17B.2	CH-03	2	53,6	-	53,6	21.248.727	0,947	20.121.683
23	NXH3.17B.2	CH-04	2	32,4	-	32,4	21.248.727	0,952	20.226.157
24	NXH3.17B.2	CH-05	2	68,8	-	68,8	21.248.727	1,039	22.087.882
25	NXH3.17B.2	CH-06	2	68,9	-	68,9	21.248.727	1,061	22.535.032
26	NXH3.17B.2	CH-07	2	28,9	-	28,9	21.248.727	0,983	20.894.790
27	NXH3.17B.2	CH-08	2	28,8	-	28,8	21.248.727	0,996	21.166.422
28	NXH3.17B.2	CH-09	2	53,7	-	53,7	21.248.727	0,975	20.727.632
29	NXH3.17B.2	CH-10	2	53,6	-	53,6	21.248.727	0,974	20.685.843
30	NXH3.17B.2	CH-11	2	53,6	-	53,6	21.248.727	0,983	20.894.790
31	NXH3.17B.2	CH-12	2	53,6	-	53,6	21.248.727	0,969	20.581.368
32	NXH3.17B.2	CH-15	2	56,0	-	56,0	21.248.727	0,974	20.685.843
33	NXH3.17B.2	CH-16	2	61,2	-	61,2	21.248.727	1,033	21.939.529
34	NXH3.17B.2	CH-17	2	61,3	-	61,3	21.248.727	1,016	21.596.855
35	NXH3.17B.2	CH-18	2	32,5	-	32,5	21.248.727	0,974	20.706.737
36	NXH3.17B.2	CH-19	2	53,6	-	53,6	21.248.727	0,954	20.267.946
37	NXH3.17B.2	CH-20	2	53,6	-	53,6	21.248.727	0,962	20.435.105
38	NXH3.17B.2	CH-01	3	55,2	-	55,2	21.248.727	0,952	20.226.157
39	NXH3.17B.2	CH-02	3	53,6	-	53,6	21.248.727	0,957	20.330.631
40	NXH3.17B.2	CH-03	3	53,6	-	53,6	21.248.727	0,952	20.226.157
41	NXH3.17B.2	CH-04	3	32,4	-	32,4	21.248.727	0,957	20.330.631
42	NXH3.17B.2	CH-05	3	68,8	-	68,8	21.248.727	1,044	22.192.357
43	NXH3.17B.2	CH-06	3	68,9	-	68,9	21.248.727	1,065	22.639.505
44	NXH3.17B.2	CH-07	3	28,9	-	28,9	21.248.727	0,988	20.999.264
45	NXH3.17B.2	CH-08	3	28,8	-	28,8	21.248.727	1,001	21.270.896
46	NXH3.17B.2	CH-09	3	53,7	-	53,7	21.248.727	0,980	20.832.106
47	NXH3.17B.2	CH-10	3	53,6	-	53,6	21.248.727	0,978	20.790.316
48	NXH3.17B.2	CH-11	3	53,6	-	53,6	21.248.727	0,988	20.999.264
49	NXH3.17B.2	CH-12	3	53,6	-	53,6	21.248.727	0,974	20.685.843
50	NXH3.17B.2	CH-13	3	53,6	-	53,6	21.248.727	0,969	20.581.368
51	NXH3.17B.2	CH-14	3	53,6	-	53,6	21.248.727	0,959	20.372.421
52	NXH3.17B.2	CH-15	3	56,0	-	56,0	21.248.727	0,978	20.790.316
53	NXH3.17B.2	CH-16	3	61,2	-	61,2	21.248.727	1,037	22.044.004
54	NXH3.17B.2	CH-17	3	61,3	-	61,3	21.248.727	1,021	21.701.330
55	NXH3.17B.2	CH-18	3	32,5	-	32,5	21.248.727	0,979	20.811.211

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số K1	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
				Diện tích bán	Diện tích cho thuê				
56	NXH3.17B.2	CH-19	3	53,6	-	53,6	21.248.727	0,959	20.372.421
57	NXH3.17B.2	CH-20	3	53,6	-	53,6	21.248.727	0,967	20.539.579
58	NXH3.17B.2	CH-01	4	55,2	-	55,2	21.248.727	0,942	20.017.209
59	NXH3.17B.2	CH-02	4	53,6	-	53,6	21.248.727	0,947	20.121.683
60	NXH3.17B.2	CH-03	4	53,6	-	53,6	21.248.727	0,942	20.017.209
61	NXH3.17B.2	CH-04	4	32,4	-	32,4	21.248.727	0,947	20.121.683
62	NXH3.17B.2	CH-05	4	68,8	-	68,8	21.248.727	1,035	21.983.409
63	NXH3.17B.2	CH-06	4	68,9	-	68,9	21.248.727	1,056	22.430.557
64	NXH3.17B.2	CH-07	4	28,9	-	28,9	21.248.727	0,978	20.790.316
65	NXH3.17B.2	CH-08	4	28,8	-	28,8	21.248.727	0,991	21.061.949
66	NXH3.17B.2	CH-09	4	53,7	-	53,7	21.248.727	0,971	20.623.158
67	NXH3.17B.2	CH-10	4	53,6	-	53,6	21.248.727	0,969	20.581.368
68	NXH3.17B.2	CH-11	4	53,6	-	53,6	21.248.727	0,978	20.790.316
69	NXH3.17B.2	CH-12	4	53,6	-	53,6	21.248.727	0,964	20.476.894
70	NXH3.17B.2	CH-13	4	53,6	-	53,6	21.248.727	0,959	20.372.421
71	NXH3.17B.2	CH-14	4	53,6	-	53,6	21.248.727	0,949	20.163.473
72	NXH3.17B.2	CH-15	4	56,0	-	56,0	21.248.727	0,969	20.581.368
73	NXH3.17B.2	CH-16	4	61,2	-	61,2	21.248.727	1,028	21.835.056
74	NXH3.17B.2	CH-17	4	61,3	-	61,3	21.248.727	1,011	21.492.381
75	NXH3.17B.2	CH-18	4	32,5	-	32,5	21.248.727	0,970	20.602.263
76	NXH3.17B.2	CH-19	4	53,6	-	53,6	21.248.727	0,949	20.163.473
77	NXH3.17B.2	CH-20	4	53,6	-	53,6	21.248.727	0,957	20.330.631
78	NXH3.17B.2	CH-01	5	55,2	-	55,2	21.248.727	0,962	20.435.105
79	NXH3.17B.2	CH-02	5	53,6	-	53,6	21.248.727	0,967	20.539.579
80	NXH3.17B.2	CH-03	5	53,6	-	53,6	21.248.727	0,962	20.435.105
81	NXH3.17B.2	CH-04	5	32,4	-	32,4	21.248.727	0,967	20.539.579
82	NXH3.17B.2	CH-05	5	68,8	-	68,8	21.248.727	1,054	22.401.304
83	NXH3.17B.2	CH-06	5	68,9	-	68,9	21.248.727	1,075	22.848.453
84	NXH3.17B.2	CH-07	5	28,9	-	28,9	21.248.727	0,998	21.208.212
85	NXH3.17B.2	CH-08	5	28,8	-	28,8	21.248.727	1,011	21.479.844
86	NXH3.17B.2	CH-09	5	53,7	-	53,7	21.248.727	0,990	21.041.054
87	NXH3.17B.2	CH-10	5	53,6	-	53,6	21.248.727	0,988	20.999.264
88	NXH3.17B.2	CH-11	5	53,6	-	53,6	21.248.727	0,998	21.208.212
89	NXH3.17B.2	CH-12	5	53,6	-	53,6	21.248.727	0,983	20.894.790
90	NXH3.17B.2	CH-13	5	53,6	-	53,6	21.248.727	0,978	20.790.316
91	NXH3.17B.2	CH-14	5	53,6	-	53,6	21.248.727	0,969	20.581.368
92	NXH3.17B.2	CH-15	5	56,0	-	56,0	21.248.727	0,988	20.999.264
93	NXH3.17B.2	CH-16	5	61,2	-	61,2	21.248.727	1,047	22.252.951
94	NXH3.17B.2	CH-17	5	61,3	-	61,3	21.248.727	1,031	21.910.277
95	NXH3.17B.2	CH-18	5	32,5	-	32,5	21.248.727	0,989	21.020.159
96	NXH3.17B.2	CH-19	5	53,6	-	53,6	21.248.727	0,969	20.581.368
97	NXH3.17B.2	CH-20	5	53,6	-	53,6	21.248.727	0,976	20.748.527
98	NXH3.17B.2	CH-01	6	55,2	-	55,2	21.248.727	0,967	20.539.579
99	NXH3.17B.2	CH-02	6	53,6	-	53,6	21.248.727	0,972	20.644.052
100	NXH3.17B.2	CH-03	6	53,6	-	53,6	21.248.727	0,967	20.539.579
101	NXH3.17B.2	CH-04	6	32,4	-	32,4	21.248.727	0,972	20.644.052
102	NXH3.17B.2	CH-05	6	68,8	-	68,8	21.248.727	1,059	22.505.778
103	NXH3.17B.2	CH-06	6	68,9	-	68,9	21.248.727	1,080	22.952.927
104	NXH3.17B.2	CH-07	6	28,9	-	28,9	21.248.727	1,003	21.312.686
105	NXH3.17B.2	CH-08	6	28,8	-	28,8	21.248.727	1,016	21.584.318
106	NXH3.17B.2	CH-09	6	53,7	-	53,7	21.248.727	0,995	21.145.528
107	NXH3.17B.2	CH-10	6	53,6	-	53,6	21.248.727	0,993	21.103.738
108	NXH3.17B.2	CH-11	6	53,6	-	53,6	21.248.727	1,003	21.312.686
109	NXH3.17B.2	CH-12	6	53,6	-	53,6	21.248.727	0,988	20.999.264
110	NXH3.17B.2	CH-13	6	53,6	-	53,6	21.248.727	0,983	20.894.790
111	NXH3.17B.2	CH-14	6	53,6	-	53,6	21.248.727	0,974	20.685.843
112	NXH3.17B.2	CH-15	6	56,0	-	56,0	21.248.727	0,993	21.103.738
113	NXH3.17B.2	CH-16	6	61,2	-	61,2	21.248.727	1,052	22.357.426
114	NXH3.17B.2	CH-17	6	61,3	-	61,3	21.248.727	1,036	22.014.751
115	NXH3.17B.2	CH-18	6	32,5	-	32,5	21.248.727	0,994	21.124.633
116	NXH3.17B.2	CH-19	6	53,6	-	53,6	21.248.727	0,974	20.685.843
117	NXH3.17B.2	CH-20	6	53,6	-	53,6	21.248.727	0,981	20.853.001
118	NXH3.17B.2	CH-01	7	55,2	-	55,2	21.248.727	0,947	20.121.683
119	NXH3.17B.2	CH-02	7	53,6	-	53,6	21.248.727	0,952	20.226.157
120	NXH3.17B.2	CH-03	7	53,6	-	53,6	21.248.727	0,947	20.121.683
121	NXH3.17B.2	CH-04	7	32,4	-	32,4	21.248.727	0,952	20.226.157
122	NXH3.17B.2	CH-05	7	68,8	-	68,8	21.248.727	1,039	22.087.882
123	NXH3.17B.2	CH-06	7	68,9	-	68,9	21.248.727	1,061	22.535.032
124	NXH3.17B.2	CH-07	7	28,9	-	28,9	21.248.727	0,983	20.894.790
125	NXH3.17B.2	CH-08	7	28,8	-	28,8	21.248.727	0,996	21.166.422
126	NXH3.17B.2	CH-09	7	53,7	-	53,7	21.248.727	0,975	20.727.632
127	NXH3.17B.2	CH-10	7	53,6	-	53,6	21.248.727	0,974	20.685.843
128	NXH3.17B.2	CH-11	7	53,6	-	53,6	21.248.727	0,983	20.894.790
129	NXH3.17B.2	CH-12	7	53,6	-	53,6	21.248.727	0,969	20.581.368
130	NXH3.17B.2	CH-13	7	53,6	-	53,6	21.248.727	0,964	20.476.894
131	NXH3.17B.2	CH-14	7	53,6	-	53,6	21.248.727	0,954	20.267.946
132	NXH3.17B.2	CH-15	7	56,0	-	56,0	21.248.727	0,974	20.685.843
133	NXH3.17B.2	CH-16	7	61,2	-	61,2	21.248.727	1,033	21.939.529
134	NXH3.17B.2	CH-17	7	61,3	-	61,3	21.248.727	1,016	21.596.855
135	NXH3.17B.2	CH-18	7	32,5	-	32,5	21.248.727	0,974	20.706.737

STT	Tên	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m ²) Diện tích bán (m ²)	Diện tích cho thuê (m ²)	Tổng diện tích (m ²)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m ²)	Hệ số K _i	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m ²)
136	NXH3.17B.2	CH-19	7	53,6	-	53,6	21.248.727	0,954	20.267.946
137	NXH3.17B.2	CH-20	7	53,6	-	53,6	21.248.727	0,962	20.435.105

STT	Tên	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m ²) Diện tích bán (m ²)	Diện tích cho thuê (m ²)	Tổng diện tích (m ²)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m ²)	Hệ số K _i	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m ²)
	NXH3.17B.3		137	7.263,0	-	7.263,0	22.813.148	1,000	22.813.148
1	NXH3.17B.3	CH-01	1	69,4	-	69,4	22.813.148	1,075	24.528.756
2	NXH3.17B.3	CH-02	1	67,4	-	67,4	22.813.148	1,065	24.303.721
3	NXH3.17B.3	CH-03	1	67,2	-	67,2	22.813.148	1,060	24.191.204
4	NXH3.17B.3	CH-04	1	68,5	-	68,5	22.813.148	1,046	23.853.653
5	NXH3.17B.3	CH-05	1	54,0	-	54,0	22.813.148	1,140	26.002.731
6	NXH3.17B.3	CH-06	1	70,0	-	70,0	22.813.148	1,115	25.431.144
7	NXH3.17B.3	CH-07	1	30,9	-	30,9	22.813.148	1,044	23.808.646
8	NXH3.17B.3	CH-08	1	39,5	-	39,5	22.813.148	1,056	24.101.191
9	NXH3.17B.3	CH-09	1	54,8	-	54,8	22.813.148	1,036	23.628.618
10	NXH3.17B.3	CH-10	1	54,7	-	54,7	22.813.148	1,034	23.583.611
11	NXH3.17B.3	CH-11	1	54,7	-	54,7	22.813.148	1,034	23.583.611
12	NXH3.17B.3	CH-12	1	69,2	-	69,2	22.813.148	1,034	23.583.611
13	NXH3.17B.3	CH-13	1	47,4	-	47,4	22.813.148	1,029	23.471.094
14	NXH3.17B.3	CH-14	1	68,7	-	68,7	22.813.148	1,014	23.133.542
15	NXH3.17B.3	CH-15	1	62,3	-	62,3	22.813.148	1,138	25.959.975
16	NXH3.17B.3	CH-16	1	67,3	-	67,3	22.813.148	1,169	26.666.584
17	NXH3.17B.3	CH-17	1	47,3	-	47,3	22.813.148	1,080	24.641.273
18	NXH3.17B.3	CH-18	1	67,3	-	67,3	22.813.148	1,068	24.371.231
19	NXH3.17B.3	CH-19	1	60,4	-	60,4	22.813.148	1,077	24.573.763
20	NXH3.17B.3	CH-01	2	55,2	-	55,2	22.813.148	0,967	22.053.376
21	NXH3.17B.3	CH-02	2	53,6	-	53,6	22.813.148	0,967	22.053.376
22	NXH3.17B.3	CH-03	2	53,6	-	53,6	22.813.148	0,962	21.940.859
23	NXH3.17B.3	CH-04	2	33,4	-	33,4	22.813.148	0,962	21.940.859
24	NXH3.17B.3	CH-05	2	68,8	-	68,8	22.813.148	1,056	24.089.938
25	NXH3.17B.3	CH-06	2	68,9	-	68,9	22.813.148	1,036	23.630.868
26	NXH3.17B.3	CH-07	2	30,5	-	30,5	22.813.148	0,975	22.233.404
27	NXH3.17B.3	CH-08	2	30,4	-	30,4	22.813.148	0,987	22.525.949
28	NXH3.17B.3	CH-09	2	53,7	-	53,7	22.813.148	0,967	22.053.376
29	NXH3.17B.3	CH-10	2	53,6	-	53,6	22.813.148	0,965	22.008.370
30	NXH3.17B.3	CH-11	2	53,6	-	53,6	22.813.148	0,965	22.008.370
31	NXH3.17B.3	CH-12	2	53,6	-	53,6	22.813.148	0,960	21.895.853
32	NXH3.17B.3	CH-15	2	59,2	-	59,2	22.813.148	0,965	22.008.370
33	NXH3.17B.3	CH-16	2	61,3	-	61,3	22.813.148	1,013	23.102.037
34	NXH3.17B.3	CH-17	2	61,3	-	61,3	22.813.148	1,003	22.886.005
35	NXH3.17B.3	CH-18	2	33,6	-	33,6	22.813.148	0,984	22.458.439
36	NXH3.17B.3	CH-19	2	53,6	-	53,6	22.813.148	0,969	22.098.384
37	NXH3.17B.3	CH-20	2	53,6	-	53,6	22.813.148	0,967	22.053.376
38	NXH3.17B.3	CH-01	3	55,2	-	55,2	22.813.148	0,972	22.165.894
39	NXH3.17B.3	CH-02	3	53,6	-	53,6	22.813.148	0,972	22.165.894
40	NXH3.17B.3	CH-03	3	55,3	-	55,3	22.813.148	0,967	22.053.376
41	NXH3.17B.3	CH-04	3	33,4	-	33,4	22.813.148	0,967	22.053.376
42	NXH3.17B.3	CH-05	3	68,8	-	68,8	22.813.148	1,061	24.202.456
43	NXH3.17B.3	CH-06	3	68,9	-	68,9	22.813.148	1,041	23.743.386
44	NXH3.17B.3	CH-07	3	30,5	-	30,5	22.813.148	0,980	22.345.922
45	NXH3.17B.3	CH-08	3	30,4	-	30,4	22.813.148	0,992	22.638.467
46	NXH3.17B.3	CH-09	3	53,7	-	53,7	22.813.148	0,972	22.165.894
47	NXH3.17B.3	CH-10	3	53,6	-	53,6	22.813.148	0,970	22.120.887
48	NXH3.17B.3	CH-11	3	53,6	-	53,6	22.813.148	0,970	22.120.887
49	NXH3.17B.3	CH-12	3	53,6	-	53,6	22.813.148	0,965	22.008.370
50	NXH3.17B.3	CH-13	3	53,6	-	53,6	22.813.148	0,950	21.670.818
51	NXH3.17B.3	CH-14	3	53,6	-	53,6	22.813.148	0,950	21.670.818
52	NXH3.17B.3	CH-15	3	59,2	-	59,2	22.813.148	0,970	22.120.887
53	NXH3.17B.3	CH-16	3	61,3	-	61,3	22.813.148	1,018	23.214.554
54	NXH3.17B.3	CH-17	3	61,3	-	61,3	22.813.148	1,008	22.998.522
55	NXH3.17B.3	CH-18	3	33,6	-	33,6	22.813.148	0,989	22.570.956
56	NXH3.17B.3	CH-19	3	55,3	-	55,3	22.813.148	0,974	22.210.901
57	NXH3.17B.3	CH-20	3	53,6	-	53,6	22.813.148	0,972	22.165.894
58	NXH3.17B.3	CH-01	4	55,2	-	55,2	22.813.148	0,962	21.940.859
59	NXH3.17B.3	CH-02	4	53,6	-	53,6	22.813.148	0,962	21.940.859
60	NXH3.17B.3	CH-03	4	55,3	-	55,3	22.813.148	0,957	21.828.342
61	NXH3.17B.3	CH-04	4	33,4	-	33,4	22.813.148	0,957	21.828.342
62	NXH3.17B.3	CH-05	4	68,8	-	68,8	22.813.148	1,051	23.977.421
63	NXH3.17B.3	CH-06	4	68,9	-	68,9	22.813.148	1,031	23.518.351
64	NXH3.17B.3	CH-07	4	30,5	-	30,5	22.813.148	0,970	22.120.887
65	NXH3.17B.3	CH-08	4	30,4	-	30,4	22.813.148	0,982	22.413.431
66	NXH3.17B.3	CH-09	4	53,7	-	53,7	22.813.148	0,962	21.940.859
67	NXH3.17B.3	CH-10	4	53,6	-	53,6	22.813.148	0,960	21.895.853
68	NXH3.17B.3	CH-11	4	53,6	-	53,6	22.813.148	0,960	21.895.853
69	NXH3.17B.3	CH-12	4	53,6	-	53,6	22.813.148	0,955	21.783.336
70	NXH3.17B.3	CH-13	4	53,6	-	53,6	22.813.148	0,940	21.445.783
71	NXH3.17B.3	CH-14	4	53,6	-	53,6	22.813.148	0,940	21.445.783
72	NXH3.17B.3	CH-15	4	59,2	-	59,2	22.813.148	0,960	21.895.853

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số Kí	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
				Diện tích bán	Diện tích cho thuê				
				(m2)	(m2)				(đồng/m2)
73	NXH3.17B.3	CH-16	4	61,3	-	61,3	22.813.148	1,008	22.989.520
74	NXH3.17B.3	CH-17	4	61,3	-	61,3	22.813.148	0,998	22.773.487
75	NXH3.17B.3	CH-18	4	33,6	-	33,6	22.813.148	0,980	22.345.922
76	NXH3.17B.3	CH-19	4	55,3	-	55,3	22.813.148	0,964	21.985.867
77	NXH3.17B.3	CH-20	4	53,6	-	53,6	22.813.148	0,962	21.940.859
78	NXH3.17B.3	CH-01	5	55,2	-	55,2	22.813.148	0,981	22.390.929
79	NXH3.17B.3	CH-02	5	53,6	-	53,6	22.813.148	0,981	22.390.929
80	NXH3.17B.3	CH-03	5	55,3	-	55,3	22.813.148	0,977	22.278.411
81	NXH3.17B.3	CH-04	5	33,4	-	33,4	22.813.148	0,977	22.278.411
82	NXH3.17B.3	CH-05	5	68,8	-	68,8	22.813.148	1,071	24.427.490
83	NXH3.17B.3	CH-06	5	68,9	-	68,9	22.813.148	1,051	23.968.420
84	NXH3.17B.3	CH-07	5	30,5	-	30,5	22.813.148	0,989	22.570.956
85	NXH3.17B.3	CH-08	5	30,4	-	30,4	22.813.148	1,002	22.863.501
86	NXH3.17B.3	CH-09	5	53,7	-	53,7	22.813.148	0,981	22.390.929
87	NXH3.17B.3	CH-10	5	53,6	-	53,6	22.813.148	0,980	22.345.922
88	NXH3.17B.3	CH-11	5	53,6	-	53,6	22.813.148	0,980	22.345.922
89	NXH3.17B.3	CH-12	5	53,6	-	53,6	22.813.148	0,975	22.233.404
90	NXH3.17B.3	CH-13	5	53,6	-	53,6	22.813.148	0,960	21.895.853
91	NXH3.17B.3	CH-14	5	53,6	-	53,6	22.813.148	0,960	21.895.853
92	NXH3.17B.3	CH-15	5	59,2	-	59,2	22.813.148	0,980	22.345.922
93	NXH3.17B.3	CH-16	5	61,3	-	61,3	22.813.148	1,027	23.439.589
94	NXH3.17B.3	CH-17	5	61,3	-	61,3	22.813.148	1,018	23.223.556
95	NXH3.17B.3	CH-18	5	33,6	-	33,6	22.813.148	0,999	22.795.990
96	NXH3.17B.3	CH-19	5	55,3	-	55,3	22.813.148	0,983	22.435.935
97	NXH3.17B.3	CH-20	5	53,6	-	53,6	22.813.148	0,981	22.390.929
98	NXH3.17B.3	CH-01	6	55,2	-	55,2	22.813.148	0,986	22.503.446
99	NXH3.17B.3	CH-02	6	53,6	-	53,6	22.813.148	0,986	22.503.446
100	NXH3.17B.3	CH-03	6	55,3	-	55,3	22.813.148	0,981	22.390.929
101	NXH3.17B.3	CH-04	6	33,4	-	33,4	22.813.148	0,981	22.390.929
102	NXH3.17B.3	CH-05	6	68,8	-	68,8	22.813.148	1,081	24.652.525
103	NXH3.17B.3	CH-06	6	68,9	-	68,9	22.813.148	1,056	24.080.937
104	NXH3.17B.3	CH-07	6	30,5	-	30,5	22.813.148	0,994	22.683.473
105	NXH3.17B.3	CH-08	6	30,4	-	30,4	22.813.148	1,007	22.976.018
106	NXH3.17B.3	CH-09	6	53,7	-	53,7	22.813.148	0,986	22.503.446
107	NXH3.17B.3	CH-10	6	53,6	-	53,6	22.813.148	0,984	22.458.439
108	NXH3.17B.3	CH-11	6	53,6	-	53,6	22.813.148	0,984	22.458.439
109	NXH3.17B.3	CH-12	6	53,6	-	53,6	22.813.148	0,980	22.345.922
110	NXH3.17B.3	CH-13	6	53,6	-	53,6	22.813.148	0,965	22.008.370
111	NXH3.17B.3	CH-14	6	53,6	-	53,6	22.813.148	0,965	22.008.370
112	NXH3.17B.3	CH-15	6	59,2	-	59,2	22.813.148	0,984	22.458.439
113	NXH3.17B.3	CH-16	6	61,3	-	61,3	22.813.148	1,037	23.664.624
114	NXH3.17B.3	CH-17	6	61,3	-	61,3	22.813.148	1,033	23.561.108
115	NXH3.17B.3	CH-18	6	33,6	-	33,6	22.813.148	1,004	22.908.507
116	NXH3.17B.3	CH-19	6	55,3	-	55,3	22.813.148	0,988	22.548.452
117	NXH3.17B.3	CH-20	6	53,6	-	53,6	22.813.148	0,986	22.503.446
118	NXH3.17B.3	CH-01	7	55,2	-	55,2	22.813.148	0,967	22.053.376
119	NXH3.17B.3	CH-02	7	53,6	-	53,6	22.813.148	0,967	22.053.376
120	NXH3.17B.3	CH-03	7	55,3	-	55,3	22.813.148	0,962	21.940.859
121	NXH3.17B.3	CH-04	7	33,4	-	33,4	22.813.148	0,962	21.940.859
122	NXH3.17B.3	CH-05	7	68,8	-	68,8	22.813.148	1,061	24.202.456
123	NXH3.17B.3	CH-06	7	68,9	-	68,9	22.813.148	1,036	23.630.868
124	NXH3.17B.3	CH-07	7	30,5	-	30,5	22.813.148	0,975	22.233.404
125	NXH3.17B.3	CH-08	7	30,4	-	30,4	22.813.148	0,987	22.525.949
126	NXH3.17B.3	CH-09	7	53,7	-	53,7	22.813.148	0,967	22.053.376
127	NXH3.17B.3	CH-10	7	53,6	-	53,6	22.813.148	0,965	22.008.370
128	NXH3.17B.3	CH-11	7	53,6	-	53,6	22.813.148	0,965	22.008.370
129	NXH3.17B.3	CH-12	7	53,6	-	53,6	22.813.148	0,960	21.895.853
130	NXH3.17B.3	CH-13	7	53,6	-	53,6	22.813.148	0,945	21.558.301
131	NXH3.17B.3	CH-14	7	53,6	-	53,6	22.813.148	0,945	21.558.301
132	NXH3.17B.3	CH-15	7	59,2	-	59,2	22.813.148	0,965	22.008.370
133	NXH3.17B.3	CH-16	7	61,3	-	61,3	22.813.148	1,018	23.214.554
134	NXH3.17B.3	CH-17	7	61,3	-	61,3	22.813.148	1,013	23.111.039
135	NXH3.17B.3	CH-18	7	33,6	-	33,6	22.813.148	0,984	22.458.439
136	NXH3.17B.3	CH-19	7	55,3	-	55,3	22.813.148	0,969	22.098.384
137	NXH3.17B.3	CH-20	7	53,6	-	53,6	22.813.148	0,967	22.053.376

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số Kí	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
				Diện tích bán	Diện tích cho thuê				
				(m2)	(m2)				(đồng/m2)
	NXH3.17B.4		137	7.263,0	-	7.263,0	23.259.422	1,000	23.259.422
1	NXH3.17B.4	CH-01	1	69,4	-	69,4	23.259.422	1,066	24.786.957
2	NXH3.17B.4	CH-02	1	67,4	-	67,4	23.259.422	1,056	24.561.211
3	NXH3.17B.4	CH-03	1	67,2	-	67,2	23.259.422	1,051	24.448.338
4	NXH3.17B.4	CH-04	1	68,5	-	68,5	23.259.422	1,037	24.109.718
5	NXH3.17B.4	CH-05	1	54,0	-	54,0	23.259.422	1,113	25.895.373
6	NXH3.17B.4	CH-06	1	70,0	-	70,0	23.259.422	1,124	26.152.724
7	NXH3.17B.4	CH-07	1	30,9	-	30,9	23.259.422	1,038	24.154.868
8	NXH3.17B.4	CH-08	1	39,5	-	39,5	23.259.422	1,051	24.448.338
9	NXH3.17B.4	CH-09	1	54,8	-	54,8	23.259.422	1,031	23.974.271

AB

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2) Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)	Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số Kí	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
10	NXH3.17B.4	CH-10	1	54,7	-	54,7	23.259.422	1,029	23.929.121
11	NXH3.17B.4	CH-11	1	54,7	-	54,7	23.259.422	1,029	23.929.121
12	NXH3.17B.4	CH-12	1	69,2	-	69,2	23.259.422	1,029	23.929.121
13	NXH3.17B.4	CH-13	1	47,4	-	47,4	23.259.422	1,024	23.816.248
14	NXH3.17B.4	CH-14	1	68,7	-	68,7	23.259.422	1,009	23.477.628
15	NXH3.17B.4	CH-15	1	62,3	-	62,3	23.259.422	1,118	26.005.988
16	NXH3.17B.4	CH-16	1	67,3	-	67,3	23.259.422	1,113	25.884.085
17	NXH3.17B.4	CH-17	1	47,3	-	47,3	23.259.422	1,071	24.899.831
18	NXH3.17B.4	CH-18	1	67,3	-	67,3	23.259.422	1,059	24.628.935
19	NXH3.17B.4	CH-19	1	60,4	-	60,4	23.259.422	1,068	24.832.107
20	NXH3.17B.4	CH-01	2	55,2	-	55,2	23.259.422	0,978	22.755.239
21	NXH3.17B.4	CH-02	2	53,6	-	53,6	23.259.422	0,978	22.755.239
22	NXH3.17B.4	CH-03	2	53,6	-	53,6	23.259.422	0,973	22.642.367
23	NXH3.17B.4	CH-04	2	33,4	-	33,4	23.259.422	0,973	22.642.367
24	NXH3.17B.4	CH-05	2	68,8	-	68,8	23.259.422	1,031	23.976.528
25	NXH3.17B.4	CH-06	2	68,9	-	68,9	23.259.422	1,042	24.233.879
26	NXH3.17B.4	CH-07	2	30,5	-	30,5	23.259.422	0,971	22.574.643
27	NXH3.17B.4	CH-08	2	30,4	-	30,4	23.259.422	0,983	22.868.113
28	NXH3.17B.4	CH-09	2	53,7	-	53,7	23.259.422	0,963	22.394.046
29	NXH3.17B.4	CH-10	2	53,6	-	53,6	23.259.422	0,961	22.348.896
30	NXH3.17B.4	CH-11	2	53,6	-	53,6	23.259.422	0,961	22.348.896
31	NXH3.17B.4	CH-12	2	53,6	-	53,6	23.259.422	0,956	22.236.023
32	NXH3.17B.4	CH-15	2	59,2	-	59,2	23.259.422	0,961	22.348.896
33	NXH3.17B.4	CH-16	2	61,3	-	61,3	23.259.422	1,024	23.816.248
34	NXH3.17B.4	CH-17	2	61,3	-	61,3	23.259.422	0,993	23.107.404
35	NXH3.17B.4	CH-18	2	33,6	-	33,6	23.259.422	0,996	23.161.583
36	NXH3.17B.4	CH-19	2	53,6	-	53,6	23.259.422	0,980	22.800.389
37	NXH3.17B.4	CH-20	2	53,6	-	53,6	23.259.422	0,978	22.755.239
38	NXH3.17B.4	CH-01	3	55,2	-	55,2	23.259.422	0,983	22.868.113
39	NXH3.17B.4	CH-02	3	53,6	-	53,6	23.259.422	0,983	22.868.113
40	NXH3.17B.4	CH-03	3	55,3	-	55,3	23.259.422	0,978	22.755.239
41	NXH3.17B.4	CH-04	3	33,4	-	33,4	23.259.422	0,978	22.755.239
42	NXH3.17B.4	CH-05	3	68,8	-	68,8	23.259.422	1,036	24.089.401
43	NXH3.17B.4	CH-06	3	68,9	-	68,9	23.259.422	1,047	24.346.752
44	NXH3.17B.4	CH-07	3	30,5	-	30,5	23.259.422	0,975	22.687.516
45	NXH3.17B.4	CH-08	3	30,4	-	30,4	23.259.422	0,988	22.980.986
46	NXH3.17B.4	CH-09	3	53,7	-	53,7	23.259.422	0,968	22.506.918
47	NXH3.17B.4	CH-10	3	53,6	-	53,6	23.259.422	0,966	22.461.770
48	NXH3.17B.4	CH-11	3	53,6	-	53,6	23.259.422	0,966	22.461.770
49	NXH3.17B.4	CH-12	3	53,6	-	53,6	23.259.422	0,961	22.348.896
50	NXH3.17B.4	CH-13	3	53,6	-	53,6	23.259.422	0,946	22.010.277
51	NXH3.17B.4	CH-14	3	53,6	-	53,6	23.259.422	0,946	22.010.277
52	NXH3.17B.4	CH-15	3	59,2	-	59,2	23.259.422	0,966	22.461.770
53	NXH3.17B.4	CH-16	3	61,3	-	61,3	23.259.422	1,029	23.929.121
54	NXH3.17B.4	CH-17	3	61,3	-	61,3	23.259.422	0,998	23.220.277
55	NXH3.17B.4	CH-18	3	33,6	-	33,6	23.259.422	1,001	23.274.457
56	NXH3.17B.4	CH-19	3	55,3	-	55,3	23.259.422	0,985	22.913.263
57	NXH3.17B.4	CH-20	3	53,6	-	53,6	23.259.422	0,983	22.868.113
58	NXH3.17B.4	CH-01	4	55,2	-	55,2	23.259.422	0,973	22.642.367
59	NXH3.17B.4	CH-02	4	53,6	-	53,6	23.259.422	0,973	22.642.367
60	NXH3.17B.4	CH-03	4	55,3	-	55,3	23.259.422	0,969	22.529.493
61	NXH3.17B.4	CH-04	4	33,4	-	33,4	23.259.422	0,969	22.529.493
62	NXH3.17B.4	CH-05	4	68,8	-	68,8	23.259.422	1,026	23.863.655
63	NXH3.17B.4	CH-06	4	68,9	-	68,9	23.259.422	1,037	24.121.006
64	NXH3.17B.4	CH-07	4	30,5	-	30,5	23.259.422	0,966	22.461.770
65	NXH3.17B.4	CH-08	4	30,4	-	30,4	23.259.422	0,978	22.755.239
66	NXH3.17B.4	CH-09	4	53,7	-	53,7	23.259.422	0,958	22.281.172
67	NXH3.17B.4	CH-10	4	53,6	-	53,6	23.259.422	0,956	22.236.023
68	NXH3.17B.4	CH-11	4	53,6	-	53,6	23.259.422	0,956	22.236.023
69	NXH3.17B.4	CH-12	4	53,6	-	53,6	23.259.422	0,951	22.123.150
70	NXH3.17B.4	CH-13	4	53,6	-	53,6	23.259.422	0,937	21.784.531
71	NXH3.17B.4	CH-14	4	53,6	-	53,6	23.259.422	0,937	21.784.531
72	NXH3.17B.4	CH-15	4	59,2	-	59,2	23.259.422	0,956	22.236.023
73	NXH3.17B.4	CH-16	4	61,3	-	61,3	23.259.422	1,019	23.703.375
74	NXH3.17B.4	CH-17	4	61,3	-	61,3	23.259.422	0,989	22.994.531
75	NXH3.17B.4	CH-18	4	33,6	-	33,6	23.259.422	0,991	23.048.710
76	NXH3.17B.4	CH-19	4	55,3	-	55,3	23.259.422	0,975	22.687.516
77	NXH3.17B.4	CH-20	4	53,6	-	53,6	23.259.422	0,973	22.642.367
78	NXH3.17B.4	CH-01	5	55,2	-	55,2	23.259.422	0,993	23.093.860
79	NXH3.17B.4	CH-02	5	53,6	-	53,6	23.259.422	0,993	23.093.860
80	NXH3.17B.4	CH-03	5	55,3	-	55,3	23.259.422	0,988	22.980.986
81	NXH3.17B.4	CH-04	5	33,4	-	33,4	23.259.422	0,988	22.980.986
82	NXH3.17B.4	CH-05	5	68,8	-	68,8	23.259.422	1,045	24.315.148
83	NXH3.17B.4	CH-06	5	68,9	-	68,9	23.259.422	1,056	24.572.499
84	NXH3.17B.4	CH-07	5	30,5	-	30,5	23.259.422	0,985	22.913.263
85	NXH3.17B.4	CH-08	5	30,4	-	30,4	23.259.422	0,998	23.206.732
86	NXH3.17B.4	CH-09	5	53,7	-	53,7	23.259.422	0,977	22.732.665
87	NXH3.17B.4	CH-10	5	53,6	-	53,6	23.259.422	0,975	22.687.516
88	NXH3.17B.4	CH-11	5	53,6	-	53,6	23.259.422	0,975	22.687.516
89	NXH3.17B.4	CH-12	5	53,6	-	53,6	23.259.422	0,971	22.574.643

182

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m ²)		Tổng diện tích (m ²)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m ²)	Hệ số K _i	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m ²)
				Diện tích bán	Diện tích cho thuê				
90	NXH3.17B.4	CH-13	5	53,6	-	53,6	23.259.422	0,956	22.236.023
91	NXH3.17B.4	CH-14	5	53,6	-	53,6	23.259.422	0,956	22.236.023
92	NXH3.17B.4	CH-15	5	59,2	-	59,2	23.259.422	0,975	22.687.516
93	NXH3.17B.4	CH-16	5	61,3	-	61,3	23.259.422	1,038	24.154.868
94	NXH3.17B.4	CH-17	5	61,3	-	61,3	23.259.422	1,008	23.446.024
95	NXH3.17B.4	CH-18	5	33,6	-	33,6	23.259.422	1,010	23.500.203
96	NXH3.17B.4	CH-19	5	55,3	-	55,3	23.259.422	0,995	23.139.009
97	NXH3.17B.4	CH-20	5	53,6	-	53,6	23.259.422	0,993	23.093.860
98	NXH3.17B.4	CH-01	6	55,2	-	55,2	23.259.422	1,007	23.432.479
99	NXH3.17B.4	CH-02	6	53,6	-	53,6	23.259.422	1,007	23.432.479
100	NXH3.17B.4	CH-03	6	55,3	-	55,3	23.259.422	1,003	23.319.606
101	NXH3.17B.4	CH-04	6	33,4	-	33,4	23.259.422	1,003	23.319.606
102	NXH3.17B.4	CH-05	6	68,8	-	68,8	23.259.422	1,055	24.540.894
103	NXH3.17B.4	CH-06	6	68,9	-	68,9	23.259.422	1,066	24.798.245
104	NXH3.17B.4	CH-07	6	30,5	-	30,5	23.259.422	0,990	23.026.135
105	NXH3.17B.4	CH-08	6	30,4	-	30,4	23.259.422	1,003	23.319.606
106	NXH3.17B.4	CH-09	6	53,7	-	53,7	23.259.422	0,982	22.845.538
107	NXH3.17B.4	CH-10	6	53,6	-	53,6	23.259.422	0,980	22.800.389
108	NXH3.17B.4	CH-11	6	53,6	-	53,6	23.259.422	0,980	22.800.389
109	NXH3.17B.4	CH-12	6	53,6	-	53,6	23.259.422	0,975	22.687.516
110	NXH3.17B.4	CH-13	6	53,6	-	53,6	23.259.422	0,961	22.348.896
111	NXH3.17B.4	CH-14	6	53,6	-	53,6	23.259.422	0,961	22.348.896
112	NXH3.17B.4	CH-15	6	59,2	-	59,2	23.259.422	0,980	22.800.389
113	NXH3.17B.4	CH-16	6	61,3	-	61,3	23.259.422	1,043	24.267.741
114	NXH3.17B.4	CH-17	6	61,3	-	61,3	23.259.422	1,018	23.671.770
115	NXH3.17B.4	CH-18	6	33,6	-	33,6	23.259.422	1,025	23.838.822
116	NXH3.17B.4	CH-19	6	55,3	-	55,3	23.259.422	1,009	23.477.628
117	NXH3.17B.4	CH-20	6	53,6	-	53,6	23.259.422	1,007	23.432.479
118	NXH3.17B.4	CH-01	7	55,2	-	55,2	23.259.422	0,988	22.980.986
119	NXH3.17B.4	CH-02	7	53,6	-	53,6	23.259.422	0,988	22.980.986
120	NXH3.17B.4	CH-03	7	55,3	-	55,3	23.259.422	0,983	22.868.113
121	NXH3.17B.4	CH-04	7	33,4	-	33,4	23.259.422	0,983	22.868.113
122	NXH3.17B.4	CH-05	7	68,8	-	68,8	23.259.422	1,036	24.089.401
123	NXH3.17B.4	CH-06	7	68,9	-	68,9	23.259.422	1,047	24.346.752
124	NXH3.17B.4	CH-07	7	30,5	-	30,5	23.259.422	0,971	22.574.643
125	NXH3.17B.4	CH-08	7	30,4	-	30,4	23.259.422	0,983	22.868.113
126	NXH3.17B.4	CH-09	7	53,7	-	53,7	23.259.422	0,963	22.394.046
127	NXH3.17B.4	CH-10	7	53,6	-	53,6	23.259.422	0,961	22.348.896
128	NXH3.17B.4	CH-11	7	53,6	-	53,6	23.259.422	0,961	22.348.896
129	NXH3.17B.4	CH-12	7	53,6	-	53,6	23.259.422	0,956	22.236.023
130	NXH3.17B.4	CH-13	7	53,6	-	53,6	23.259.422	0,941	21.897.403
131	NXH3.17B.4	CH-14	7	53,6	-	53,6	23.259.422	0,941	21.897.403
132	NXH3.17B.4	CH-15	7	59,2	-	59,2	23.259.422	0,961	22.348.896
133	NXH3.17B.4	CH-16	7	61,3	-	61,3	23.259.422	1,024	23.816.248
134	NXH3.17B.4	CH-17	7	61,3	-	61,3	23.259.422	0,998	23.220.277
135	NXH3.17B.4	CH-18	7	33,6	-	33,6	23.259.422	1,005	23.387.329
136	NXH3.17B.4	CH-19	7	55,3	-	55,3	23.259.422	0,990	23.026.135
137	NXH3.17B.4	CH-20	7	53,6	-	53,6	23.259.422	0,988	22.980.986

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số K _i	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
				Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)				
NXH4.19.1		176		9.211,2	-	9.211,2	23.974.641	1,000	23.974.641
1	NXH4.19.1	CH-01	1	69,9	-	69,9	23.974.641	1,053	25.240.843
2	NXH4.19.1	CH-02	1	67,4	-	67,4	23.974.641	1,043	25.004.948
3	NXH4.19.1	CH-03	1	67,4	-	67,4	23.974.641	1,038	24.886.999
4	NXH4.19.1	CH-04	1	69,1	-	69,1	23.974.641	1,023	24.533.156
5	NXH4.19.1	CH-05	1	53,2	-	53,2	23.974.641	1,117	26.785.960
6	NXH4.19.1	CH-06	1	70,0	-	70,0	23.974.641	1,112	26.658.576
7	NXH4.19.1	CH-07	1	30,4	-	30,4	23.974.641	1,041	24.957.768
8	NXH4.19.1	CH-08	1	41,2	-	41,2	23.974.641	1,054	25.264.433
9	NXH4.19.1	CH-09	1	54,6	-	54,6	23.974.641	1,033	24.769.051
10	NXH4.19.1	CH-10	1	54,7	-	54,7	23.974.641	1,031	24.721.872
11	NXH4.19.1	CH-11	1	54,7	-	54,7	23.974.641	1,031	24.721.872
12	NXH4.19.1	CH-12	1	54,7	-	54,7	23.974.641	1,031	24.721.872
13	NXH4.19.1	CH-13	1	33,8	-	33,8	23.974.641	1,016	24.368.029
14	NXH4.19.1	CH-14	1	67,4	-	67,4	23.974.641	0,997	23.896.238
15	NXH4.19.1	CH-15	1	62,4	-	62,4	23.974.641	1,086	26.033.452
16	NXH4.19.1	CH-16	1	67,1	-	67,1	23.974.641	1,097	26.302.374
17	NXH4.19.1	CH-17	1	58,0	-	58,0	23.974.641	1,038	24.886.999
18	NXH4.19.1	CH-18	1	62,2	-	62,2	23.974.641	1,046	25.075.716
19	NXH4.19.1	CH-19	1	54,6	-	54,6	23.974.641	1,055	25.288.022
20	NXH4.19.1	CH-01	2	53,3	-	53,3	23.974.641	0,974	23.353.677
21	NXH4.19.1	CH-02	2	53,6	-	53,6	23.974.641	0,964	23.117.781
22	NXH4.19.1	CH-03	2	53,6	-	53,6	23.974.641	0,959	22.999.834
23	NXH4.19.1	CH-04	2	33,4	-	33,4	23.974.641	0,959	22.999.834
24	NXH4.19.1	CH-05	2	68,8	-	68,8	23.974.641	1,073	25.724.429
25	NXH4.19.1	CH-06	2	68,8	-	68,8	23.974.641	1,078	25.832.942
26	NXH4.19.1	CH-07	2	30,0	-	30,0	23.974.641	0,972	23.306.498

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m ²)		Tổng diện tích (m ²)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m ²)	Hệ số K _i	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m ²)
				Diện tích bán	Diện tích cho thuê				
27	NXH4.19.1	CH-08	2	30,2	-	30,2	23.974.641	0,985	23.613.162
28	NXH4.19.1	CH-09	2	53,5	-	53,5	23.974.641	0,964	23.117.781
29	NXH4.19.1	CH-10	2	53,5	-	53,5	23.974.641	0,962	23.070.602
30	NXH4.19.1	CH-11	2	53,6	-	53,6	23.974.641	0,962	23.070.602
31	NXH4.19.1	CH-15	2	58,4	-	58,4	23.974.641	0,962	23.070.602
32	NXH4.19.1	CH-16	2	61,3	-	61,3	23.974.641	1,025	24.570.899
33	NXH4.19.1	CH-17	2	61,2	-	61,2	23.974.641	1,025	24.580.335
34	NXH4.19.1	CH-18	2	33,6	-	33,6	23.974.641	0,982	23.542.394
35	NXH4.19.1	CH-19	2	53,7	-	53,7	23.974.641	0,966	23.164.961
36	NXH4.19.1	CH-20	2	53,6	-	53,6	23.974.641	0,959	22.999.834
37	NXH4.19.1	CH-01	3	53,3	-	53,3	23.974.641	0,979	23.471.625
38	NXH4.19.1	CH-02	3	53,6	-	53,6	23.974.641	0,969	23.235.729
39	NXH4.19.1	CH-03	3	53,6	-	53,6	23.974.641	0,964	23.117.781
40	NXH4.19.1	CH-04	3	33,4	-	33,4	23.974.641	0,964	23.117.781
41	NXH4.19.1	CH-05	3	68,8	-	68,8	23.974.641	1,078	25.842.377
42	NXH4.19.1	CH-06	3	68,8	-	68,8	23.974.641	1,082	25.950.889
43	NXH4.19.1	CH-07	3	30,0	-	30,0	23.974.641	0,977	23.424.446
44	NXH4.19.1	CH-08	3	30,2	-	30,2	23.974.641	0,990	23.731.111
45	NXH4.19.1	CH-09	3	53,5	-	53,5	23.974.641	0,969	23.235.729
46	NXH4.19.1	CH-10	3	53,5	-	53,5	23.974.641	0,967	23.188.550
47	NXH4.19.1	CH-11	3	53,6	-	53,6	23.974.641	0,967	23.188.550
48	NXH4.19.1	CH-12	3	53,6	-	53,6	23.974.641	0,952	22.834.707
49	NXH4.19.1	CH-13	3	53,6	-	53,6	23.974.641	0,948	22.716.758
50	NXH4.19.1	CH-14	3	53,6	-	53,6	23.974.641	0,948	22.716.758
51	NXH4.19.1	CH-15	3	58,4	-	58,4	23.974.641	0,967	23.188.550
52	NXH4.19.1	CH-16	3	61,3	-	61,3	23.974.641	1,030	24.688.847
53	NXH4.19.1	CH-17	3	61,2	-	61,2	23.974.641	1,030	24.698.283
54	NXH4.19.1	CH-18	3	33,6	-	33,6	23.974.641	0,987	23.660.341
55	NXH4.19.1	CH-19	3	53,7	-	53,7	23.974.641	0,971	23.282.908
56	NXH4.19.1	CH-20	3	53,6	-	53,6	23.974.641	0,964	23.117.781
57	NXH4.19.1	CH-01	4	53,3	-	53,3	23.974.641	0,969	23.235.729
58	NXH4.19.1	CH-02	4	53,6	-	53,6	23.974.641	0,959	22.999.834
59	NXH4.19.1	CH-03	4	53,6	-	53,6	23.974.641	0,954	22.881.886
60	NXH4.19.1	CH-04	4	33,4	-	33,4	23.974.641	0,954	22.881.886
61	NXH4.19.1	CH-05	4	68,8	-	68,8	23.974.641	1,068	25.606.481
62	NXH4.19.1	CH-06	4	68,8	-	68,8	23.974.641	1,073	25.714.993
63	NXH4.19.1	CH-07	4	30,0	-	30,0	23.974.641	0,967	23.188.550
64	NXH4.19.1	CH-08	4	30,2	-	30,2	23.974.641	0,980	23.495.214
65	NXH4.19.1	CH-09	4	53,5	-	53,5	23.974.641	0,959	22.999.834
66	NXH4.19.1	CH-10	4	53,5	-	53,5	23.974.641	0,957	22.952.655
67	NXH4.19.1	CH-11	4	53,6	-	53,6	23.974.641	0,957	22.952.655
68	NXH4.19.1	CH-12	4	53,6	-	53,6	23.974.641	0,943	22.598.811
69	NXH4.19.1	CH-13	4	53,6	-	53,6	23.974.641	0,938	22.480.863
70	NXH4.19.1	CH-14	4	53,6	-	53,6	23.974.641	0,938	22.480.863
71	NXH4.19.1	CH-15	4	58,4	-	58,4	23.974.641	0,957	22.952.655
72	NXH4.19.1	CH-16	4	61,3	-	61,3	23.974.641	1,020	24.452.952
73	NXH4.19.1	CH-17	4	61,2	-	61,2	23.974.641	1,020	24.462.387
74	NXH4.19.1	CH-18	4	33,6	-	33,6	23.974.641	0,977	23.424.446
75	NXH4.19.1	CH-19	4	53,7	-	53,7	23.974.641	0,961	23.047.013
76	NXH4.19.1	CH-20	4	53,6	-	53,6	23.974.641	0,954	22.881.886
77	NXH4.19.1	CH-01	5	53,3	-	53,3	23.974.641	0,989	23.707.521
78	NXH4.19.1	CH-02	5	53,6	-	53,6	23.974.641	0,979	23.471.625
79	NXH4.19.1	CH-03	5	53,6	-	53,6	23.974.641	0,974	23.353.677
80	NXH4.19.1	CH-04	5	33,4	-	33,4	23.974.641	0,974	23.353.677
81	NXH4.19.1	CH-05	5	68,8	-	68,8	23.974.641	1,088	26.078.273
82	NXH4.19.1	CH-06	5	68,8	-	68,8	23.974.641	1,092	26.186.785
83	NXH4.19.1	CH-07	5	30,0	-	30,0	23.974.641	0,987	23.660.341
84	NXH4.19.1	CH-08	5	30,2	-	30,2	23.974.641	1,000	23.967.006
85	NXH4.19.1	CH-09	5	53,5	-	53,5	23.974.641	0,979	23.471.625
86	NXH4.19.1	CH-10	5	53,5	-	53,5	23.974.641	0,977	23.424.446
87	NXH4.19.1	CH-11	5	53,6	-	53,6	23.974.641	0,977	23.424.446
88	NXH4.19.1	CH-12	5	53,6	-	53,6	23.974.641	0,962	23.070.602
89	NXH4.19.1	CH-13	5	53,6	-	53,6	23.974.641	0,957	22.952.655
90	NXH4.19.1	CH-14	5	53,6	-	53,6	23.974.641	0,957	22.952.655
91	NXH4.19.1	CH-15	5	58,4	-	58,4	23.974.641	0,977	23.424.446
92	NXH4.19.1	CH-16	5	61,3	-	61,3	23.974.641	1,040	24.924.743
93	NXH4.19.1	CH-17	5	61,2	-	61,2	23.974.641	1,040	24.934.178
94	NXH4.19.1	CH-18	5	33,6	-	33,6	23.974.641	0,997	23.896.238
95	NXH4.19.1	CH-19	5	53,7	-	53,7	23.974.641	0,981	23.518.805
96	NXH4.19.1	CH-20	5	53,6	-	53,6	23.974.641	0,974	23.353.677
97	NXH4.19.1	CH-01	6	53,3	-	53,3	23.974.641	1,004	24.061.365
98	NXH4.19.1	CH-02	6	53,6	-	53,6	23.974.641	0,994	23.825.468
99	NXH4.19.1	CH-03	6	53,6	-	53,6	23.974.641	0,989	23.707.521
100	NXH4.19.1	CH-04	6	33,4	-	33,4	23.974.641	0,989	23.707.521
101	NXH4.19.1	CH-05	6	68,8	-	68,8	23.974.641	1,093	26.196.221
102	NXH4.19.1	CH-06	6	68,8	-	68,8	23.974.641	1,097	26.304.733
103	NXH4.19.1	CH-07	6	30,0	-	30,0	23.974.641	0,992	23.778.290
104	NXH4.19.1	CH-08	6	30,2	-	30,2	23.974.641	1,005	24.084.954
105	NXH4.19.1	CH-09	6	53,5	-	53,5	23.974.641	0,984	23.589.573

STT	Tôn	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số KI	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
				Diện tích bán	Diện tích cho thuê				
106	NXH4.19.1	CH-10	6	53,5	-	53,5	23.974.641	0,982	23.542.394
107	NXH4.19.1	CH-11	6	53,6	-	53,6	23.974.641	0,982	23.542.394
108	NXH4.19.1	CH-12	6	53,6	-	53,6	23.974.641	0,967	23.188.550
109	NXH4.19.1	CH-13	6	53,6	-	53,6	23.974.641	0,962	23.070.602
110	NXH4.19.1	CH-14	6	53,6	-	53,6	23.974.641	0,962	23.070.602
111	NXH4.19.1	CH-15	6	58,4	-	58,4	23.974.641	0,982	23.542.394
112	NXH4.19.1	CH-16	6	61,3	-	61,3	23.974.641	1,054	25.278.586
113	NXH4.19.1	CH-17	6	61,2	-	61,2	23.974.641	1,055	25.288.022
114	NXH4.19.1	CH-18	6	33,6	-	33,6	23.974.641	1,011	24.250.081
115	NXH4.19.1	CH-19	6	53,7	-	53,7	23.974.641	0,996	23.872.648
116	NXH4.19.1	CH-20	6	53,6	-	53,6	23.974.641	0,989	23.707.521
117	NXH4.19.1	CH-01	7	53,3	-	53,3	23.974.641	0,984	23.589.573
118	NXH4.19.1	CH-02	7	53,6	-	53,6	23.974.641	0,974	23.353.677
119	NXH4.19.1	CH-03	7	53,6	-	53,6	23.974.641	0,969	23.235.729
120	NXH4.19.1	CH-04	7	33,4	-	33,4	23.974.641	0,969	23.235.729
121	NXH4.19.1	CH-05	7	68,8	-	68,8	23.974.641	1,073	25.724.429
122	NXH4.19.1	CH-06	7	68,8	-	68,8	23.974.641	1,078	25.832.942
123	NXH4.19.1	CH-07	7	30,0	-	30,0	23.974.641	0,972	23.306.498
124	NXH4.19.1	CH-08	7	30,2	-	30,2	23.974.641	0,985	23.613.162
125	NXH4.19.1	CH-09	7	53,5	-	53,5	23.974.641	0,964	23.117.781
126	NXH4.19.1	CH-10	7	53,5	-	53,5	23.974.641	0,962	23.070.602
127	NXH4.19.1	CH-11	7	53,6	-	53,6	23.974.641	0,962	23.070.602
128	NXH4.19.1	CH-12	7	53,6	-	53,6	23.974.641	0,948	22.716.758
129	NXH4.19.1	CH-13	7	53,6	-	53,6	23.974.641	0,943	22.598.811
130	NXH4.19.1	CH-14	7	53,6	-	53,6	23.974.641	0,943	22.598.811
131	NXH4.19.1	CH-15	7	58,4	-	58,4	23.974.641	0,962	23.070.602
132	NXH4.19.1	CH-16	7	61,3	-	61,3	23.974.641	1,035	24.806.795
133	NXH4.19.1	CH-17	7	61,2	-	61,2	23.974.641	1,035	24.816.231
134	NXH4.19.1	CH-18	7	33,6	-	33,6	23.974.641	0,992	23.778.289
135	NXH4.19.1	CH-19	7	53,7	-	53,7	23.974.641	0,976	23.400.856
136	NXH4.19.1	CH-20	7	53,6	-	53,6	23.974.641	0,969	23.235.729
137	NXH4.19.1	CH-01	8	53,3	-	53,3	23.974.641	0,999	23.943.417
138	NXH4.19.1	CH-02	8	53,6	-	53,6	23.974.641	0,989	23.707.521
139	NXH4.19.1	CH-03	8	53,6	-	53,6	23.974.641	0,984	23.589.573
140	NXH4.19.1	CH-04	8	33,4	-	33,4	23.974.641	0,984	23.589.573
141	NXH4.19.1	CH-05	8	68,8	-	68,8	23.974.641	1,088	26.078.273
142	NXH4.19.1	CH-06	8	68,8	-	68,8	23.974.641	1,092	26.186.785
143	NXH4.19.1	CH-07	8	30,0	-	30,0	23.974.641	0,987	23.660.341
144	NXH4.19.1	CH-08	8	30,2	-	30,2	23.974.641	1,000	23.967.006
145	NXH4.19.1	CH-09	8	53,5	-	53,5	23.974.641	0,979	23.471.625
146	NXH4.19.1	CH-10	8	53,5	-	53,5	23.974.641	0,977	23.424.446
147	NXH4.19.1	CH-11	8	53,6	-	53,6	23.974.641	0,977	23.424.446
148	NXH4.19.1	CH-12	8	53,6	-	53,6	23.974.641	0,962	23.070.602
149	NXH4.19.1	CH-13	8	53,6	-	53,6	23.974.641	0,957	22.952.655
150	NXH4.19.1	CH-14	8	53,6	-	53,6	23.974.641	0,957	22.952.655
151	NXH4.19.1	CH-15	8	58,4	-	58,4	23.974.641	0,977	23.424.446
152	NXH4.19.1	CH-16	8	61,3	-	61,3	23.974.641	1,049	25.160.639
153	NXH4.19.1	CH-17	8	61,2	-	61,2	23.974.641	1,050	25.170.075
154	NXH4.19.1	CH-18	8	33,6	-	33,6	23.974.641	1,007	24.132.133
155	NXH4.19.1	CH-19	8	53,7	-	53,7	23.974.641	0,991	23.754.700
156	NXH4.19.1	CH-20	8	53,6	-	53,6	23.974.641	0,984	23.589.573
157	NXH4.19.1	CH-01	9	53,3	-	53,3	23.974.641	0,982	23.542.394
158	NXH4.19.1	CH-02	9	53,6	-	53,6	23.974.641	0,972	23.306.498
159	NXH4.19.1	CH-03	9	53,6	-	53,6	23.974.641	0,967	23.188.550
160	NXH4.19.1	CH-04	9	33,4	-	33,4	23.974.641	0,967	23.188.550
161	NXH4.19.1	CH-05	9	68,8	-	68,8	23.974.641	1,071	25.677.250
162	NXH4.19.1	CH-06	9	68,8	-	68,8	23.974.641	1,076	25.785.762
163	NXH4.19.1	CH-07	9	30,0	-	30,0	23.974.641	0,970	23.259.319
164	NXH4.19.1	CH-08	9	30,2	-	30,2	23.974.641	0,983	23.565.983
165	NXH4.19.1	CH-09	9	53,5	-	53,5	23.974.641	0,962	23.070.602
166	NXH4.19.1	CH-10	9	53,5	-	53,5	23.974.641	0,960	23.023.423
167	NXH4.19.1	CH-11	9	53,6	-	53,6	23.974.641	0,960	23.023.423
168	NXH4.19.1	CH-12	9	53,6	-	53,6	23.974.641	0,946	22.669.580
169	NXH4.19.1	CH-13	9	53,6	-	53,6	23.974.641	0,941	22.551.631
170	NXH4.19.1	CH-14	9	53,6	-	53,6	23.974.641	0,941	22.551.631
171	NXH4.19.1	CH-15	9	58,4	-	58,4	23.974.641	0,960	23.023.423
172	NXH4.19.1	CH-16	9	61,3	-	61,3	23.974.641	1,033	24.759.615
173	NXH4.19.1	CH-17	9	61,2	-	61,2	23.974.641	1,033	24.769.051
174	NXH4.19.1	CH-18	9	33,6	-	33,6	23.974.641	0,990	23.731.111
175	NXH4.19.1	CH-19	9	53,7	-	53,7	23.974.641	0,974	23.353.677
176	NXH4.19.1	CH-20	9	53,6	-	53,6	23.974.641	0,967	23.188.550

STT	Tôn	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số KI	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
				Diện tích bán	Diện tích cho thuê				
	NXH4.19.2		176	9.211,2	-	9.211,2	23.639.690	1,000	23.639.690
1	NXH4.19.2	CH-01	1	69,9	-	69,9	23.639.690	1,067	25.220.943
2	NXH4.19.2	CH-02	1	67,4	-	67,4	23.639.690	1,057	24.986.982
3	NXH4.19.2	CH-03	1	67,4	-	67,4	23.639.690	1,052	24.870.002

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m ²) Diện tích bán (m ²)	Diện tích cho thuê (m ²)	Tổng diện tích (m ²)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m ²)	Hệ số Kf	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m ²)
4	NXH4.19.2	CH-04	1	69,1	-	69,1	23.639.690	1,037	24.519.061
5	NXH4.19.2	CH-05	1	53,2	-	53,2	23.639.690	1,145	27.071.570
6	NXH4.19.2	CH-06	1	70,0	-	70,0	23.639.690	1,137	26.870.364
7	NXH4.19.2	CH-07	1	30,4	-	30,4	23.639.690	1,059	25.033.774
8	NXH4.19.2	CH-08	1	41,2	-	41,2	23.639.690	1,072	25.337.923
9	NXH4.19.2	CH-09	1	54,6	-	54,6	23.639.690	1,051	24.846.606
10	NXH4.19.2	CH-10	1	54,7	-	54,7	23.639.690	1,049	24.799.814
11	NXH4.19.2	CH-11	1	54,7	-	54,7	23.639.690	1,049	24.799.814
12	NXH4.19.2	CH-12	1	54,7	-	54,7	23.639.690	1,049	24.799.814
13	NXH4.19.2	CH-13	1	33,8	-	33,8	23.639.690	1,034	24.448.873
14	NXH4.19.2	CH-14	1	67,4	-	67,4	23.639.690	1,014	23.980.952
15	NXH4.19.2	CH-15	1	62,4	-	62,4	23.639.690	1,101	26.016.408
16	NXH4.19.2	CH-16	1	67,1	-	67,1	23.639.690	1,125	26.591.951
17	NXH4.19.2	CH-17	1	58,0	-	58,0	23.639.690	1,052	24.870.002
18	NXH4.19.2	CH-18	1	62,2	-	62,2	23.639.690	1,060	25.057.170
19	NXH4.19.2	CH-19	1	54,6	-	54,6	23.639.690	1,069	25.267.735
20	NXH4.19.2	CH-01	2	53,3	-	53,3	23.639.690	0,968	22.881.338
21	NXH4.19.2	CH-02	2	53,6	-	53,6	23.639.690	0,958	22.647.377
22	NXH4.19.2	CH-03	2	53,6	-	53,6	23.639.690	0,953	22.530.397
23	NXH4.19.2	CH-04	2	33,4	-	33,4	23.639.690	0,953	22.530.397
24	NXH4.19.2	CH-05	2	68,8	-	68,8	23.639.690	1,012	23.913.103
25	NXH4.19.2	CH-06	2	68,8	-	68,8	23.639.690	1,033	24.413.779
26	NXH4.19.2	CH-07	2	30,0	-	30,0	23.639.690	0,990	23.396.051
27	NXH4.19.2	CH-08	2	30,2	-	30,2	23.639.690	1,003	23.700.200
28	NXH4.19.2	CH-09	2	53,5	-	53,5	23.639.690	0,982	23.208.882
29	NXH4.19.2	CH-10	2	53,5	-	53,5	23.639.690	0,980	23.162.090
30	NXH4.19.2	CH-11	2	53,6	-	53,6	23.639.690	0,980	23.162.090
31	NXH4.19.2	CH-15	2	58,4	-	58,4	23.639.690	0,980	23.162.090
32	NXH4.19.2	CH-16	2	61,3	-	61,3	23.639.690	1,039	24.565.853
33	NXH4.19.2	CH-17	2	61,2	-	61,2	23.639.690	1,023	24.182.158
34	NXH4.19.2	CH-18	2	33,6	-	33,6	23.639.690	0,976	23.068.506
35	NXH4.19.2	CH-19	2	53,7	-	53,7	23.639.690	0,960	22.694.169
36	NXH4.19.2	CH-20	2	53,6	-	53,6	23.639.690	0,953	22.530.397
37	NXH4.19.2	CH-01	3	53,3	-	53,3	23.639.690	0,973	22.998.318
38	NXH4.19.2	CH-02	3	53,6	-	53,6	23.639.690	0,963	22.764.357
39	NXH4.19.2	CH-03	3	53,6	-	53,6	23.639.690	0,958	22.647.377
40	NXH4.19.2	CH-04	3	33,4	-	33,4	23.639.690	0,958	22.647.377
41	NXH4.19.2	CH-05	3	68,8	-	68,8	23.639.690	1,017	24.030.083
42	NXH4.19.2	CH-06	3	68,8	-	68,8	23.639.690	1,038	24.530.759
43	NXH4.19.2	CH-07	3	30,0	-	30,0	23.639.690	0,995	23.513.031
44	NXH4.19.2	CH-08	3	30,2	-	30,2	23.639.690	1,008	23.817.179
45	NXH4.19.2	CH-09	3	53,5	-	53,5	23.639.690	0,987	23.325.863
46	NXH4.19.2	CH-10	3	53,5	-	53,5	23.639.690	0,985	23.279.071
47	NXH4.19.2	CH-11	3	53,6	-	53,6	23.639.690	0,985	23.279.071
48	NXH4.19.2	CH-12	3	53,6	-	53,6	23.639.690	0,970	22.928.130
49	NXH4.19.2	CH-13	3	53,6	-	53,6	23.639.690	0,965	22.811.150
50	NXH4.19.2	CH-14	3	53,6	-	53,6	23.639.690	0,965	22.811.150
51	NXH4.19.2	CH-15	3	58,4	-	58,4	23.639.690	0,985	23.279.071
52	NXH4.19.2	CH-16	3	61,3	-	61,3	23.639.690	1,044	24.682.834
53	NXH4.19.2	CH-17	3	61,2	-	61,2	23.639.690	1,028	24.299.138
54	NXH4.19.2	CH-18	3	33,6	-	33,6	23.639.690	0,981	23.185.487
55	NXH4.19.2	CH-19	3	53,7	-	53,7	23.639.690	0,965	22.811.150
56	NXH4.19.2	CH-20	3	53,6	-	53,6	23.639.690	0,958	22.647.377
57	NXH4.19.2	CH-01	4	53,3	-	53,3	23.639.690	0,963	22.764.357
58	NXH4.19.2	CH-02	4	53,6	-	53,6	23.639.690	0,953	22.530.397
59	NXH4.19.2	CH-03	4	53,6	-	53,6	23.639.690	0,948	22.413.417
60	NXH4.19.2	CH-04	4	33,4	-	33,4	23.639.690	0,948	22.413.417
61	NXH4.19.2	CH-05	4	68,8	-	68,8	23.639.690	1,007	23.796.124
62	NXH4.19.2	CH-06	4	68,8	-	68,8	23.639.690	1,028	24.296.799
63	NXH4.19.2	CH-07	4	30,0	-	30,0	23.639.690	0,985	23.279.071
64	NXH4.19.2	CH-08	4	30,2	-	30,2	23.639.690	0,998	23.583.220
65	NXH4.19.2	CH-09	4	53,5	-	53,5	23.639.690	0,977	23.091.902
66	NXH4.19.2	CH-10	4	53,5	-	53,5	23.639.690	0,975	23.045.110
67	NXH4.19.2	CH-11	4	53,6	-	53,6	23.639.690	0,975	23.045.110
68	NXH4.19.2	CH-12	4	53,6	-	53,6	23.639.690	0,960	22.694.169
69	NXH4.19.2	CH-13	4	53,6	-	53,6	23.639.690	0,955	22.577.189
70	NXH4.19.2	CH-14	4	53,6	-	53,6	23.639.690	0,955	22.577.189
71	NXH4.19.2	CH-15	4	58,4	-	58,4	23.639.690	0,975	23.045.110
72	NXH4.19.2	CH-16	4	61,3	-	61,3	23.639.690	1,034	24.448.873
73	NXH4.19.2	CH-17	4	61,2	-	61,2	23.639.690	1,018	24.065.178
74	NXH4.19.2	CH-18	4	33,6	-	33,6	23.639.690	0,971	22.951.526
75	NXH4.19.2	CH-19	4	53,7	-	53,7	23.639.690	0,955	22.577.189
76	NXH4.19.2	CH-20	4	53,6	-	53,6	23.639.690	0,948	22.413.417
77	NXH4.19.2	CH-01	5	53,3	-	53,3	23.639.690	0,983	23.232.278
78	NXH4.19.2	CH-02	5	53,6	-	53,6	23.639.690	0,973	22.998.318
79	NXH4.19.2	CH-03	5	53,6	-	53,6	23.639.690	0,968	22.881.338
80	NXH4.19.2	CH-04	5	33,4	-	33,4	23.639.690	0,968	22.881.338
81	NXH4.19.2	CH-05	5	68,8	-	68,8	23.639.690	1,026	24.264.044
82	NXH4.19.2	CH-06	5	68,8	-	68,8	23.639.690	1,048	24.764.719
83	NXH4.19.2	CH-07	5	30,0	-	30,0	23.639.690	1,005	23.746.991

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m ²)		Tổng diện tích (m ²)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m ²)	Hệ số K _i	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m ²)
				Diện tích bán	Diện tích cho thuê				
				(m ²)	(m ²)				
84	NXH4.19.2	CH-08	5	30,2	-	30,2	23.639.690	1,017	24.051.140
85	NXH4.19.2	CH-09	5	53,5	-	53,5	23.639.690	0,997	23.559.823
86	NXH4.19.2	CH-10	5	53,5	-	53,5	23.639.690	0,995	23.513.031
87	NXH4.19.2	CH-11	5	53,6	-	53,6	23.639.690	0,995	23.513.031
88	NXH4.19.2	CH-12	5	53,6	-	53,6	23.639.690	0,980	23.162.090
89	NXH4.19.2	CH-13	5	53,6	-	53,6	23.639.690	0,975	23.045.110
90	NXH4.19.2	CH-14	5	53,6	-	53,6	23.639.690	0,975	23.045.110
91	NXH4.19.2	CH-15	5	58,4	-	58,4	23.639.690	0,995	23.513.031
92	NXH4.19.2	CH-16	5	61,3	-	61,3	23.639.690	1,054	24.916.794
93	NXH4.19.2	CH-17	5	61,2	-	61,2	23.639.690	1,038	24.533.099
94	NXH4.19.2	CH-18	5	33,6	-	33,6	23.639.690	0,991	23.419.447
95	NXH4.19.2	CH-19	5	53,7	-	53,7	23.639.690	0,975	23.045.110
96	NXH4.19.2	CH-20	5	53,6	-	53,6	23.639.690	0,968	22.881.338
97	NXH4.19.2	CH-01	6	53,3	-	53,3	23.639.690	0,988	23.349.259
98	NXH4.19.2	CH-02	6	53,6	-	53,6	23.639.690	0,978	23.115.298
99	NXH4.19.2	CH-03	6	53,6	-	53,6	23.639.690	0,973	22.998.318
100	NXH4.19.2	CH-04	6	33,4	-	33,4	23.639.690	0,973	22.998.318
101	NXH4.19.2	CH-05	6	68,8	-	68,8	23.639.690	1,041	24.614.985
102	NXH4.19.2	CH-06	6	68,8	-	68,8	23.639.690	1,057	24.998.680
103	NXH4.19.2	CH-07	6	30,0	-	30,0	23.639.690	1,009	23.863.972
104	NXH4.19.2	CH-08	6	30,2	-	30,2	23.639.690	1,022	24.168.121
105	NXH4.19.2	CH-09	6	53,5	-	53,5	23.639.690	1,002	23.676.803
106	NXH4.19.2	CH-10	6	53,5	-	53,5	23.639.690	1,000	23.630.011
107	NXH4.19.2	CH-11	6	53,6	-	53,6	23.639.690	1,000	23.630.011
108	NXH4.19.2	CH-12	6	53,6	-	53,6	23.639.690	0,985	23.279.071
109	NXH4.19.2	CH-13	6	53,6	-	53,6	23.639.690	0,980	23.162.090
110	NXH4.19.2	CH-14	6	53,6	-	53,6	23.639.690	0,980	23.162.090
111	NXH4.19.2	CH-15	6	58,4	-	58,4	23.639.690	1,000	23.630.011
112	NXH4.19.2	CH-16	6	61,3	-	61,3	23.639.690	1,069	25.267.735
113	NXH4.19.2	CH-17	6	61,2	-	61,2	23.639.690	1,053	24.884.040
114	NXH4.19.2	CH-18	6	33,6	-	33,6	23.639.690	0,996	23.536.427
115	NXH4.19.2	CH-19	6	53,7	-	53,7	23.639.690	0,980	23.162.090
116	NXH4.19.2	CH-20	6	53,6	-	53,6	23.639.690	0,973	22.998.318
117	NXH4.19.2	CH-01	7	53,3	-	53,3	23.639.690	0,968	22.881.338
118	NXH4.19.2	CH-02	7	53,6	-	53,6	23.639.690	0,958	22.647.377
119	NXH4.19.2	CH-03	7	53,6	-	53,6	23.639.690	0,953	22.530.397
120	NXH4.19.2	CH-04	7	33,4	-	33,4	23.639.690	0,953	22.530.397
121	NXH4.19.2	CH-05	7	68,8	-	68,8	23.639.690	1,021	24.147.064
122	NXH4.19.2	CH-06	7	68,8	-	68,8	23.639.690	1,038	24.530.759
123	NXH4.19.2	CH-07	7	30,0	-	30,0	23.639.690	0,990	23.396.051
124	NXH4.19.2	CH-08	7	30,2	-	30,2	23.639.690	1,003	23.700.200
125	NXH4.19.2	CH-09	7	53,5	-	53,5	23.639.690	0,982	23.208.882
126	NXH4.19.2	CH-10	7	53,5	-	53,5	23.639.690	0,980	23.162.090
127	NXH4.19.2	CH-11	7	53,6	-	53,6	23.639.690	0,980	23.162.090
128	NXH4.19.2	CH-12	7	53,6	-	53,6	23.639.690	0,965	22.811.150
129	NXH4.19.2	CH-13	7	53,6	-	53,6	23.639.690	0,960	22.694.169
130	NXH4.19.2	CH-14	7	53,6	-	53,6	23.639.690	0,960	22.694.169
131	NXH4.19.2	CH-15	7	58,4	-	58,4	23.639.690	0,980	23.162.090
132	NXH4.19.2	CH-16	7	61,3	-	61,3	23.639.690	1,049	24.799.814
133	NXH4.19.2	CH-17	7	61,2	-	61,2	23.639.690	1,033	24.416.119
134	NXH4.19.2	CH-18	7	33,6	-	33,6	23.639.690	0,976	23.068.506
135	NXH4.19.2	CH-19	7	53,7	-	53,7	23.639.690	0,960	22.694.169
136	NXH4.19.2	CH-20	7	53,6	-	53,6	23.639.690	0,953	22.530.397
137	NXH4.19.2	CH-01	8	53,3	-	53,3	23.639.690	0,983	23.232.278
138	NXH4.19.2	CH-02	8	53,6	-	53,6	23.639.690	0,973	22.998.318
139	NXH4.19.2	CH-03	8	53,6	-	53,6	23.639.690	0,968	22.881.338
140	NXH4.19.2	CH-04	8	33,4	-	33,4	23.639.690	0,968	22.881.338
141	NXH4.19.2	CH-05	8	68,8	-	68,8	23.639.690	1,036	24.498.005
142	NXH4.19.2	CH-06	8	68,8	-	68,8	23.639.690	1,053	24.881.700
143	NXH4.19.2	CH-07	8	30,0	-	30,0	23.639.690	1,005	23.746.991
144	NXH4.19.2	CH-08	8	30,2	-	30,2	23.639.690	1,017	24.051.140
145	NXH4.19.2	CH-09	8	53,5	-	53,5	23.639.690	0,997	23.559.823
146	NXH4.19.2	CH-10	8	53,5	-	53,5	23.639.690	0,995	23.513.031
147	NXH4.19.2	CH-11	8	53,6	-	53,6	23.639.690	0,995	23.513.031
148	NXH4.19.2	CH-12	8	53,6	-	53,6	23.639.690	0,980	23.162.090
149	NXH4.19.2	CH-13	8	53,6	-	53,6	23.639.690	0,975	23.045.110
150	NXH4.19.2	CH-14	8	53,6	-	53,6	23.639.690	0,975	23.045.110
151	NXH4.19.2	CH-15	8	58,4	-	58,4	23.639.690	0,995	23.513.031
152	NXH4.19.2	CH-16	8	61,3	-	61,3	23.639.690	1,064	25.150.755
153	NXH4.19.2	CH-17	8	61,2	-	61,2	23.639.690	1,048	24.767.059
154	NXH4.19.2	CH-18	8	33,6	-	33,6	23.639.690	0,991	23.419.447
155	NXH4.19.2	CH-19	8	53,7	-	53,7	23.639.690	0,975	23.045.110
156	NXH4.19.2	CH-20	8	53,6	-	53,6	23.639.690	0,968	22.881.338
157	NXH4.19.2	CH-01	9	53,3	-	53,3	23.639.690	0,966	22.834.545
158	NXH4.19.2	CH-02	9	53,6	-	53,6	23.639.690	0,956	22.600.585
159	NXH4.19.2	CH-03	9	53,6	-	53,6	23.639.690	0,951	22.483.605
160	NXH4.19.2	CH-04	9	33,4	-	33,4	23.639.690	0,951	22.483.605
161	NXH4.19.2	CH-05	9	68,8	-	68,8	23.639.690	1,019	24.100.272
162	NXH4.19.2	CH-06	9	68,8	-	68,8	23.639.690	1,036	24.483.967
163	NXH4.19.2	CH-07	9	30,0	-	30,0	23.639.690	0,988	23.349.259

STT	Tên	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2) Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)	Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số K1	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
164	NXH4.19.2	CH-08	9	30,2	-	30,2	23.639.690	1,001	23.653.408
165	NXH4.19.2	CH-09	9	53,5	-	53,5	23.639.690	0,980	23.162.090
166	NXH4.19.2	CH-10	9	53,5	-	53,5	23.639.690	0,978	23.115.298
167	NXH4.19.2	CH-11	9	53,6	-	53,6	23.639.690	0,978	23.115.298
168	NXH4.19.2	CH-12	9	53,6	-	53,6	23.639.690	0,963	22.764.357
169	NXH4.19.2	CH-13	9	53,6	-	53,6	23.639.690	0,958	22.647.377
170	NXH4.19.2	CH-14	9	53,6	-	53,6	23.639.690	0,958	22.647.377
171	NXH4.19.2	CH-15	9	58,4	-	58,4	23.639.690	0,978	23.115.298
172	NXH4.19.2	CH-16	9	61,3	-	61,3	23.639.690	1,047	24.753.022
173	NXH4.19.2	CH-17	9	61,2	-	61,2	23.639.690	1,031	24.369.326
174	NXH4.19.2	CH-18	9	33,6	-	33,6	23.639.690	0,974	23.021.714
175	NXH4.19.2	CH-19	9	53,7	-	53,7	23.639.690	0,958	22.647.377
176	NXH4.19.2	CH-20	9	53,6	-	53,6	23.639.690	0,951	22.483.605

STT	Tên	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2) Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)	Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số K1	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
NXH4.19.3				176					
1	NXH4.19.3	CH-01	1	69,9	-	69,9	22.164.918	1,000	22.164.918
2	NXH4.19.3	CH-02	1	67,4	-	67,4	22.164.918	1,079	23.912.640
3	NXH4.19.3	CH-03	1	67,4	-	67,4	22.164.918	1,069	23.693.258
4	NXH4.19.3	CH-04	1	69,1	-	69,1	22.164.918	1,064	23.583.567
5	NXH4.19.3	CH-05	1	53,2	-	53,2	22.164.918	1,049	23.254.494
6	NXH4.19.3	CH-06	1	70,0	-	70,0	22.164.918	1,104	24.472.065
7	NXH4.19.3	CH-07	1	29,2	-	29,2	22.164.918	1,128	25.011.744
8	NXH4.19.3	CH-08	1	38,9	-	38,9	22.164.918	1,047	23.210.618
9	NXH4.19.3	CH-09	1	54,6	-	54,6	22.164.918	1,060	23.495.815
10	NXH4.19.3	CH-10	1	54,7	-	54,7	22.164.918	1,039	23.035.112
11	NXH4.19.3	CH-11	1	54,7	-	54,7	22.164.918	1,037	22.991.236
12	NXH4.19.3	CH-12	1	54,7	-	54,7	22.164.918	1,037	22.991.236
13	NXH4.19.3	CH-13	1	33,8	-	33,8	22.164.918	1,037	22.991.236
14	NXH4.19.3	CH-14	1	64,9	-	64,9	22.164.918	1,022	22.662.163
15	NXH4.19.3	CH-15	1	62,4	-	62,4	22.164.918	1,003	22.223.399
16	NXH4.19.3	CH-16	1	67,1	-	67,1	22.164.918	1,092	24.211.000
17	NXH4.19.3	CH-17	1	56,8	-	56,8	22.164.918	1,133	25.119.242
18	NXH4.19.3	CH-18	1	62,2	-	62,2	22.164.918	1,079	23.912.640
19	NXH4.19.3	CH-19	1	54,6	-	54,6	22.164.918	1,072	23.759.073
20	NXH4.19.3	CH-20	1	53,3	-	53,3	22.164.918	1,081	23.956.517
21	NXH4.19.3	CH-01	2	53,3	-	53,3	22.164.918	0,980	21.718.820
22	NXH4.19.3	CH-02	2	53,6	-	53,6	22.164.918	0,970	21.499.439
23	NXH4.19.3	CH-03	2	53,6	-	53,6	22.164.918	0,965	21.389.747
24	NXH4.19.3	CH-04	2	33,4	-	33,4	22.164.918	0,965	21.389.747
25	NXH4.19.3	CH-05	2	68,8	-	68,8	22.164.918	1,040	23.046.082
26	NXH4.19.3	CH-06	2	68,8	-	68,8	22.164.918	1,025	22.708.233
27	NXH4.19.3	CH-07	2	28,8	-	28,8	22.164.918	0,978	21.674.944
28	NXH4.19.3	CH-08	2	29,0	-	29,0	22.164.918	0,991	21.960.141
29	NXH4.19.3	CH-09	2	53,5	-	53,5	22.164.918	0,970	21.499.439
30	NXH4.19.3	CH-10	2	53,5	-	53,5	22.164.918	0,968	21.455.562
31	NXH4.19.3	CH-11	2	53,6	-	53,6	22.164.918	0,968	21.455.562
32	NXH4.19.3	CH-12	2	56,0	-	56,0	22.164.918	0,968	21.455.562
33	NXH4.19.3	CH-13	2	61,3	-	61,3	22.164.918	1,031	22.850.832
34	NXH4.19.3	CH-14	2	61,2	-	61,2	22.164.918	1,031	22.859.606
35	NXH4.19.3	CH-15	2	33,6	-	33,6	22.164.918	0,988	21.894.326
36	NXH4.19.3	CH-16	2	53,7	-	53,7	22.164.918	0,972	21.543.314
37	NXH4.19.3	CH-17	2	53,6	-	53,6	22.164.918	0,965	21.389.747
38	NXH4.19.3	CH-18	2	53,6	-	53,6	22.164.918	0,985	21.828.512
39	NXH4.19.3	CH-19	2	53,3	-	53,3	22.164.918	0,975	21.609.129
40	NXH4.19.3	CH-20	2	53,6	-	53,6	22.164.918	0,970	21.499.439
41	NXH4.19.3	CH-01	3	33,4	-	33,4	22.164.918	0,970	21.499.439
42	NXH4.19.3	CH-02	3	68,8	-	68,8	22.164.918	1,045	23.155.772
43	NXH4.19.3	CH-03	3	68,8	-	68,8	22.164.918	1,029	22.817.925
44	NXH4.19.3	CH-04	3	28,8	-	28,8	22.164.918	0,983	21.784.635
45	NXH4.19.3	CH-05	3	29,0	-	29,0	22.164.918	0,996	22.069.831
46	NXH4.19.3	CH-06	3	53,5	-	53,5	22.164.918	0,975	21.609.129
47	NXH4.19.3	CH-07	3	53,5	-	53,5	22.164.918	0,973	21.565.253
48	NXH4.19.3	CH-08	3	53,6	-	53,6	22.164.918	0,973	21.565.253
49	NXH4.19.3	CH-09	3	53,6	-	53,6	22.164.918	0,958	21.236.180
50	NXH4.19.3	CH-10	3	53,6	-	53,6	22.164.918	0,953	21.126.489
51	NXH4.19.3	CH-11	3	53,6	-	53,6	22.164.918	0,953	21.126.489
52	NXH4.19.3	CH-12	3	56,0	-	56,0	22.164.918	0,973	21.565.253
53	NXH4.19.3	CH-13	3	61,3	-	61,3	22.164.918	1,036	22.960.522
54	NXH4.19.3	CH-14	3	61,2	-	61,2	22.164.918	1,036	22.969.298
55	NXH4.19.3	CH-15	3	33,6	-	33,6	22.164.918	0,993	22.004.017
56	NXH4.19.3	CH-16	3	53,7	-	53,7	22.164.918	0,977	21.653.006
57	NXH4.19.3	CH-17	3	53,6	-	53,6	22.164.918	0,970	21.499.439
58	NXH4.19.3	CH-18	3	53,3	-	53,3	22.164.918	0,975	21.609.129
59	NXH4.19.3	CH-19	3	53,6	-	53,6	22.164.918	0,965	21.389.747
60	NXH4.19.3	CH-20	3	53,6	-	53,6	22.164.918	0,960	21.280.056
61	NXH4.19.3	CH-01	4	33,4	-	33,4	22.164.918	0,960	21.280.056
62	NXH4.19.3	CH-02	4	68,8	-	68,8	22.164.918	1,035	22.936.390

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2) Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)	Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số Kt	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
62	NXH4.19.3	CH-06	4	68,8	-	68,8	22.164.918	1,020	22.598.542
63	NXH4.19.3	CH-07	4	28,8	-	28,8	22.164.918	0,973	21.565.253
64	NXH4.19.3	CH-08	4	29,0	-	29,0	22.164.918	0,986	21.850.450
65	NXH4.19.3	CH-09	4	53,5	-	53,5	22.164.918	0,965	21.389.747
66	NXH4.19.3	CH-10	4	53,5	-	53,5	22.164.918	0,963	21.345.871
67	NXH4.19.3	CH-11	4	53,6	-	53,6	22.164.918	0,963	21.345.871
68	NXH4.19.3	CH-12	4	53,6	-	53,6	22.164.918	0,948	21.016.798
69	NXH4.19.3	CH-13	4	53,6	-	53,6	22.164.918	0,943	20.907.107
70	NXH4.19.3	CH-14	4	53,6	-	53,6	22.164.918	0,943	20.907.107
71	NXH4.19.3	CH-15	4	56,0	-	56,0	22.164.918	0,963	21.345.871
72	NXH4.19.3	CH-16	4	61,3	-	61,3	22.164.918	1,026	22.741.141
73	NXH4.19.3	CH-17	4	61,2	-	61,2	22.164.918	1,026	22.749.916
74	NXH4.19.3	CH-18	4	33,6	-	33,6	22.164.918	0,983	21.784.635
75	NXH4.19.3	CH-19	4	53,7	-	53,7	22.164.918	0,967	21.433.624
76	NXH4.19.3	CH-20	4	53,6	-	53,6	22.164.918	0,960	21.280.056
77	NXH4.19.3	CH-01	5	53,3	-	53,3	22.164.918	0,995	22.047.893
78	NXH4.19.3	CH-02	5	53,6	-	53,6	22.164.918	0,985	21.828.512
79	NXH4.19.3	CH-03	5	53,6	-	53,6	22.164.918	0,980	21.718.820
80	NXH4.19.3	CH-04	5	33,4	-	33,4	22.164.918	0,980	21.718.820
81	NXH4.19.3	CH-05	5	68,8	-	68,8	22.164.918	1,055	23.375.155
82	NXH4.19.3	CH-06	5	68,8	-	68,8	22.164.918	1,039	23.037.306
83	NXH4.19.3	CH-07	5	28,8	-	28,8	22.164.918	0,993	22.004.017
84	NXH4.19.3	CH-08	5	29,0	-	29,0	22.164.918	1,006	22.289.214
85	NXH4.19.3	CH-09	5	53,5	-	53,5	22.164.918	0,985	21.828.512
86	NXH4.19.3	CH-10	5	53,5	-	53,5	22.164.918	0,983	21.784.635
87	NXH4.19.3	CH-11	5	53,6	-	53,6	22.164.918	0,983	21.784.635
88	NXH4.19.3	CH-12	5	53,6	-	53,6	22.164.918	0,968	21.455.562
89	NXH4.19.3	CH-13	5	53,6	-	53,6	22.164.918	0,963	21.345.871
90	NXH4.19.3	CH-14	5	53,6	-	53,6	22.164.918	0,963	21.345.871
91	NXH4.19.3	CH-15	5	56,0	-	56,0	22.164.918	0,983	21.784.635
92	NXH4.19.3	CH-16	5	61,3	-	61,3	22.164.918	1,046	23.179.905
93	NXH4.19.3	CH-17	5	61,2	-	61,2	22.164.918	1,046	23.188.679
94	NXH4.19.3	CH-18	5	33,6	-	33,6	22.164.918	1,003	22.223.399
95	NXH4.19.3	CH-19	5	53,7	-	53,7	22.164.918	0,987	21.872.387
96	NXH4.19.3	CH-20	5	53,6	-	53,6	22.164.918	0,980	21.718.820
97	NXH4.19.3	CH-01	6	53,3	-	53,3	22.164.918	1,000	22.157.585
98	NXH4.19.3	CH-02	6	53,6	-	53,6	22.164.918	0,990	21.938.202
99	NXH4.19.3	CH-03	6	53,6	-	53,6	22.164.918	0,985	21.828.512
100	NXH4.19.3	CH-04	6	33,4	-	33,4	22.164.918	0,985	21.828.512
101	NXH4.19.3	CH-05	6	68,8	-	68,8	22.164.918	1,060	23.484.845
102	NXH4.19.3	CH-06	6	68,8	-	68,8	22.164.918	1,049	23.256.688
103	NXH4.19.3	CH-07	6	28,8	-	28,8	22.164.918	0,998	22.113.708
104	NXH4.19.3	CH-08	6	29,0	-	29,0	22.164.918	1,011	22.398.904
105	NXH4.19.3	CH-09	6	53,5	-	53,5	22.164.918	0,990	21.938.202
106	NXH4.19.3	CH-10	6	53,5	-	53,5	22.164.918	0,988	21.894.326
107	NXH4.19.3	CH-11	6	53,6	-	53,6	22.164.918	0,988	21.894.326
108	NXH4.19.3	CH-12	6	53,6	-	53,6	22.164.918	0,973	21.565.253
109	NXH4.19.3	CH-13	6	53,6	-	53,6	22.164.918	0,968	21.455.562
110	NXH4.19.3	CH-14	6	53,6	-	53,6	22.164.918	0,968	21.455.562
111	NXH4.19.3	CH-15	6	56,0	-	56,0	22.164.918	0,988	21.894.326
112	NXH4.19.3	CH-16	6	61,3	-	61,3	22.164.918	1,061	23.508.978
113	NXH4.19.3	CH-17	6	61,2	-	61,2	22.164.918	1,061	23.517.752
114	NXH4.19.3	CH-18	6	33,6	-	33,6	22.164.918	1,008	22.333.090
115	NXH4.19.3	CH-19	6	53,7	-	53,7	22.164.918	0,992	21.982.079
116	NXH4.19.3	CH-20	6	53,6	-	53,6	22.164.918	0,985	21.828.512
117	NXH4.19.3	CH-01	7	53,3	-	53,3	22.164.918	0,980	21.718.820
118	NXH4.19.3	CH-02	7	53,6	-	53,6	22.164.918	0,970	21.499.439
119	NXH4.19.3	CH-03	7	53,6	-	53,6	22.164.918	0,965	21.389.747
120	NXH4.19.3	CH-04	7	33,4	-	33,4	22.164.918	0,965	21.389.747
121	NXH4.19.3	CH-05	7	68,8	-	68,8	22.164.918	1,040	23.046.082
122	NXH4.19.3	CH-06	7	68,8	-	68,8	22.164.918	1,029	22.817.925
123	NXH4.19.3	CH-07	7	28,8	-	28,8	22.164.918	0,978	21.674.944
124	NXH4.19.3	CH-08	7	29,0	-	29,0	22.164.918	0,991	21.960.141
125	NXH4.19.3	CH-09	7	53,5	-	53,5	22.164.918	0,970	21.499.439
126	NXH4.19.3	CH-10	7	53,5	-	53,5	22.164.918	0,968	21.455.562
127	NXH4.19.3	CH-11	7	53,6	-	53,6	22.164.918	0,968	21.455.562
128	NXH4.19.3	CH-12	7	53,6	-	53,6	22.164.918	0,953	21.126.489
129	NXH4.19.3	CH-13	7	53,6	-	53,6	22.164.918	0,948	21.016.798
130	NXH4.19.3	CH-14	7	53,6	-	53,6	22.164.918	0,948	21.016.798
131	NXH4.19.3	CH-15	7	56,0	-	56,0	22.164.918	0,968	21.455.562
132	NXH4.19.3	CH-16	7	61,3	-	61,3	22.164.918	1,041	23.070.214
133	NXH4.19.3	CH-17	7	61,2	-	61,2	22.164.918	1,041	23.078.989
134	NXH4.19.3	CH-18	7	33,6	-	33,6	22.164.918	0,988	21.894.326
135	NXH4.19.3	CH-19	7	53,7	-	53,7	22.164.918	0,972	21.543.314
136	NXH4.19.3	CH-20	7	53,6	-	53,6	22.164.918	0,965	21.389.747
137	NXH4.19.3	CH-01	8	53,3	-	53,3	22.164.918	0,995	22.047.893
138	NXH4.19.3	CH-02	8	53,6	-	53,6	22.164.918	0,985	21.828.512
139	NXH4.19.3	CH-03	8	53,6	-	53,6	22.164.918	0,980	21.718.820
140	NXH4.19.3	CH-04	8	33,4	-	33,4	22.164.918	0,980	21.718.820
141	NXH4.19.3	CH-05	8	68,8	-	68,8	22.164.918	1,055	23.375.155

[Handwritten signature]

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số Kí	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
				Diện tích bán	Diện tích cho thuê				
142	NXH4.19.3	CH-06	8	68,8	-	68,8	22.164.918	1,044	23.146.998
143	NXH4.19.3	CH-07	8	28,8	-	28,8	22.164.918	0,993	22.004.017
144	NXH4.19.3	CH-08	8	29,0	-	29,0	22.164.918	1,006	22.289.214
145	NXH4.19.3	CH-09	8	53,5	-	53,5	22.164.918	0,985	21.828.512
146	NXH4.19.3	CH-10	8	53,5	-	53,5	22.164.918	0,983	21.784.635
147	NXH4.19.3	CH-11	8	53,6	-	53,6	22.164.918	0,983	21.784.635
148	NXH4.19.3	CH-12	8	53,6	-	53,6	22.164.918	0,968	21.455.562
149	NXH4.19.3	CH-13	8	53,6	-	53,6	22.164.918	0,963	21.345.871
150	NXH4.19.3	CH-14	8	53,6	-	53,6	22.164.918	0,963	21.345.871
151	NXH4.19.3	CH-15	8	56,0	-	56,0	22.164.918	0,983	21.784.635
152	NXH4.19.3	CH-16	8	61,3	-	61,3	22.164.918	1,056	23.399.287
153	NXH4.19.3	CH-17	8	61,2	-	61,2	22.164.918	1,056	23.408.062
154	NXH4.19.3	CH-18	8	33,6	-	33,6	22.164.918	1,003	22.223.399
155	NXH4.19.3	CH-19	8	53,7	-	53,7	22.164.918	0,987	21.872.387
156	NXH4.19.3	CH-20	8	53,6	-	53,6	22.164.918	0,980	21.718.820
157	NXH4.19.3	CH-01	9	53,3	-	53,3	22.164.918	0,978	21.674.944
158	NXH4.19.3	CH-02	9	53,6	-	53,6	22.164.918	0,968	21.455.562
159	NXH4.19.3	CH-03	9	53,6	-	53,6	22.164.918	0,963	21.345.871
160	NXH4.19.3	CH-04	9	33,4	-	33,4	22.164.918	0,963	21.345.871
161	NXH4.19.3	CH-05	9	68,8	-	68,8	22.164.918	1,038	23.002.205
162	NXH4.19.3	CH-06	9	68,8	-	68,8	22.164.918	1,027	22.774.048
163	NXH4.19.3	CH-07	9	28,8	-	28,8	22.164.918	0,976	21.631.068
164	NXH4.19.3	CH-08	9	29,0	-	29,0	22.164.918	0,989	21.916.264
165	NXH4.19.3	CH-09	9	53,5	-	53,5	22.164.918	0,968	21.455.562
166	NXH4.19.3	CH-10	9	53,5	-	53,5	22.164.918	0,966	21.411.685
167	NXH4.19.3	CH-11	9	53,6	-	53,6	22.164.918	0,966	21.411.685
168	NXH4.19.3	CH-12	9	53,6	-	53,6	22.164.918	0,951	21.082.612
169	NXH4.19.3	CH-13	9	53,6	-	53,6	22.164.918	0,946	20.972.922
170	NXH4.19.3	CH-14	9	53,6	-	53,6	22.164.918	0,946	20.972.922
171	NXH4.19.3	CH-15	9	56,0	-	56,0	22.164.918	0,966	21.411.685
172	NXH4.19.3	CH-16	9	61,3	-	61,3	22.164.918	1,039	23.026.337
173	NXH4.19.3	CH-17	9	61,2	-	61,2	22.164.918	1,039	23.035.112
174	NXH4.19.3	CH-18	9	33,6	-	33,6	22.164.918	0,986	21.850.450
175	NXH4.19.3	CH-19	9	53,7	-	53,7	22.164.918	0,970	21.499.439
176	NXH4.19.3	CH-20	9	53,6	-	53,6	22.164.918	0,963	21.345.871

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số Kí	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
				Diện tích bán	Diện tích cho thuê				
	NXH4.19.4		176	9.165,6	-	9.165,6	22.388.548	1,000	22.388.548
1	NXH4.19.4	CH-01	1	69,9	-	69,9	22.388.548	1,052	23.561.003
2	NXH4.19.4	CH-02	1	67,4	-	67,4	22.388.548	1,043	23.342.441
3	NXH4.19.4	CH-03	1	67,4	-	67,4	22.388.548	1,038	23.233.160
4	NXH4.19.4	CH-04	1	69,1	-	69,1	22.388.548	1,023	22.905.316
5	NXH4.19.4	CH-05	1	53,2	-	53,2	22.388.548	1,110	24.852.705
6	NXH4.19.4	CH-06	1	70,0	-	70,0	22.388.548	1,102	24.664.742
7	NXH4.19.4	CH-07	1	29,2	-	29,2	22.388.548	1,045	23.386.153
8	NXH4.19.4	CH-08	1	38,9	-	38,9	22.388.548	1,057	23.670.284
9	NXH4.19.4	CH-09	1	54,6	-	54,6	22.388.548	1,037	23.211.303
10	NXH4.19.4	CH-10	1	54,7	-	54,7	22.388.548	1,035	23.167.591
11	NXH4.19.4	CH-11	1	54,7	-	54,7	22.388.548	1,035	23.167.591
12	NXH4.19.4	CH-12	1	54,7	-	54,7	22.388.548	1,035	23.167.591
13	NXH4.19.4	CH-13	1	33,8	-	33,8	22.388.548	1,020	22.839.748
14	NXH4.19.4	CH-14	1	64,9	-	64,9	22.388.548	1,001	22.402.623
15	NXH4.19.4	CH-15	1	62,4	-	62,4	22.388.548	1,086	24.304.114
16	NXH4.19.4	CH-16	1	67,1	-	67,1	22.388.548	1,119	25.060.340
17	NXH4.19.4	CH-17	1	56,8	-	56,8	22.388.548	1,052	23.561.003
18	NXH4.19.4	CH-18	1	62,2	-	62,2	22.388.548	1,046	23.408.010
19	NXH4.19.4	CH-19	1	54,6	-	54,6	22.388.548	1,054	23.604.716
20	NXH4.19.4	CH-01	2	53,3	-	53,3	22.388.548	0,984	22.031.068
21	NXH4.19.4	CH-02	2	53,6	-	53,6	22.388.548	0,974	21.812.506
22	NXH4.19.4	CH-03	2	53,6	-	53,6	22.388.548	0,969	21.703.224
23	NXH4.19.4	CH-04	2	33,4	-	33,4	22.388.548	0,969	21.703.224
24	NXH4.19.4	CH-05	2	68,8	-	68,8	22.388.548	1,037	23.213.489
25	NXH4.19.4	CH-06	2	68,8	-	68,8	22.388.548	1,028	23.025.526
26	NXH4.19.4	CH-07	2	28,8	-	28,8	22.388.548	0,976	21.856.218
27	NXH4.19.4	CH-08	2	29,0	-	29,0	22.388.548	0,989	22.140.348
28	NXH4.19.4	CH-09	2	53,5	-	53,5	22.388.548	0,968	21.681.368
29	NXH4.19.4	CH-10	2	53,5	-	53,5	22.388.548	0,966	21.637.656
30	NXH4.19.4	CH-11	2	53,6	-	53,6	22.388.548	0,966	21.637.656
31	NXH4.19.4	CH-15	2	56,0	-	56,0	22.388.548	0,966	21.637.656
32	NXH4.19.4	CH-16	2	61,3	-	61,3	22.388.548	1,025	22.949.029
33	NXH4.19.4	CH-17	2	61,2	-	61,2	22.388.548	1,048	23.464.836
34	NXH4.19.4	CH-18	2	33,6	-	33,6	22.388.548	0,992	22.205.917
35	NXH4.19.4	CH-19	2	53,7	-	53,7	22.388.548	0,976	21.856.218
36	NXH4.19.4	CH-20	2	53,6	-	53,6	22.388.548	0,969	21.703.224
37	NXH4.19.4	CH-01	3	53,3	-	53,3	22.388.548	0,989	22.140.348
38	NXH4.19.4	CH-02	3	53,6	-	53,6	22.388.548	0,979	21.921.787
39	NXH4.19.4	CH-03	3	53,6	-	53,6	22.388.548	0,974	21.812.506

9/2

STT	Tha	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số KI	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
				Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)				
40	NXH4.19.4	CH-04	3	33,4	-	33,4	22.388.548	0,974	21.812.506
41	NXH4.19.4	CH-05	3	68,8	-	68,8	22.388.548	1,042	23.322.770
42	NXH4.19.4	CH-06	3	68,8	-	68,8	22.388.548	1,033	23.134.806
43	NXH4.19.4	CH-07	3	28,8	-	28,8	22.388.548	0,981	21.965.499
44	NXH4.19.4	CH-08	3	29,0	-	29,0	22.388.548	0,994	22.249.630
45	NXH4.19.4	CH-09	3	53,5	-	53,5	22.388.548	0,973	21.790.649
46	NXH4.19.4	CH-10	3	53,5	-	53,5	22.388.548	0,971	21.746.937
47	NXH4.19.4	CH-11	3	53,6	-	53,6	22.388.548	0,971	21.746.937
48	NXH4.19.4	CH-12	3	53,6	-	53,6	22.388.548	0,957	21.419.094
49	NXH4.19.4	CH-13	3	53,6	-	53,6	22.388.548	0,952	21.309.813
50	NXH4.19.4	CH-14	3	53,6	-	53,6	22.388.548	0,952	21.309.813
51	NXH4.19.4	CH-15	3	56,0	-	56,0	22.388.548	0,971	21.746.937
52	NXH4.19.4	CH-16	3	61,3	-	61,3	22.388.548	1,030	23.058.310
53	NXH4.19.4	CH-17	3	61,2	-	61,2	22.388.548	1,053	23.574.117
54	NXH4.19.4	CH-18	3	33,6	-	33,6	22.388.548	0,997	22.315.199
55	NXH4.19.4	CH-19	3	53,7	-	53,7	22.388.548	0,981	21.965.499
56	NXH4.19.4	CH-20	3	53,6	-	53,6	22.388.548	0,974	21.812.506
57	NXH4.19.4	CH-01	4	53,3	-	53,3	22.388.548	0,979	21.921.787
58	NXH4.19.4	CH-02	4	53,6	-	53,6	22.388.548	0,969	21.703.224
59	NXH4.19.4	CH-03	4	53,6	-	53,6	22.388.548	0,965	21.593.943
60	NXH4.19.4	CH-04	4	33,4	-	33,4	22.388.548	1,032	23.104.208
61	NXH4.19.4	CH-05	4	68,8	-	68,8	22.388.548	1,024	22.916.245
62	NXH4.19.4	CH-06	4	68,8	-	68,8	22.388.548	0,971	21.746.937
63	NXH4.19.4	CH-07	4	28,8	-	28,8	22.388.548	0,984	22.031.068
64	NXH4.19.4	CH-08	4	29,0	-	29,0	22.388.548	0,964	21.572.088
65	NXH4.19.4	CH-09	4	53,5	-	53,5	22.388.548	0,962	21.528.374
66	NXH4.19.4	CH-10	4	53,5	-	53,5	22.388.548	0,962	21.528.374
67	NXH4.19.4	CH-11	4	53,6	-	53,6	22.388.548	0,947	21.200.532
68	NXH4.19.4	CH-12	4	53,6	-	53,6	22.388.548	0,942	21.091.250
69	NXH4.19.4	CH-13	4	53,6	-	53,6	22.388.548	0,942	21.091.250
70	NXH4.19.4	CH-14	4	53,6	-	53,6	22.388.548	0,962	21.528.374
71	NXH4.19.4	CH-15	4	56,0	-	56,0	22.388.548	1,020	22.839.748
72	NXH4.19.4	CH-16	4	61,3	-	61,3	22.388.548	1,043	23.355.554
73	NXH4.19.4	CH-17	4	61,2	-	61,2	22.388.548	0,987	22.096.636
74	NXH4.19.4	CH-18	4	33,6	-	33,6	22.388.548	0,971	21.746.937
75	NXH4.19.4	CH-19	4	53,7	-	53,7	22.388.548	0,965	21.593.943
76	NXH4.19.4	CH-20	4	53,6	-	53,6	22.388.548	0,999	22.358.911
77	NXH4.19.4	CH-01	5	53,3	-	53,3	22.388.548	0,989	22.140.348
78	NXH4.19.4	CH-02	5	53,6	-	53,6	22.388.548	0,984	22.031.068
79	NXH4.19.4	CH-03	5	53,6	-	53,6	22.388.548	0,984	22.031.068
80	NXH4.19.4	CH-04	5	33,4	-	33,4	22.388.548	1,051	23.541.332
81	NXH4.19.4	CH-05	5	68,8	-	68,8	22.388.548	1,043	23.353.369
82	NXH4.19.4	CH-06	5	68,8	-	68,8	22.388.548	0,991	22.184.062
83	NXH4.19.4	CH-07	5	28,8	-	28,8	22.388.548	1,004	22.468.192
84	NXH4.19.4	CH-08	5	29,0	-	29,0	22.388.548	0,983	22.009.212
85	NXH4.19.4	CH-09	5	53,5	-	53,5	22.388.548	0,981	21.965.499
86	NXH4.19.4	CH-10	5	53,5	-	53,5	22.388.548	0,981	21.965.499
87	NXH4.19.4	CH-11	5	53,6	-	53,6	22.388.548	0,966	21.637.656
88	NXH4.19.4	CH-12	5	53,6	-	53,6	22.388.548	0,962	21.528.374
89	NXH4.19.4	CH-13	5	53,6	-	53,6	22.388.548	0,962	21.528.374
90	NXH4.19.4	CH-14	5	53,6	-	53,6	22.388.548	0,981	21.965.499
91	NXH4.19.4	CH-15	5	56,0	-	56,0	22.388.548	1,040	23.276.872
92	NXH4.19.4	CH-16	5	61,3	-	61,3	22.388.548	1,063	23.792.679
93	NXH4.19.4	CH-17	5	61,2	-	61,2	22.388.548	1,006	22.533.761
94	NXH4.19.4	CH-18	5	33,6	-	33,6	22.388.548	0,991	22.184.062
95	NXH4.19.4	CH-19	5	53,7	-	53,7	22.388.548	0,984	22.031.068
96	NXH4.19.4	CH-20	5	53,6	-	53,6	22.388.548	1,004	22.468.192
97	NXH4.19.4	CH-01	6	53,3	-	53,3	22.388.548	0,994	22.249.630
98	NXH4.19.4	CH-02	6	53,6	-	53,6	22.388.548	0,989	22.140.348
99	NXH4.19.4	CH-03	6	53,6	-	53,6	22.388.548	0,989	22.140.348
100	NXH4.19.4	CH-04	6	33,4	-	33,4	22.388.548	1,066	23.869.176
101	NXH4.19.4	CH-05	6	68,8	-	68,8	22.388.548	1,058	23.681.213
102	NXH4.19.4	CH-06	6	68,8	-	68,8	22.388.548	0,996	22.293.342
103	NXH4.19.4	CH-07	6	28,8	-	28,8	22.388.548	1,008	22.577.473
104	NXH4.19.4	CH-08	6	29,0	-	29,0	22.388.548	0,988	22.118.493
105	NXH4.19.4	CH-09	6	53,5	-	53,5	22.388.548	0,986	22.074.780
106	NXH4.19.4	CH-10	6	53,5	-	53,5	22.388.548	0,986	22.074.780
107	NXH4.19.4	CH-11	6	53,6	-	53,6	22.388.548	0,971	21.746.937
108	NXH4.19.4	CH-12	6	53,6	-	53,6	22.388.548	0,966	21.637.656
109	NXH4.19.4	CH-13	6	53,6	-	53,6	22.388.548	0,966	21.637.656
110	NXH4.19.4	CH-14	6	53,6	-	53,6	22.388.548	0,986	22.074.780
111	NXH4.19.4	CH-15	6	56,0	-	56,0	22.388.548	1,054	23.604.716
112	NXH4.19.4	CH-16	6	61,3	-	61,3	22.388.548	1,077	24.120.522
113	NXH4.19.4	CH-17	6	61,2	-	61,2	22.388.548	1,011	22.643.042
114	NXH4.19.4	CH-18	6	33,6	-	33,6	22.388.548	0,996	22.293.342
115	NXH4.19.4	CH-19	6	53,7	-	53,7	22.388.548	0,989	22.140.348
116	NXH4.19.4	CH-20	6	53,6	-	53,6	22.388.548	0,984	22.031.068
117	NXH4.19.4	CH-01	7	53,3	-	53,3	22.388.548	0,974	21.812.506
118	NXH4.19.4	CH-02	7	53,6	-	53,6	22.388.548	0,969	21.703.224
119	NXH4.19.4	CH-03	7	53,6	-	53,6	22.388.548		

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số K _i	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
				Diện tích bán	Diện tích cho thuê	(m2)			
120	NXH4.19.4	CH-04	7	33,4	-	33,4	22.388.548	0,969	21.703.224
121	NXH4.19.4	CH-05	7	68,8	-	68,8	22.388.548	1,047	23.432.051
122	NXH4.19.4	CH-06	7	68,8	-	68,8	22.388.548	1,038	23.244.088
123	NXH4.19.4	CH-07	7	28,8	-	28,8	22.388.548	0,976	21.856.218
124	NXH4.19.4	CH-08	7	29,0	-	29,0	22.388.548	0,989	22.140.348
125	NXH4.19.4	CH-09	7	53,5	-	53,5	22.388.548	0,968	21.681.368
126	NXH4.19.4	CH-10	7	53,5	-	53,5	22.388.548	0,966	21.637.656
127	NXH4.19.4	CH-11	7	53,6	-	53,6	22.388.548	0,966	21.637.656
128	NXH4.19.4	CH-12	7	53,6	-	53,6	22.388.548	0,952	21.309.813
129	NXH4.19.4	CH-13	7	53,6	-	53,6	22.388.548	0,947	21.200.532
130	NXH4.19.4	CH-14	7	53,6	-	53,6	22.388.548	0,947	21.200.532
131	NXH4.19.4	CH-15	7	56,0	-	56,0	22.388.548	0,966	21.637.656
132	NXH4.19.4	CH-16	7	61,3	-	61,3	22.388.548	1,035	23.167.591
133	NXH4.19.4	CH-17	7	61,2	-	61,2	22.388.548	1,058	23.683.398
134	NXH4.19.4	CH-18	7	33,6	-	33,6	22.388.548	0,992	22.205.917
135	NXH4.19.4	CH-19	7	53,7	-	53,7	22.388.548	0,976	21.856.218
136	NXH4.19.4	CH-20	7	53,6	-	53,6	22.388.548	0,969	21.703.224
137	NXH4.19.4	CH-01	8	53,3	-	53,3	22.388.548	0,999	22.358.911
138	NXH4.19.4	CH-02	8	53,6	-	53,6	22.388.548	0,989	22.140.348
139	NXH4.19.4	CH-03	8	53,6	-	53,6	22.388.548	0,984	22.031.068
140	NXH4.19.4	CH-04	8	33,4	-	33,4	22.388.548	0,984	22.031.068
141	NXH4.19.4	CH-05	8	68,8	-	68,8	22.388.548	1,061	23.759.895
142	NXH4.19.4	CH-06	8	68,8	-	68,8	22.388.548	1,053	23.571.931
143	NXH4.19.4	CH-07	8	28,8	-	28,8	22.388.548	0,991	22.184.062
144	NXH4.19.4	CH-08	8	29,0	-	29,0	22.388.548	1,004	22.468.192
145	NXH4.19.4	CH-09	8	53,5	-	53,5	22.388.548	0,983	22.009.212
146	NXH4.19.4	CH-10	8	53,5	-	53,5	22.388.548	0,981	21.965.499
147	NXH4.19.4	CH-11	8	53,6	-	53,6	22.388.548	0,981	21.965.499
148	NXH4.19.4	CH-12	8	53,6	-	53,6	22.388.548	0,966	21.637.656
149	NXH4.19.4	CH-13	8	53,6	-	53,6	22.388.548	0,962	21.528.374
150	NXH4.19.4	CH-14	8	53,6	-	53,6	22.388.548	0,962	21.528.374
151	NXH4.19.4	CH-15	8	56,0	-	56,0	22.388.548	0,981	21.965.499
152	NXH4.19.4	CH-16	8	61,3	-	61,3	22.388.548	1,049	23.495.435
153	NXH4.19.4	CH-17	8	61,2	-	61,2	22.388.548	1,072	24.011.241
154	NXH4.19.4	CH-18	8	33,6	-	33,6	22.388.548	1,006	22.533.761
155	NXH4.19.4	CH-19	8	53,7	-	53,7	22.388.548	0,991	22.184.062
156	NXH4.19.4	CH-20	8	53,6	-	53,6	22.388.548	0,984	22.031.068
157	NXH4.19.4	CH-01	9	53,3	-	53,3	22.388.548	0,982	21.987.355
158	NXH4.19.4	CH-02	9	53,6	-	53,6	22.388.548	0,972	21.768.793
159	NXH4.19.4	CH-03	9	53,6	-	53,6	22.388.548	0,967	21.659.512
160	NXH4.19.4	CH-04	9	33,4	-	33,4	22.388.548	0,967	21.659.512
161	NXH4.19.4	CH-05	9	68,8	-	68,8	22.388.548	1,045	23.388.339
162	NXH4.19.4	CH-06	9	68,8	-	68,8	22.388.548	1,036	23.200.375
163	NXH4.19.4	CH-07	9	28,8	-	28,8	22.388.548	0,974	21.812.506
164	NXH4.19.4	CH-08	9	29,0	-	29,0	22.388.548	0,987	22.096.636
165	NXH4.19.4	CH-09	9	53,5	-	53,5	22.388.548	0,966	21.637.656
166	NXH4.19.4	CH-10	9	53,5	-	53,5	22.388.548	0,965	21.593.943
167	NXH4.19.4	CH-11	9	53,6	-	53,6	22.388.548	0,965	21.593.943
168	NXH4.19.4	CH-12	9	53,6	-	53,6	22.388.548	0,950	21.266.101
169	NXH4.19.4	CH-13	9	53,6	-	53,6	22.388.548	0,945	21.156.819
170	NXH4.19.4	CH-14	9	53,6	-	53,6	22.388.548	0,945	21.156.819
171	NXH4.19.4	CH-15	9	56,0	-	56,0	22.388.548	0,965	21.593.943
172	NXH4.19.4	CH-16	9	61,3	-	61,3	22.388.548	1,033	23.123.879
173	NXH4.19.4	CH-17	9	61,2	-	61,2	22.388.548	1,056	23.639.686
174	NXH4.19.4	CH-18	9	33,6	-	33,6	22.388.548	0,990	22.162.205
175	NXH4.19.4	CH-19	9	53,7	-	53,7	22.388.548	0,974	21.812.506
176	NXH4.19.4	CH-20	9	53,6	-	53,6	22.388.548	0,967	21.659.512

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số K _i	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
				Diện tích bán	Diện tích cho thuê	(m2)			
NXH4.19.5				9.211,2	-	9.211,2	23.863.319	1,000	23.863.319
1	NXH4.19.5	CH-01	1	69,9	-	69,9	23.863.319	1,066	25.447.238
2	NXH4.19.5	CH-02	1	67,4	-	67,4	23.863.319	1,057	25.213.777
3	NXH4.19.5	CH-03	1	67,4	-	67,4	23.863.319	1,052	25.097.046
4	NXH4.19.5	CH-04	1	69,1	-	69,1	23.863.319	1,037	24.746.856
5	NXH4.19.5	CH-05	1	53,2	-	53,2	23.863.319	1,140	27.209.868
6	NXH4.19.5	CH-06	1	70,0	-	70,0	23.863.319	1,115	26.616.877
7	NXH4.19.5	CH-07	1	30,4	-	30,4	23.863.319	1,035	24.700.163
8	NXH4.19.5	CH-08	1	41,2	-	41,2	23.863.319	1,048	25.003.662
9	NXH4.19.5	CH-09	1	54,6	-	54,6	23.863.319	1,027	24.513.395
10	NXH4.19.5	CH-10	1	54,7	-	54,7	23.863.319	1,025	24.466.702
11	NXH4.19.5	CH-11	1	54,7	-	54,7	23.863.319	1,025	24.466.702
12	NXH4.19.5	CH-12	1	54,7	-	54,7	23.863.319	1,025	24.466.702
13	NXH4.19.5	CH-13	1	33,8	-	33,8	23.863.319	1,011	24.116.511
14	NXH4.19.5	CH-14	1	67,4	-	67,4	23.863.319	0,991	23.649.589
15	NXH4.19.5	CH-15	1	62,4	-	62,4	23.863.319	1,080	25.764.745
16	NXH4.19.5	CH-16	1	67,1	-	67,1	23.863.319	1,130	26.964.734
17	NXH4.19.5	CH-17	1	58,0	-	58,0	23.863.319	1,052	25.097.046

STT	Tên	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2) Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)	Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số KI	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
18	NXH4.19.5	CH-18	1	62,2	-	62,2	23.863.319	1,060	25.283.815
19	NXH4.19.5	CH-19	1	54,6	-	54,6	23.863.319	1,068	25.493.930
20	NXH4.19.5	CH-01	2	53,3	-	53,3	23.863.319	0,998	23.813.012
21	NXH4.19.5	CH-02	2	53,6	-	53,6	23.863.319	0,988	23.579.551
22	NXH4.19.5	CH-03	2	53,6	-	53,6	23.863.319	0,983	23.462.820
23	NXH4.19.5	CH-04	2	33,4	-	33,4	23.863.319	0,983	23.462.820
24	NXH4.19.5	CH-05	2	68,8	-	68,8	23.863.319	1,038	24.758.528
25	NXH4.19.5	CH-06	2	68,8	-	68,8	23.863.319	1,013	24.165.538
26	NXH4.19.5	CH-07	2	30,0	-	30,0	23.863.319	0,967	23.065.936
27	NXH4.19.5	CH-08	2	30,2	-	30,2	23.863.319	0,979	23.369.436
28	NXH4.19.5	CH-09	2	53,5	-	53,5	23.863.319	0,959	22.879.169
29	NXH4.19.5	CH-10	2	53,5	-	53,5	23.863.319	0,957	22.832.476
30	NXH4.19.5	CH-11	2	53,6	-	53,6	23.863.319	0,957	22.832.476
31	NXH4.19.5	CH-15	2	58,4	-	58,4	23.863.319	0,957	22.832.476
32	NXH4.19.5	CH-16	2	61,3	-	61,3	23.863.319	1,019	24.317.287
33	NXH4.19.5	CH-17	2	61,2	-	61,2	23.863.319	1,059	25.260.469
34	NXH4.19.5	CH-18	2	33,6	-	33,6	23.863.319	1,006	23.999.780
35	NXH4.19.5	CH-19	2	53,7	-	53,7	23.863.319	0,990	23.626.243
36	NXH4.19.5	CH-20	2	53,6	-	53,6	23.863.319	0,983	23.462.820
37	NXH4.19.5	CH-01	3	53,3	-	53,3	23.863.319	1,003	23.929.742
38	NXH4.19.5	CH-02	3	53,6	-	53,6	23.863.319	0,993	23.696.282
39	NXH4.19.5	CH-03	3	53,6	-	53,6	23.863.319	0,988	23.579.551
40	NXH4.19.5	CH-04	3	33,4	-	33,4	23.863.319	0,988	23.579.551
41	NXH4.19.5	CH-05	3	68,8	-	68,8	23.863.319	1,042	24.875.258
42	NXH4.19.5	CH-06	3	68,8	-	68,8	23.863.319	1,018	24.282.268
43	NXH4.19.5	CH-07	3	30,0	-	30,0	23.863.319	0,971	23.182.667
44	NXH4.19.5	CH-08	3	30,2	-	30,2	23.863.319	0,984	23.486.167
45	NXH4.19.5	CH-09	3	53,5	-	53,5	23.863.319	0,964	22.995.898
46	NXH4.19.5	CH-10	3	53,5	-	53,5	23.863.319	0,962	22.949.206
47	NXH4.19.5	CH-11	3	53,6	-	53,6	23.863.319	0,962	22.949.206
48	NXH4.19.5	CH-12	3	53,6	-	53,6	23.863.319	0,947	22.599.015
49	NXH4.19.5	CH-13	3	53,6	-	53,6	23.863.319	0,942	22.482.285
50	NXH4.19.5	CH-14	3	53,6	-	53,6	23.863.319	0,942	22.482.285
51	NXH4.19.5	CH-15	3	58,4	-	58,4	23.863.319	0,962	22.949.206
52	NXH4.19.5	CH-16	3	61,3	-	61,3	23.863.319	1,024	24.434.018
53	NXH4.19.5	CH-17	3	61,2	-	61,2	23.863.319	1,063	25.377.200
54	NXH4.19.5	CH-18	3	33,6	-	33,6	23.863.319	1,011	24.116.511
55	NXH4.19.5	CH-19	3	53,7	-	53,7	23.863.319	0,995	23.742.974
56	NXH4.19.5	CH-20	3	53,6	-	53,6	23.863.319	0,988	23.579.551
57	NXH4.19.5	CH-01	4	53,3	-	53,3	23.863.319	0,993	23.696.282
58	NXH4.19.5	CH-02	4	53,6	-	53,6	23.863.319	0,983	23.462.820
59	NXH4.19.5	CH-03	4	53,6	-	53,6	23.863.319	0,978	23.346.090
60	NXH4.19.5	CH-04	4	33,4	-	33,4	23.863.319	0,978	23.346.090
61	NXH4.19.5	CH-05	4	68,8	-	68,8	23.863.319	1,033	24.641.798
62	NXH4.19.5	CH-06	4	68,8	-	68,8	23.863.319	1,008	24.048.807
63	NXH4.19.5	CH-07	4	30,0	-	30,0	23.863.319	0,962	22.949.206
64	NXH4.19.5	CH-08	4	30,2	-	30,2	23.863.319	0,974	23.252.705
65	NXH4.19.5	CH-09	4	53,5	-	53,5	23.863.319	0,954	22.762.438
66	NXH4.19.5	CH-10	4	53,5	-	53,5	23.863.319	0,952	22.715.746
67	NXH4.19.5	CH-11	4	53,6	-	53,6	23.863.319	0,952	22.715.746
68	NXH4.19.5	CH-12	4	53,6	-	53,6	23.863.319	0,937	22.365.554
69	NXH4.19.5	CH-13	4	53,6	-	53,6	23.863.319	0,932	22.248.823
70	NXH4.19.5	CH-14	4	53,6	-	53,6	23.863.319	0,932	22.248.823
71	NXH4.19.5	CH-15	4	58,4	-	58,4	23.863.319	0,952	22.715.746
72	NXH4.19.5	CH-16	4	61,3	-	61,3	23.863.319	1,014	24.200.557
73	NXH4.19.5	CH-17	4	61,2	-	61,2	23.863.319	1,054	25.143.739
74	NXH4.19.5	CH-18	4	33,6	-	33,6	23.863.319	1,001	23.883.049
75	NXH4.19.5	CH-19	4	53,7	-	53,7	23.863.319	0,985	23.509.513
76	NXH4.19.5	CH-20	4	53,6	-	53,6	23.863.319	0,978	23.346.090
77	NXH4.19.5	CH-01	5	53,3	-	53,3	23.863.319	1,013	24.163.203
78	NXH4.19.5	CH-02	5	53,6	-	53,6	23.863.319	1,003	23.929.742
79	NXH4.19.5	CH-03	5	53,6	-	53,6	23.863.319	0,998	23.813.012
80	NXH4.19.5	CH-04	5	33,4	-	33,4	23.863.319	0,998	23.813.012
81	NXH4.19.5	CH-05	5	68,8	-	68,8	23.863.319	1,052	25.108.720
82	NXH4.19.5	CH-06	5	68,8	-	68,8	23.863.319	1,027	24.515.729
83	NXH4.19.5	CH-07	5	30,0	-	30,0	23.863.319	0,981	23.416.128
84	NXH4.19.5	CH-08	5	30,2	-	30,2	23.863.319	0,994	23.719.628
85	NXH4.19.5	CH-09	5	53,5	-	53,5	23.863.319	0,973	23.229.359
86	NXH4.19.5	CH-10	5	53,5	-	53,5	23.863.319	0,971	23.182.667
87	NXH4.19.5	CH-11	5	53,6	-	53,6	23.863.319	0,971	23.182.667
88	NXH4.19.5	CH-12	5	53,6	-	53,6	23.863.319	0,957	22.832.476
89	NXH4.19.5	CH-13	5	53,6	-	53,6	23.863.319	0,952	22.715.746
90	NXH4.19.5	CH-14	5	53,6	-	53,6	23.863.319	0,952	22.715.746
91	NXH4.19.5	CH-15	5	58,4	-	58,4	23.863.319	0,971	23.182.667
92	NXH4.19.5	CH-16	5	61,3	-	61,3	23.863.319	1,034	24.667.478
93	NXH4.19.5	CH-17	5	61,2	-	61,2	23.863.319	1,073	25.610.661
94	NXH4.19.5	CH-18	5	33,6	-	33,6	23.863.319	1,020	24.349.972
95	NXH4.19.5	CH-19	5	53,7	-	53,7	23.863.319	1,005	23.976.434
96	NXH4.19.5	CH-20	5	53,6	-	53,6	23.863.319	0,998	23.813.012
97	NXH4.19.5	CH-01	6	53,3	-	53,3	23.863.319	1,017	24.279.933

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số K1	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
				Diện tích bán	Diện tích cho thuê				
98	NXH4.19.5	CH-02	6	53,6	-	53,6	23.863.319	1,008	24.046.472
99	NXH4.19.5	CH-03	6	53,6	-	53,6	23.863.319	1,003	23.929.742
100	NXH4.19.5	CH-04	6	33,4	-	33,4	23.863.319	1,003	23.929.742
101	NXH4.19.5	CH-05	6	68,8	-	68,8	23.863.319	1,062	25.342.181
102	NXH4.19.5	CH-06	6	68,8	-	68,8	23.863.319	1,037	24.749.190
103	NXH4.19.5	CH-07	6	30,0	-	30,0	23.863.319	0,986	23.532.859
104	NXH4.19.5	CH-08	6	30,2	-	30,2	23.863.319	0,999	23.836.357
105	NXH4.19.5	CH-09	6	53,5	-	53,5	23.863.319	0,978	23.346.090
106	NXH4.19.5	CH-10	6	53,5	-	53,5	23.863.319	0,976	23.299.398
107	NXH4.19.5	CH-11	6	53,6	-	53,6	23.863.319	0,976	23.299.398
108	NXH4.19.5	CH-12	6	53,6	-	53,6	23.863.319	0,962	22.949.206
109	NXH4.19.5	CH-13	6	53,6	-	53,6	23.863.319	0,957	22.832.476
110	NXH4.19.5	CH-14	6	53,6	-	53,6	23.863.319	0,957	22.832.476
111	NXH4.19.5	CH-15	6	58,4	-	58,4	23.863.319	0,976	23.299.398
112	NXH4.19.5	CH-16	6	61,3	-	61,3	23.863.319	1,048	25.017.670
113	NXH4.19.5	CH-17	6	61,2	-	61,2	23.863.319	1,088	25.960.852
114	NXH4.19.5	CH-18	6	33,6	-	33,6	23.863.319	1,025	24.466.702
115	NXH4.19.5	CH-19	6	53,7	-	53,7	23.863.319	1,010	24.093.165
116	NXH4.19.5	CH-20	6	53,6	-	53,6	23.863.319	1,003	23.929.742
117	NXH4.19.5	CH-01	7	53,3	-	53,3	23.863.319	0,998	23.813.012
118	NXH4.19.5	CH-02	7	53,6	-	53,6	23.863.319	0,988	23.579.551
119	NXH4.19.5	CH-03	7	53,6	-	53,6	23.863.319	0,983	23.462.820
120	NXH4.19.5	CH-04	7	33,4	-	33,4	23.863.319	0,983	23.462.820
121	NXH4.19.5	CH-05	7	68,8	-	68,8	23.863.319	1,042	24.875.258
122	NXH4.19.5	CH-06	7	68,8	-	68,8	23.863.319	1,018	24.282.268
123	NXH4.19.5	CH-07	7	30,0	-	30,0	23.863.319	0,967	23.065.936
124	NXH4.19.5	CH-08	7	30,2	-	30,2	23.863.319	0,979	23.369.436
125	NXH4.19.5	CH-09	7	53,5	-	53,5	23.863.319	0,959	22.879.169
126	NXH4.19.5	CH-10	7	53,5	-	53,5	23.863.319	0,957	22.832.476
127	NXH4.19.5	CH-11	7	53,6	-	53,6	23.863.319	0,957	22.832.476
128	NXH4.19.5	CH-12	7	53,6	-	53,6	23.863.319	0,942	22.482.285
129	NXH4.19.5	CH-13	7	53,6	-	53,6	23.863.319	0,937	22.365.554
130	NXH4.19.5	CH-14	7	53,6	-	53,6	23.863.319	0,937	22.365.554
131	NXH4.19.5	CH-15	7	58,4	-	58,4	23.863.319	0,957	22.832.476
132	NXH4.19.5	CH-16	7	61,3	-	61,3	23.863.319	1,029	24.550.749
133	NXH4.19.5	CH-17	7	61,2	-	61,2	23.863.319	1,068	25.493.930
134	NXH4.19.5	CH-18	7	33,6	-	33,6	23.863.319	1,006	23.999.780
135	NXH4.19.5	CH-19	7	53,7	-	53,7	23.863.319	0,990	23.626.243
136	NXH4.19.5	CH-20	7	53,6	-	53,6	23.863.319	0,983	23.462.820
137	NXH4.19.5	CH-01	8	53,3	-	53,3	23.863.319	1,013	24.163.203
138	NXH4.19.5	CH-02	8	53,6	-	53,6	23.863.319	1,003	23.929.742
139	NXH4.19.5	CH-03	8	53,6	-	53,6	23.863.319	0,998	23.813.012
140	NXH4.19.5	CH-04	8	33,4	-	33,4	23.863.319	0,998	23.813.012
141	NXH4.19.5	CH-05	8	68,8	-	68,8	23.863.319	1,057	25.225.450
142	NXH4.19.5	CH-06	8	68,8	-	68,8	23.863.319	1,032	24.632.459
143	NXH4.19.5	CH-07	8	30,0	-	30,0	23.863.319	0,981	23.416.128
144	NXH4.19.5	CH-08	8	30,2	-	30,2	23.863.319	0,994	23.719.628
145	NXH4.19.5	CH-09	8	53,5	-	53,5	23.863.319	0,973	23.229.359
146	NXH4.19.5	CH-10	8	53,5	-	53,5	23.863.319	0,971	23.182.667
147	NXH4.19.5	CH-11	8	53,6	-	53,6	23.863.319	0,971	23.182.667
148	NXH4.19.5	CH-12	8	53,6	-	53,6	23.863.319	0,957	22.832.476
149	NXH4.19.5	CH-13	8	53,6	-	53,6	23.863.319	0,952	22.715.746
150	NXH4.19.5	CH-14	8	53,6	-	53,6	23.863.319	0,952	22.715.746
151	NXH4.19.5	CH-15	8	58,4	-	58,4	23.863.319	0,971	23.182.667
152	NXH4.19.5	CH-16	8	61,3	-	61,3	23.863.319	1,043	24.900.939
153	NXH4.19.5	CH-17	8	61,2	-	61,2	23.863.319	1,083	25.844.121
154	NXH4.19.5	CH-18	8	33,6	-	33,6	23.863.319	1,020	24.349.972
155	NXH4.19.5	CH-19	8	53,7	-	53,7	23.863.319	1,005	23.976.434
156	NXH4.19.5	CH-20	8	53,6	-	53,6	23.863.319	0,998	23.813.012
157	NXH4.19.5	CH-01	9	53,3	-	53,3	23.863.319	0,996	23.766.320
158	NXH4.19.5	CH-02	9	53,6	-	53,6	23.863.319	0,986	23.532.859
159	NXH4.19.5	CH-03	9	53,6	-	53,6	23.863.319	0,981	23.416.128
160	NXH4.19.5	CH-04	9	33,4	-	33,4	23.863.319	0,981	23.416.128
161	NXH4.19.5	CH-05	9	68,8	-	68,8	23.863.319	1,040	24.828.566
162	NXH4.19.5	CH-06	9	68,8	-	68,8	23.863.319	1,016	24.235.576
163	NXH4.19.5	CH-07	9	30,0	-	30,0	23.863.319	0,965	23.019.244
164	NXH4.19.5	CH-08	9	30,2	-	30,2	23.863.319	0,977	23.322.744
165	NXH4.19.5	CH-09	9	53,5	-	53,5	23.863.319	0,957	22.832.476
166	NXH4.19.5	CH-10	9	53,5	-	53,5	23.863.319	0,955	22.785.784
167	NXH4.19.5	CH-11	9	53,6	-	53,6	23.863.319	0,955	22.785.784
168	NXH4.19.5	CH-12	9	53,6	-	53,6	23.863.319	0,940	22.435.592
169	NXH4.19.5	CH-13	9	53,6	-	53,6	23.863.319	0,935	22.318.862
170	NXH4.19.5	CH-14	9	53,6	-	53,6	23.863.319	0,935	22.318.862
171	NXH4.19.5	CH-15	9	58,4	-	58,4	23.863.319	0,955	22.785.784
172	NXH4.19.5	CH-16	9	61,3	-	61,3	23.863.319	1,027	24.504.056
173	NXH4.19.5	CH-17	9	61,2	-	61,2	23.863.319	1,066	25.447.238
174	NXH4.19.5	CH-18	9	33,6	-	33,6	23.863.319	1,004	23.953.088

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số K1	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
				Diện tích bán	Diện tích cho thuê				
175	NXH4.19.5	CH-19	9	53,7	-	53,7	23.863.319	0,988	23.579.551
176	NXH4.19.5	CH-20	9	53,6	-	53,6	23.863.319	0,981	23.416.128

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số K1	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
				Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)				
NXH4.19.6			176	9.211,2	-	9.211,2	23.639.690	1,000	23.639.690
1	NXH4.19.6	CH-01	1	69,9	-	69,9	23.639.690	1,067	25.220.943
2	NXH4.19.6	CH-02	1	67,4	-	67,4	23.639.690	1,057	24.986.982
3	NXH4.19.6	CH-03	1	67,4	-	67,4	23.639.690	1,052	24.870.002
4	NXH4.19.6	CH-04	1	69,1	-	69,1	23.639.690	1,037	24.519.061
5	NXH4.19.6	CH-05	1	53,2	-	53,2	23.639.690	1,145	27.071.570
6	NXH4.19.6	CH-06	1	70,0	-	70,0	23.639.690	1,137	26.870.364
7	NXH4.19.6	CH-07	1	30,4	-	30,4	23.639.690	1,059	25.033.774
8	NXH4.19.6	CH-08	1	41,2	-	41,2	23.639.690	1,072	25.337.923
9	NXH4.19.6	CH-09	1	54,6	-	54,6	23.639.690	1,051	24.846.606
10	NXH4.19.6	CH-10	1	54,7	-	54,7	23.639.690	1,049	24.799.814
11	NXH4.19.6	CH-11	1	54,7	-	54,7	23.639.690	1,049	24.799.814
12	NXH4.19.6	CH-12	1	54,7	-	54,7	23.639.690	1,049	24.799.814
13	NXH4.19.6	CH-13	1	33,8	-	33,8	23.639.690	1,034	24.448.873
14	NXH4.19.6	CH-14	1	67,4	-	67,4	23.639.690	1,014	23.980.952
15	NXH4.19.6	CH-15	1	62,4	-	62,4	23.639.690	1,101	26.016.408
16	NXH4.19.6	CH-16	1	67,1	-	67,1	23.639.690	1,125	26.591.951
17	NXH4.19.6	CH-17	1	58,0	-	58,0	23.639.690	1,052	24.870.002
18	NXH4.19.6	CH-18	1	62,2	-	62,2	23.639.690	1,060	25.057.170
19	NXH4.19.6	CH-19	1	54,6	-	54,6	23.639.690	1,069	25.267.735
20	NXH4.19.6	CH-01	2	53,3	-	53,3	23.639.690	0,968	22.881.338
21	NXH4.19.6	CH-02	2	53,6	-	53,6	23.639.690	0,958	22.647.377
22	NXH4.19.6	CH-03	2	53,6	-	53,6	23.639.690	0,953	22.530.397
23	NXH4.19.6	CH-04	2	33,4	-	33,4	23.639.690	0,953	22.530.397
24	NXH4.19.6	CH-05	2	68,8	-	68,8	23.639.690	1,012	23.913.103
25	NXH4.19.6	CH-06	2	68,8	-	68,8	23.639.690	1,033	24.413.779
26	NXH4.19.6	CH-07	2	30,0	-	30,0	23.639.690	0,990	23.396.051
27	NXH4.19.6	CH-08	2	30,2	-	30,2	23.639.690	1,003	23.700.200
28	NXH4.19.6	CH-09	2	53,5	-	53,5	23.639.690	0,982	23.208.882
29	NXH4.19.6	CH-10	2	53,5	-	53,5	23.639.690	0,980	23.162.090
30	NXH4.19.6	CH-11	2	53,6	-	53,6	23.639.690	0,980	23.162.090
31	NXH4.19.6	CH-15	2	58,4	-	58,4	23.639.690	0,980	23.162.090
32	NXH4.19.6	CH-16	2	61,3	-	61,3	23.639.690	1,039	24.565.853
33	NXH4.19.6	CH-17	2	61,2	-	61,2	23.639.690	1,023	24.182.158
34	NXH4.19.6	CH-18	2	33,6	-	33,6	23.639.690	0,976	23.068.506
35	NXH4.19.6	CH-19	2	53,7	-	53,7	23.639.690	0,960	22.694.169
36	NXH4.19.6	CH-20	2	53,6	-	53,6	23.639.690	0,953	22.530.397
37	NXH4.19.6	CH-01	3	53,3	-	53,3	23.639.690	0,973	22.998.318
38	NXH4.19.6	CH-02	3	53,6	-	53,6	23.639.690	0,963	22.764.357
39	NXH4.19.6	CH-03	3	53,6	-	53,6	23.639.690	0,958	22.647.377
40	NXH4.19.6	CH-04	3	33,4	-	33,4	23.639.690	0,958	22.647.377
41	NXH4.19.6	CH-05	3	68,8	-	68,8	23.639.690	1,017	24.030.083
42	NXH4.19.6	CH-06	3	68,8	-	68,8	23.639.690	1,038	24.530.759
43	NXH4.19.6	CH-07	3	30,0	-	30,0	23.639.690	0,995	23.513.031
44	NXH4.19.6	CH-08	3	30,2	-	30,2	23.639.690	1,008	23.817.179
45	NXH4.19.6	CH-09	3	53,5	-	53,5	23.639.690	0,987	23.325.863
46	NXH4.19.6	CH-10	3	53,5	-	53,5	23.639.690	0,985	23.279.071
47	NXH4.19.6	CH-11	3	53,6	-	53,6	23.639.690	0,985	23.279.071
48	NXH4.19.6	CH-12	3	53,6	-	53,6	23.639.690	0,970	22.928.130
49	NXH4.19.6	CH-13	3	53,6	-	53,6	23.639.690	0,965	22.811.150
50	NXH4.19.6	CH-14	3	53,6	-	53,6	23.639.690	0,965	22.811.150
51	NXH4.19.6	CH-15	3	58,4	-	58,4	23.639.690	0,985	23.279.071
52	NXH4.19.6	CH-16	3	61,3	-	61,3	23.639.690	1,044	24.682.834
53	NXH4.19.6	CH-17	3	61,2	-	61,2	23.639.690	1,028	24.299.138
54	NXH4.19.6	CH-18	3	33,6	-	33,6	23.639.690	0,981	23.185.487
55	NXH4.19.6	CH-19	3	53,7	-	53,7	23.639.690	0,965	22.811.150
56	NXH4.19.6	CH-20	3	53,6	-	53,6	23.639.690	0,958	22.647.377
57	NXH4.19.6	CH-01	4	53,3	-	53,3	23.639.690	0,963	22.764.357
58	NXH4.19.6	CH-02	4	53,6	-	53,6	23.639.690	0,953	22.530.397
59	NXH4.19.6	CH-03	4	53,6	-	53,6	23.639.690	0,948	22.413.417
60	NXH4.19.6	CH-04	4	33,4	-	33,4	23.639.690	0,948	22.413.417
61	NXH4.19.6	CH-05	4	68,8	-	68,8	23.639.690	1,007	23.796.124
62	NXH4.19.6	CH-06	4	68,8	-	68,8	23.639.690	1,028	24.296.799
63	NXH4.19.6	CH-07	4	30,0	-	30,0	23.639.690	0,985	23.279.071
64	NXH4.19.6	CH-08	4	30,2	-	30,2	23.639.690	0,998	23.583.220
65	NXH4.19.6	CH-09	4	53,5	-	53,5	23.639.690	0,977	23.091.902
66	NXH4.19.6	CH-10	4	53,5	-	53,5	23.639.690	0,975	23.045.110
67	NXH4.19.6	CH-11	4	53,6	-	53,6	23.639.690	0,975	23.045.110
68	NXH4.19.6	CH-12	4	53,6	-	53,6	23.639.690	0,960	22.694.169
69	NXH4.19.6	CH-13	4	53,6	-	53,6	23.639.690	0,955	22.577.189
70	NXH4.19.6	CH-14	4	53,6	-	53,6	23.639.690	0,955	22.577.189
71	NXH4.19.6	CH-15	4	58,4	-	58,4	23.639.690	0,975	23.045.110
72	NXH4.19.6	CH-16	4	61,3	-	61,3	23.639.690	1,034	24.448.873

STT	Tôn	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số K1	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
				Diện tích bán	Diện tích cho thuê				
73	NXH4.19.6	CH-17	4	61,2	-	61,2	23.639.690	1,018	24.065.178
74	NXH4.19.6	CH-18	4	33,6	-	33,6	23.639.690	0,971	22.951.526
75	NXH4.19.6	CH-19	4	53,7	-	53,7	23.639.690	0,955	22.577.189
76	NXH4.19.6	CH-20	4	53,6	-	53,6	23.639.690	0,948	22.413.417
77	NXH4.19.6	CH-01	5	53,3	-	53,3	23.639.690	0,983	23.232.278
78	NXH4.19.6	CH-02	5	53,6	-	53,6	23.639.690	0,973	22.998.318
79	NXH4.19.6	CH-03	5	53,6	-	53,6	23.639.690	0,968	22.881.338
80	NXH4.19.6	CH-04	5	33,4	-	33,4	23.639.690	0,968	22.881.338
81	NXH4.19.6	CH-05	5	68,8	-	68,8	23.639.690	1,026	24.264.044
82	NXH4.19.6	CH-06	5	68,8	-	68,8	23.639.690	1,048	24.764.719
83	NXH4.19.6	CH-07	5	30,0	-	30,0	23.639.690	1,005	23.746.991
84	NXH4.19.6	CH-08	5	30,2	-	30,2	23.639.690	1,017	24.051.140
85	NXH4.19.6	CH-09	5	53,5	-	53,5	23.639.690	0,997	23.559.823
86	NXH4.19.6	CH-10	5	53,5	-	53,5	23.639.690	0,995	23.513.031
87	NXH4.19.6	CH-11	5	53,6	-	53,6	23.639.690	0,995	23.513.031
88	NXH4.19.6	CH-12	5	53,6	-	53,6	23.639.690	0,980	23.162.090
89	NXH4.19.6	CH-13	5	53,6	-	53,6	23.639.690	0,975	23.045.110
90	NXH4.19.6	CH-14	5	53,6	-	53,6	23.639.690	0,975	23.045.110
91	NXH4.19.6	CH-15	5	58,4	-	58,4	23.639.690	0,995	23.513.031
92	NXH4.19.6	CH-16	5	61,3	-	61,3	23.639.690	1,054	24.916.794
93	NXH4.19.6	CH-17	5	61,2	-	61,2	23.639.690	1,038	24.533.099
94	NXH4.19.6	CH-18	5	33,6	-	33,6	23.639.690	0,991	23.419.447
95	NXH4.19.6	CH-19	5	53,7	-	53,7	23.639.690	0,975	23.045.110
96	NXH4.19.6	CH-20	5	53,6	-	53,6	23.639.690	0,968	22.881.338
97	NXH4.19.6	CH-01	6	53,3	-	53,3	23.639.690	0,988	23.349.259
98	NXH4.19.6	CH-02	6	53,6	-	53,6	23.639.690	0,978	23.115.298
99	NXH4.19.6	CH-03	6	53,6	-	53,6	23.639.690	0,973	22.998.318
100	NXH4.19.6	CH-04	6	33,4	-	33,4	23.639.690	0,973	22.998.318
101	NXH4.19.6	CH-05	6	68,8	-	68,8	23.639.690	1,041	24.614.985
102	NXH4.19.6	CH-06	6	68,8	-	68,8	23.639.690	1,057	24.998.680
103	NXH4.19.6	CH-07	6	30,0	-	30,0	23.639.690	1,009	23.863.972
104	NXH4.19.6	CH-08	6	30,2	-	30,2	23.639.690	1,022	24.168.121
105	NXH4.19.6	CH-09	6	53,5	-	53,5	23.639.690	1,002	23.676.803
106	NXH4.19.6	CH-10	6	53,5	-	53,5	23.639.690	1,000	23.630.011
107	NXH4.19.6	CH-11	6	53,6	-	53,6	23.639.690	1,000	23.630.011
108	NXH4.19.6	CH-12	6	53,6	-	53,6	23.639.690	0,985	23.279.071
109	NXH4.19.6	CH-13	6	53,6	-	53,6	23.639.690	0,980	23.162.090
110	NXH4.19.6	CH-14	6	53,6	-	53,6	23.639.690	0,980	23.162.090
111	NXH4.19.6	CH-15	6	58,4	-	58,4	23.639.690	1,000	23.630.011
112	NXH4.19.6	CH-16	6	61,3	-	61,3	23.639.690	1,069	25.267.735
113	NXH4.19.6	CH-17	6	61,2	-	61,2	23.639.690	1,053	24.884.040
114	NXH4.19.6	CH-18	6	33,6	-	33,6	23.639.690	0,996	23.536.427
115	NXH4.19.6	CH-19	6	53,7	-	53,7	23.639.690	0,980	23.162.090
116	NXH4.19.6	CH-20	6	53,6	-	53,6	23.639.690	0,973	22.998.318
117	NXH4.19.6	CH-01	7	53,3	-	53,3	23.639.690	0,968	22.881.338
118	NXH4.19.6	CH-02	7	53,6	-	53,6	23.639.690	0,958	22.647.377
119	NXH4.19.6	CH-03	7	53,6	-	53,6	23.639.690	0,953	22.530.397
120	NXH4.19.6	CH-04	7	33,4	-	33,4	23.639.690	0,953	22.530.397
121	NXH4.19.6	CH-05	7	68,8	-	68,8	23.639.690	1,021	24.147.064
122	NXH4.19.6	CH-06	7	68,8	-	68,8	23.639.690	1,038	24.530.759
123	NXH4.19.6	CH-07	7	30,0	-	30,0	23.639.690	0,990	23.396.051
124	NXH4.19.6	CH-08	7	30,2	-	30,2	23.639.690	1,003	23.700.200
125	NXH4.19.6	CH-09	7	53,5	-	53,5	23.639.690	0,982	23.208.882
126	NXH4.19.6	CH-10	7	53,5	-	53,5	23.639.690	0,980	23.162.090
127	NXH4.19.6	CH-11	7	53,6	-	53,6	23.639.690	0,980	23.162.090
128	NXH4.19.6	CH-12	7	53,6	-	53,6	23.639.690	0,965	22.811.150
129	NXH4.19.6	CH-13	7	53,6	-	53,6	23.639.690	0,960	22.694.169
130	NXH4.19.6	CH-14	7	53,6	-	53,6	23.639.690	0,960	22.694.169
131	NXH4.19.6	CH-15	7	58,4	-	58,4	23.639.690	0,980	23.162.090
132	NXH4.19.6	CH-16	7	61,3	-	61,3	23.639.690	1,049	24.799.814
133	NXH4.19.6	CH-17	7	61,2	-	61,2	23.639.690	1,033	24.416.119
134	NXH4.19.6	CH-18	7	33,6	-	33,6	23.639.690	0,976	23.068.506
135	NXH4.19.6	CH-19	7	53,7	-	53,7	23.639.690	0,960	22.694.169
136	NXH4.19.6	CH-20	7	53,6	-	53,6	23.639.690	0,953	22.530.397
137	NXH4.19.6	CH-01	8	53,3	-	53,3	23.639.690	0,983	23.232.278
138	NXH4.19.6	CH-02	8	53,6	-	53,6	23.639.690	0,973	22.998.318
139	NXH4.19.6	CH-03	8	53,6	-	53,6	23.639.690	0,968	22.881.338
140	NXH4.19.6	CH-04	8	33,4	-	33,4	23.639.690	0,968	22.881.338
141	NXH4.19.6	CH-05	8	68,8	-	68,8	23.639.690	1,036	24.498.005
142	NXH4.19.6	CH-06	8	68,8	-	68,8	23.639.690	1,053	24.881.700
143	NXH4.19.6	CH-07	8	30,0	-	30,0	23.639.690	1,005	23.746.991
144	NXH4.19.6	CH-08	8	30,2	-	30,2	23.639.690	1,017	24.051.140
145	NXH4.19.6	CH-09	8	53,5	-	53,5	23.639.690	0,997	23.559.823
146	NXH4.19.6	CH-10	8	53,5	-	53,5	23.639.690	0,995	23.513.031
147	NXH4.19.6	CH-11	8	53,6	-	53,6	23.639.690	0,995	23.513.031
148	NXH4.19.6	CH-12	8	53,6	-	53,6	23.639.690	0,980	23.162.090
149	NXH4.19.6	CH-13	8	53,6	-	53,6	23.639.690	0,975	23.045.110
150	NXH4.19.6	CH-14	8	53,6	-	53,6	23.639.690	0,975	23.045.110
151	NXH4.19.6	CH-15	8	58,4	-	58,4	23.639.690	0,995	23.513.031
152	NXH4.19.6	CH-16	8	61,3	-	61,3	23.639.690	1,064	25.150.755

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số KI	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
				Diện tích bán	Diện tích cho thuê				
153	NXH4.19.6	CH-17	8	61,2	-	61,2	23.639.690	1,048	24.767.059
154	NXH4.19.6	CH-18	8	33,6	-	33,6	23.639.690	0,991	23.419.447
155	NXH4.19.6	CH-19	8	53,7	-	53,7	23.639.690	0,975	23.045.110
156	NXH4.19.6	CH-20	8	53,6	-	53,6	23.639.690	0,968	22.881.338
157	NXH4.19.6	CH-01	9	53,3	-	53,3	23.639.690	0,966	22.834.545
158	NXH4.19.6	CH-02	9	53,6	-	53,6	23.639.690	0,956	22.600.585
159	NXH4.19.6	CH-03	9	53,6	-	53,6	23.639.690	0,951	22.483.605
160	NXH4.19.6	CH-04	9	33,4	-	33,4	23.639.690	0,951	22.483.605
161	NXH4.19.6	CH-05	9	68,8	-	68,8	23.639.690	1,019	24.100.272
162	NXH4.19.6	CH-06	9	68,8	-	68,8	23.639.690	1,036	24.483.967
163	NXH4.19.6	CH-07	9	30,0	-	30,0	23.639.690	0,988	23.349.259
164	NXH4.19.6	CH-08	9	30,2	-	30,2	23.639.690	1,001	23.653.408
165	NXH4.19.6	CH-09	9	53,5	-	53,5	23.639.690	0,980	23.162.090
166	NXH4.19.6	CH-10	9	53,5	-	53,5	23.639.690	0,978	23.115.298
167	NXH4.19.6	CH-11	9	53,6	-	53,6	23.639.690	0,978	23.115.298
168	NXH4.19.6	CH-12	9	53,6	-	53,6	23.639.690	0,963	22.764.357
169	NXH4.19.6	CH-13	9	53,6	-	53,6	23.639.690	0,958	22.647.377
170	NXH4.19.6	CH-14	9	53,6	-	53,6	23.639.690	0,958	22.647.377
171	NXH4.19.6	CH-15	9	58,4	-	58,4	23.639.690	0,978	23.115.298
172	NXH4.19.6	CH-16	9	61,3	-	61,3	23.639.690	1,047	24.753.022
173	NXH4.19.6	CH-17	9	61,2	-	61,2	23.639.690	1,031	24.369.326
174	NXH4.19.6	CH-18	9	33,6	-	33,6	23.639.690	0,974	23.021.714
175	NXH4.19.6	CH-19	9	53,7	-	53,7	23.639.690	0,958	22.647.377
176	NXH4.19.6	CH-20	9	53,6	-	53,6	23.639.690	0,951	22.483.605

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số KI	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
				Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)	(m2)			
NXH4.19.7		176		9.165,6	-	9.165,6	23.036.776	1,000	23.036.776
1	NXH4.19.7	CH-01	1	69,9	-	69,9	23.036.776	1,068	24.611.933
2	NXH4.19.7	CH-02	1	67,4	-	67,4	23.036.776	1,059	24.386.136
3	NXH4.19.7	CH-03	1	67,4	-	67,4	23.036.776	1,054	24.273.237
4	NXH4.19.7	CH-04	1	69,1	-	69,1	23.036.776	1,039	23.934.540
5	NXH4.19.7	CH-05	1	53,2	-	53,2	23.036.776	1,093	25.187.717
6	NXH4.19.7	CH-06	1	70,0	-	70,0	23.036.776	1,088	25.065.787
7	NXH4.19.7	CH-07	1	29,2	-	29,2	23.036.776	1,057	24.340.976
8	NXH4.19.7	CH-08	1	38,9	-	38,9	23.036.776	1,069	24.634.513
9	NXH4.19.7	CH-09	1	54,6	-	54,6	23.036.776	1,049	24.160.338
10	NXH4.19.7	CH-10	1	54,7	-	54,7	23.036.776	1,047	24.115.179
11	NXH4.19.7	CH-11	1	54,7	-	54,7	23.036.776	1,047	24.115.179
12	NXH4.19.7	CH-12	1	54,7	-	54,7	23.036.776	1,047	24.115.179
13	NXH4.19.7	CH-13	1	33,8	-	33,8	23.036.776	1,032	23.776.483
14	NXH4.19.7	CH-14	1	64,9	-	64,9	23.036.776	1,013	23.324.887
15	NXH4.19.7	CH-15	1	62,4	-	62,4	23.036.776	1,101	25.370.613
16	NXH4.19.7	CH-16	1	67,1	-	67,1	23.036.776	1,112	25.628.022
17	NXH4.19.7	CH-17	1	56,8	-	56,8	23.036.776	1,068	24.611.933
18	NXH4.19.7	CH-18	1	62,2	-	62,2	23.036.776	1,062	24.453.875
19	NXH4.19.7	CH-19	1	54,6	-	54,6	23.036.776	1,070	24.657.093
20	NXH4.19.7	CH-01	2	53,3	-	53,3	23.036.776	0,970	22.353.958
21	NXH4.19.7	CH-02	2	53,6	-	53,6	23.036.776	0,961	22.128.160
22	NXH4.19.7	CH-03	2	53,6	-	53,6	23.036.776	0,956	22.015.262
23	NXH4.19.7	CH-04	2	33,4	-	33,4	23.036.776	0,956	22.015.262
24	NXH4.19.7	CH-05	2	68,8	-	68,8	23.036.776	1,030	23.720.034
25	NXH4.19.7	CH-06	2	68,8	-	68,8	23.036.776	1,054	24.275.495
26	NXH4.19.7	CH-07	2	28,8	-	28,8	23.036.776	0,988	22.760.394
27	NXH4.19.7	CH-08	2	29,0	-	29,0	23.036.776	1,001	23.053.930
28	NXH4.19.7	CH-09	2	53,5	-	53,5	23.036.776	0,980	22.579.755
29	NXH4.19.7	CH-10	2	53,5	-	53,5	23.036.776	0,978	22.534.596
30	NXH4.19.7	CH-11	2	53,6	-	53,6	23.036.776	0,978	22.534.596
31	NXH4.19.7	CH-15	2	56,0	-	56,0	23.036.776	0,978	22.534.596
32	NXH4.19.7	CH-16	2	61,3	-	61,3	23.036.776	1,021	23.519.074
33	NXH4.19.7	CH-17	2	61,2	-	61,2	23.036.776	1,021	23.528.105
34	NXH4.19.7	CH-18	2	33,6	-	33,6	23.036.776	0,978	22.534.596
35	NXH4.19.7	CH-19	2	53,7	-	53,7	23.036.776	0,963	22.173.319
36	NXH4.19.7	CH-20	2	53,6	-	53,6	23.036.776	0,956	22.015.262
37	NXH4.19.7	CH-01	3	53,3	-	53,3	23.036.776	0,975	22.466.857
38	NXH4.19.7	CH-02	3	53,6	-	53,6	23.036.776	0,965	22.241.059
39	NXH4.19.7	CH-03	3	53,6	-	53,6	23.036.776	0,961	22.128.160
40	NXH4.19.7	CH-04	3	33,4	-	33,4	23.036.776	0,961	22.128.160
41	NXH4.19.7	CH-05	3	68,8	-	68,8	23.036.776	1,035	23.832.932
42	NXH4.19.7	CH-06	3	68,8	-	68,8	23.036.776	1,059	24.388.394
43	NXH4.19.7	CH-07	3	28,8	-	28,8	23.036.776	0,993	22.873.292
44	NXH4.19.7	CH-08	3	29,0	-	29,0	23.036.776	1,006	23.166.829
45	NXH4.19.7	CH-09	3	53,5	-	53,5	23.036.776	0,985	22.692.654
46	NXH4.19.7	CH-10	3	53,5	-	53,5	23.036.776	0,983	22.647.494
47	NXH4.19.7	CH-11	3	53,6	-	53,6	23.036.776	0,983	22.647.494
48	NXH4.19.7	CH-12	3	53,6	-	53,6	23.036.776	0,968	22.308.798
49	NXH4.19.7	CH-13	3	53,6	-	53,6	23.036.776	0,963	22.195.899
50	NXH4.19.7	CH-14	3	53,6	-	53,6	23.036.776	0,963	22.195.899

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số K1	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
				Diện tích bán	Diện tích cho thuê				
51	NXH4.19.7	CH-15	3	56,0	-	56,0	23.036.776	0,983	22.647.494
52	NXH4.19.7	CH-16	3	61,3	-	61,3	23.036.776	1,026	23.631.972
53	NXH4.19.7	CH-17	3	61,2	-	61,2	23.036.776	1,026	23.641.004
54	NXH4.19.7	CH-18	3	33,6	-	33,6	23.036.776	0,983	22.647.494
55	NXH4.19.7	CH-19	3	53,7	-	53,7	23.036.776	0,967	22.286.219
56	NXH4.19.7	CH-20	3	53,6	-	53,6	23.036.776	0,961	22.128.160
57	NXH4.19.7	CH-01	4	53,3	-	53,3	23.036.776	0,965	22.241.059
58	NXH4.19.7	CH-02	4	53,6	-	53,6	23.036.776	0,956	22.015.262
59	NXH4.19.7	CH-03	4	53,6	-	53,6	23.036.776	0,951	21.902.362
60	NXH4.19.7	CH-04	4	33,4	-	33,4	23.036.776	0,951	21.902.363
61	NXH4.19.7	CH-05	4	68,8	-	68,8	23.036.776	1,025	23.607.134
62	NXH4.19.7	CH-06	4	68,8	-	68,8	23.036.776	1,049	24.162.596
63	NXH4.19.7	CH-07	4	28,8	-	28,8	23.036.776	0,983	22.647.494
64	NXH4.19.7	CH-08	4	29,0	-	29,0	23.036.776	0,996	22.941.031
65	NXH4.19.7	CH-09	4	53,5	-	53,5	23.036.776	0,975	22.466.857
66	NXH4.19.7	CH-10	4	53,5	-	53,5	23.036.776	0,973	22.421.697
67	NXH4.19.7	CH-11	4	53,6	-	53,6	23.036.776	0,973	22.421.697
68	NXH4.19.7	CH-12	4	53,6	-	53,6	23.036.776	0,959	22.083.001
69	NXH4.19.7	CH-13	4	53,6	-	53,6	23.036.776	0,954	21.970.102
70	NXH4.19.7	CH-14	4	53,6	-	53,6	23.036.776	0,954	21.970.102
71	NXH4.19.7	CH-15	4	56,0	-	56,0	23.036.776	0,973	22.421.697
72	NXH4.19.7	CH-16	4	61,3	-	61,3	23.036.776	1,016	23.406.174
73	NXH4.19.7	CH-17	4	61,2	-	61,2	23.036.776	1,016	23.415.206
74	NXH4.19.7	CH-18	4	33,6	-	33,6	23.036.776	0,973	22.421.697
75	NXH4.19.7	CH-19	4	53,7	-	53,7	23.036.776	0,958	22.060.421
76	NXH4.19.7	CH-20	4	53,6	-	53,6	23.036.776	0,951	21.902.362
77	NXH4.19.7	CH-01	5	53,3	-	53,3	23.036.776	0,985	22.692.654
78	NXH4.19.7	CH-02	5	53,6	-	53,6	23.036.776	0,975	22.466.857
79	NXH4.19.7	CH-03	5	53,6	-	53,6	23.036.776	0,970	22.353.958
80	NXH4.19.7	CH-04	5	33,4	-	33,4	23.036.776	0,970	22.353.958
81	NXH4.19.7	CH-05	5	68,8	-	68,8	23.036.776	1,044	24.058.730
82	NXH4.19.7	CH-06	5	68,8	-	68,8	23.036.776	1,068	24.614.191
83	NXH4.19.7	CH-07	5	28,8	-	28,8	23.036.776	1,003	23.099.090
84	NXH4.19.7	CH-08	5	29,0	-	29,0	23.036.776	1,015	23.392.626
85	NXH4.19.7	CH-09	5	53,5	-	53,5	23.036.776	0,995	22.918.451
86	NXH4.19.7	CH-10	5	53,5	-	53,5	23.036.776	0,993	22.873.292
87	NXH4.19.7	CH-11	5	53,6	-	53,6	23.036.776	0,993	22.873.292
88	NXH4.19.7	CH-12	5	53,6	-	53,6	23.036.776	0,978	22.534.596
89	NXH4.19.7	CH-13	5	53,6	-	53,6	23.036.776	0,973	22.421.697
90	NXH4.19.7	CH-14	5	53,6	-	53,6	23.036.776	0,973	22.421.697
91	NXH4.19.7	CH-15	5	56,0	-	56,0	23.036.776	0,993	22.873.292
92	NXH4.19.7	CH-16	5	61,3	-	61,3	23.036.776	1,036	23.857.770
93	NXH4.19.7	CH-17	5	61,2	-	61,2	23.036.776	1,036	23.866.801
94	NXH4.19.7	CH-18	5	33,6	-	33,6	23.036.776	0,993	22.873.292
95	NXH4.19.7	CH-19	5	53,7	-	53,7	23.036.776	0,977	22.512.016
96	NXH4.19.7	CH-20	5	53,6	-	53,6	23.036.776	0,970	22.353.958
97	NXH4.19.7	CH-01	6	53,3	-	53,3	23.036.776	0,990	22.805.553
98	NXH4.19.7	CH-02	6	53,6	-	53,6	23.036.776	0,980	22.579.755
99	NXH4.19.7	CH-03	6	53,6	-	53,6	23.036.776	0,975	22.466.857
100	NXH4.19.7	CH-04	6	33,4	-	33,4	23.036.776	0,975	22.466.857
101	NXH4.19.7	CH-05	6	68,8	-	68,8	23.036.776	1,049	24.171.628
102	NXH4.19.7	CH-06	6	68,8	-	68,8	23.036.776	1,073	24.727.091
103	NXH4.19.7	CH-07	6	28,8	-	28,8	23.036.776	1,008	23.211.989
104	NXH4.19.7	CH-08	6	29,0	-	29,0	23.036.776	1,020	23.505.526
105	NXH4.19.7	CH-09	6	53,5	-	53,5	23.036.776	1,000	23.031.351
106	NXH4.19.7	CH-10	6	53,5	-	53,5	23.036.776	0,998	22.986.191
107	NXH4.19.7	CH-11	6	53,6	-	53,6	23.036.776	0,998	22.986.191
108	NXH4.19.7	CH-12	6	53,6	-	53,6	23.036.776	0,983	22.647.494
109	NXH4.19.7	CH-13	6	53,6	-	53,6	23.036.776	0,978	22.534.596
110	NXH4.19.7	CH-14	6	53,6	-	53,6	23.036.776	0,978	22.534.596
111	NXH4.19.7	CH-15	6	56,0	-	56,0	23.036.776	0,998	22.986.191
112	NXH4.19.7	CH-16	6	61,3	-	61,3	23.036.776	1,050	24.196.465
113	NXH4.19.7	CH-17	6	61,2	-	61,2	23.036.776	1,041	23.979.701
114	NXH4.19.7	CH-18	6	33,6	-	33,6	23.036.776	0,998	22.986.191
115	NXH4.19.7	CH-19	6	53,7	-	53,7	23.036.776	0,982	22.624.915
116	NXH4.19.7	CH-20	6	53,6	-	53,6	23.036.776	0,975	22.466.857
117	NXH4.19.7	CH-01	7	53,3	-	53,3	23.036.776	0,970	22.353.958
118	NXH4.19.7	CH-02	7	53,6	-	53,6	23.036.776	0,961	22.128.160
119	NXH4.19.7	CH-03	7	53,6	-	53,6	23.036.776	0,956	22.015.262
120	NXH4.19.7	CH-04	7	33,4	-	33,4	23.036.776	0,956	22.015.262
121	NXH4.19.7	CH-05	7	68,8	-	68,8	23.036.776	1,030	23.720.034
122	NXH4.19.7	CH-06	7	68,8	-	68,8	23.036.776	1,054	24.275.495
123	NXH4.19.7	CH-07	7	28,8	-	28,8	23.036.776	0,988	22.760.394
124	NXH4.19.7	CH-08	7	29,0	-	29,0	23.036.776	1,001	23.053.930
125	NXH4.19.7	CH-09	7	53,5	-	53,5	23.036.776	0,980	22.579.755
126	NXH4.19.7	CH-10	7	53,5	-	53,5	23.036.776	0,978	22.534.596
127	NXH4.19.7	CH-11	7	53,6	-	53,6	23.036.776	0,978	22.534.596
128	NXH4.19.7	CH-12	7	53,6	-	53,6	23.036.776	0,963	22.195.899
129	NXH4.19.7	CH-13	7	53,6	-	53,6	23.036.776	0,959	22.083.001
130	NXH4.19.7	CH-14	7	53,6	-	53,6	23.036.776	0,959	22.083.001

STT	Tòa	Căn	Tầng	Diện tích sử dụng nhà ở xã hội (m2)		Tổng diện tích (m2)	Giá bán nhà ở xã hội trung bình gồm VAT (đồng/m2)	Hệ số KI	Giá bán nhà ở xã hội gồm VAT (đồng/m2)
				Diện tích bán (m2)	Diện tích cho thuê (m2)				
131	NXH4.19.7	CH-15	7	56,0	-	56,0	23.036.776	0,978	22.534.596
132	NXH4.19.7	CH-16	7	61,3	-	61,3	23.036.776	1,031	23.744.871
133	NXH4.19.7	CH-17	7	61,2	-	61,2	23.036.776	1,021	23.528.105
134	NXH4.19.7	CH-18	7	33,6	-	33,6	23.036.776	0,978	22.534.596
135	NXH4.19.7	CH-19	7	53,7	-	53,7	23.036.776	0,963	22.173.319
136	NXH4.19.7	CH-20	7	53,6	-	53,6	23.036.776	0,956	22.015.262
137	NXH4.19.7	CH-01	8	53,3	-	53,3	23.036.776	0,985	22.692.654
138	NXH4.19.7	CH-02	8	53,6	-	53,6	23.036.776	0,975	22.466.857
139	NXH4.19.7	CH-03	8	53,6	-	53,6	23.036.776	0,970	22.353.958
140	NXH4.19.7	CH-04	8	33,4	-	33,4	23.036.776	0,970	22.353.958
141	NXH4.19.7	CH-05	8	68,8	-	68,8	23.036.776	1,044	24.058.730
142	NXH4.19.7	CH-06	8	68,8	-	68,8	23.036.776	1,068	24.614.191
143	NXH4.19.7	CH-07	8	28,8	-	28,8	23.036.776	1,003	23.099.090
144	NXH4.19.7	CH-08	8	29,0	-	29,0	23.036.776	1,015	23.392.626
145	NXH4.19.7	CH-09	8	53,5	-	53,5	23.036.776	0,995	22.918.451
146	NXH4.19.7	CH-10	8	53,5	-	53,5	23.036.776	0,993	22.873.292
147	NXH4.19.7	CH-11	8	53,6	-	53,6	23.036.776	0,993	22.873.292
148	NXH4.19.7	CH-12	8	53,6	-	53,6	23.036.776	0,978	22.534.596
149	NXH4.19.7	CH-13	8	53,6	-	53,6	23.036.776	0,973	22.421.697
150	NXH4.19.7	CH-14	8	53,6	-	53,6	23.036.776	0,973	22.421.697
151	NXH4.19.7	CH-15	8	56,0	-	56,0	23.036.776	0,993	22.873.292
152	NXH4.19.7	CH-16	8	61,3	-	61,3	23.036.776	1,045	24.083.567
153	NXH4.19.7	CH-17	8	61,2	-	61,2	23.036.776	1,036	23.866.801
154	NXH4.19.7	CH-18	8	33,6	-	33,6	23.036.776	0,993	22.873.292
155	NXH4.19.7	CH-19	8	53,7	-	53,7	23.036.776	0,977	22.512.016
156	NXH4.19.7	CH-20	8	53,6	-	53,6	23.036.776	0,970	22.353.958
157	NXH4.19.7	CH-01	9	53,3	-	53,3	23.036.776	0,968	22.308.798
158	NXH4.19.7	CH-02	9	53,6	-	53,6	23.036.776	0,959	22.083.001
159	NXH4.19.7	CH-03	9	53,6	-	53,6	23.036.776	0,954	21.970.102
160	NXH4.19.7	CH-04	9	33,4	-	33,4	23.036.776	0,954	21.970.102
161	NXH4.19.7	CH-05	9	68,8	-	68,8	23.036.776	1,028	23.674.873
162	NXH4.19.7	CH-06	9	68,8	-	68,8	23.036.776	1,052	24.230.336
163	NXH4.19.7	CH-07	9	28,8	-	28,8	23.036.776	0,986	22.715.234
164	NXH4.19.7	CH-08	9	29,0	-	29,0	23.036.776	0,999	23.008.771
165	NXH4.19.7	CH-09	9	53,5	-	53,5	23.036.776	0,978	22.534.596
166	NXH4.19.7	CH-10	9	53,5	-	53,5	23.036.776	0,976	22.489.437
167	NXH4.19.7	CH-11	9	53,6	-	53,6	23.036.776	0,976	22.489.437
168	NXH4.19.7	CH-12	9	53,6	-	53,6	23.036.776	0,962	22.150.740
169	NXH4.19.7	CH-13	9	53,6	-	53,6	23.036.776	0,957	22.037.841
170	NXH4.19.7	CH-14	9	53,6	-	53,6	23.036.776	0,957	22.037.841
171	NXH4.19.7	CH-15	9	56,0	-	56,0	23.036.776	0,976	22.489.437
172	NXH4.19.7	CH-16	9	61,3	-	61,3	23.036.776	1,029	23.699.711
173	NXH4.19.7	CH-17	9	61,2	-	61,2	23.036.776	1,019	23.482.946
174	NXH4.19.7	CH-18	9	33,6	-	33,6	23.036.776	0,976	22.489.437
175	NXH4.19.7	CH-19	9	53,7	-	53,7	23.036.776	0,961	22.128.160
176	NXH4.19.7	CH-20	9	53,6	-	53,6	23.036.776	0,954	21.970.102